

Phụ lục I-5

Báo cáo chuyên Tham quan học tập lập bởi tỉnh Quảng Ninh

Số /BC-KHĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả chuyến đi tham quan học tập kinh nghiệm về phương thức quản lý nâng cao nhận thức về môi trường và hợp tác công dân tại Nhật Bản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cử đoàn đại biểu của tỉnh đi tham quan học tập kinh nghiệm về phương thức quản lý nâng cao nhận thức về môi trường và hợp tác công dân tại Nhật Bản. Trên cơ sở kết quả chuyến đi, Đoàn công tác tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

I. Kết quả đạt được

Với mục tiêu học tập kinh nghiệm về Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển bền vững của tỉnh Shiga (Nhật Bản) để có cơ sở triển khai thực hiện kế hoạch hành động cho Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (do chính phủ Nhật Bản hỗ trợ) trong giai đoạn tiếp theo. Đoàn công tác tỉnh Quảng Ninh do Đồng chí Đặng Huy Hậu – Phó chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân Tỉnh làm Trưởng đoàn đã có chuyến thăm quan và làm việc tại Nhật Bản từ ngày 22 – 28/4/2016.

- Trong chuyến đi, Đoàn công tác đã tới thăm và chào xã giao Lãnh đạo Văn phòng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (Jica); Bộ Đất đai, Hạ tầng cơ sở, Vận tải và Du lịch; Tỉnh trưởng tỉnh Shiga và Công ty Nippon Koei. Tại các buổi làm việc, các bên nhấn mạnh sự tương đồng trong văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản, cũng như mối quan hệ thân thiết giữa hai nước, trong đó có tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh, thành phố Nhật Bản trong những năm gần đây. Điều đó được minh chứng thông qua nhiều hoạt động hàng năm, đặc biệt là các Lễ hội hoa anh đào tại Hạ Long, cũng như các dự án đã và đang thành công của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Quảng Ninh; thành công này nhờ có sự quan tâm hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản, đặc biệt là Văn phòng Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Các bên đều thống nhất cam kết tiếp tục phối hợp chặt chẽ, đảm bảo thực hiện thành công các chương trình, dự án và phát huy hiệu quả lâu dài các nguồn lực mà Chính phủ và nhân dân, các doanh nghiệp Nhật Bản đã và đang giúp nhân dân Tỉnh Quảng Ninh nói riêng, Việt Nam nói chung.

- Trên quan điểm phát triển kinh tế - xã hội bền vững phù hợp với các mục tiêu của chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam; cơ cấu nền kinh tế của tỉnh Quảng Ninh hiện đang được từng bước dịch chuyển từ các hoạt động “nâu” sang “xanh”, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ và các ngành công nghiệp phi khai khoáng, đồng thời đảm bảo hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là khai thác than ngày càng bền vững hơn. Để đáp ứng mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ công nghiệp hiện đại: các bên đã cùng nhau thảo luận và thống nhất về tầm quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bền vững Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Về phía tỉnh Quảng Ninh, hi vọng tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt là kinh nghiệm của tỉnh Shiga trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường nước hồ Biwa. Phía Nhật Bản bày tỏ thiện chí sẵn sàng hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh trong việc triển khai Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh, đặc biệt là Giai đoạn 2 của dự án thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đoàn công tác đã đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm:

(1) Hệ thống quản lý môi trường của Nhà máy bia Kirin – Một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Nhật Bản trong ngành công nghiệp đồ uống (công suất sản xuất bia 200.000 kl/năm và công suất sản xuất đồ uống khác 20.000.000 c/s/năm) với công suất xử lý nước thải lượng nước 6.300 m³/ngày; COD: 15,8 tấn/ngày; tỷ lệ tái sử dụng rác thải, phế liệu, vật phẩm của công ty đạt gần 70%;

(2) Hiệp hội bảo vệ môi trường nước tỉnh Shiga – Đây là tổ chức do các doanh nghiệp tự nguyện thành lập, là nơi để cho các doanh nghiệp gặp gỡ, hợp tác liên kết hỗ trợ lẫn nhau trong việc giảm chi phí, nâng cao trình độ kiến thức và kỹ thuật trên cơ sở sự tự nguyện tuân thủ các quy định trong việc bảo vệ môi trường của tỉnh Shiga. Tại đây Đoàn công tác đã được Hiệp hội chia sẻ về cách thức hoạt động của Hiệp hội, đặc biệt là cơ chế giám sát việc tuân thủ của các doanh nghiệp, cũng như ý thức của các doanh nghiệp trong việc xử lý các chất thải trước khi thải ra môi trường. Nhiều doanh nghiệp xử lý nước thải đạt chỉ tiêu nghiêm ngặt hơn so với tiêu chuẩn cho phép.

(3) Thăm cộng đồng địa phương tại Quận Harie, Thành phố Takashima, là một khu dân cư lân cận hồ Biwa đang áp dụng mô hình “Satoyama” trong việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Nghiên cứu hệ thống nước thải của địa phương, cụ thể: ngoài hệ thống cống rãnh công cộng tập trung, còn có bồn xử lý nước thải dùng cho từng hộ gia đình, bồn xử lý nước thải nông nghiệp tập trung đảm bảo nước thải được xử lý trước khi xả thải vào hệ thống chung. Tất cả các kênh mương nước đều đạt chất lượng môi trường, nhiều nơi đảm bảo cho các cháu học sinh có thể bơi lội, vui chơi sạch sẽ, an toàn; cảnh quan đẹp. Tại mỗi cụm dân cư đều có điểm thu gom chất thải rắn theo phương thức phân loại để tiện thu gom, tái chế.

(4) Thăm nhà máy xử lý nước thải Konan Chubu với lưu lượng nước xử lý hiện tại khoảng 487.000m³/ngày. Nhà máy được xây dựng và đi vào hoạt động từ ngày 01/4/1982; Đến nay, quy mô cũng như công nghệ xử lý nước thải của nhà máy vẫn đáp ứng được nhu cầu, cũng như các quy định về môi trường hiện tại của Nhật Bản, thậm chí tiêu chuẩn nước thải sau khi nhà máy xử lý xong thải ra môi trường cao hơn tiêu chuẩn hiện tại của Nhật Bản.

(5) Đoàn công tác cũng đi thăm một số điểm du lịch như Bảo tàng Edo-Tokyo, Chùa Vàng và một số điểm danh thắng ở Kyoto, bảo tàng Yanmar của công ty chế tạo máy thủy Yanmar và một số điểm trên đảo Chikubu trên hồ Biwa. Đặc điểm chung của các điểm thăm quan là sự hài hòa giữa cảnh quan thiên nhiên và các công trình kiến trúc văn hóa tâm linh và hiện đại; sự tận tụy, chu đáo và nghiêm túc của tổ chức, cá nhân làm dịch vụ du lịch; phong cách lịch sự, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của khách thăm. Các khu du lịch, các bảo tàng không chỉ trưng bày và có giải thích các hiện vật lịch sử, văn hóa bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại, mà còn có nhiều không gian giúp hoạt động giáo dục kiến thức văn hóa, lịch sử, khoa học và kỹ thuật cho thanh thiếu niên và khách thăm. Tỉnh Shiga có chương trình riêng giáo dục về bảo vệ môi trường cho các học sinh tiểu học trên tàu thủy thăm quan hồ Biwa.

- Đoàn công tác cũng đã tiếp xúc trao đổi và xúc tiến đầu tư với các doanh nghiệp thành viên thuộc Hiệp hội bảo vệ môi trường nước tỉnh Shiga và trực tiếp đi thăm quan các doanh nghiệp (Sekisui, Yanmar) chuyên sản xuất kinh doanh các thiết bị xử lý nước thải, máy móc thiết bị trong lĩnh vực nông nghiệp, vận tải thủy... để tìm hiểu thực tế quy trình sản xuất, sản phẩm công nghệ mới phục vụ giao thông vận tải, xây dựng dân dụng và trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Làm việc với Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa, tỉnh Shiga. Ngoài việc thăm quan mô hình hoạt động của Viện, Đoàn đã được lãnh đạo tỉnh Shiga chia sẻ kinh nghiệm trong việc liên kết giữa người dân, chính quyền, doanh nghiệp và các viện nghiên cứu trong việc khai thác và bảo vệ hồ Biwa, Kế hoạch bảo vệ hồ Biwa cũng như mô hình phát triển của tỉnh Shiga trong thời gian tới; đặc biệt là các chính sách quản lý nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường hồ Biwa, cụ thể:

(1) Chính sách bảo vệ và phát triển rừng gồm: chính sách đối với các khu vực rừng đầu nguồn, việc sử dụng tuần hoàn tài nguyên rừng; công tác giáo dục nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia của người dân trong việc bảo vệ khai thác rừng bền vững;

(2) Chính sách huy động vốn từ người dân đối với bảo vệ môi trường núi Ibuki – Đây là ngọn núi cao nhất tỉnh Shiga (1.377m), là một trong 100 núi nổi tiếng của Nhật Bản, với thực vật đa dạng (trên 1.300 loài). Ngoài mục tiêu xã hội hóa nguồn lực, các cơ chế chính sách áp dụng tại đây hướng tới nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, cũng như đảm bảo hài hòa giữa phát triển du lịch với bảo vệ hệ thống sinh thái động thực vật núi Ibuki.

(3) Chính sách phát triển nông nghiệp thân thiện với môi trường của tỉnh Shiga với mục đích: cung cấp cho người tiêu dùng nguồn nông sản an toàn và đáng tin cậy hơn, đồng thời đảm bảo việc sản xuất nông nghiệp gắn với việc bảo vệ môi trường. Cụ thể: Tỉnh Shiga xây dựng ban hành chính sách cam kết phát triển nông nghiệp thân thiện với môi trường, trong đó: quy định cụ thể vai trò của tỉnh, người nông dân, doanh nghiệp và người tiêu dùng; xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; chế độ kiểm định nông sản đạt tiêu chuẩn môi trường. Người nông dân và cơ quan quản lý nhà nước cùng nhau ký kết “Cam kết” trong việc triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường. Sản phẩm nếu đạt tiêu chuẩn sẽ được gắn chứng nhận “sản phẩm thân thiện với môi trường” trước khi đưa vào thị trường tiêu dùng. Tỉnh sẽ hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho người làm nông nghiệp nếu đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường theo đúng cam kết đã ký.

Đánh giá chung: đây là một chuyến đi học tập, khảo sát thực tế rất bổ ích, ngoài việc tăng cường đẩy mạnh trao đổi hợp tác, cũng như học tập kinh nghiệm của tỉnh Shiga về các cơ chế chính sách trong quản lý, bảo vệ môi trường nước, học tập kinh nghiệm huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong việc gìn giữ bảo vệ... Đoàn công tác đã trực tiếp thăm quan trao đổi và xúc tiến đầu tư đối với các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội bảo vệ môi trường nước tỉnh Shiga. Từ đó có cái nhìn tổng thể hơn, cũng như xác định được các công việc cần làm trước mắt, cũng như trong trung hạn và dài hạn của tỉnh Quảng Ninh đối với việc triển khai Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh và các hoạt động trong giai đoạn 2 của Dự án thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long. Chuyến đi góp phần tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Việt Nam - Nhật Bản nói chung và quan hệ giữa các địa phương giữa hai nước nói riêng. Trên cơ sở thành công của dự án, Tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh nhất trí hướng tới xây dựng mối quan hệ hợp tác sâu rộng, trên nhiều lĩnh vực giữa hai tỉnh trong thời gian tới.

II. Đề xuất, kiến nghị

Để triển khai Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh, cũng như các hoạt động trong giai đoạn 2 của dự án thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Đoàn công tác báo cáo đề xuất như sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục thông qua các Tổ chức chính trị xã hội, trong đó có Hội Giáo dục và Bảo vệ môi trường Hạ Long để nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân tỉnh Quảng Ninh, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và khách thăm trong việc bảo vệ Vịnh Hạ Long; xác định công tác bảo vệ môi trường khu vực vịnh Hạ Long là nhiệm vụ hàng đầu nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và đạt được các tiêu chí tăng trưởng xanh.. Công tác tuyên truyền giáo dục cần phải gắn với từng đối tượng cụ thể. Trước mắt sớm nghiên cứu xây dựng và đưa chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long vào các trường học, đặc biệt là các trường tiểu học của các địa phương

trong khu vực vịnh Hạ Long, các trường dạy nghề...; Đồng thời tiến hành nghiên cứu khảo sát đánh giá đối với người dân sống trong khu vực vịnh Hạ Long về nhận thức, mong muốn của người dân đối với tương lai của vịnh Hạ Long, để có cái nhìn mang tính tổng thể hơn, từ đó xác định được các nhiệm vụ, giải pháp cần phải thực hiện dưới góc độ quản lý nhà nước cho phù hợp.

2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường khu vực vịnh Hạ Long thông qua việc xây dựng các chế tài đặc thù hướng tới: các doanh nghiệp, người dân phải tự xử lý chất thải của mình trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo việc xử lý phải từ gốc. Định kỳ công bố công khai rộng rãi thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải của các doanh nghiệp để làm cơ sở kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý cũng như người dân. Việc này có thể thực hiện thông qua việc Công bố báo cáo quan trắc môi trường thường xuyên (sách trắng) cũng như Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích để thành lập Hiệp hội bảo vệ môi trường các Khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh – Đây sẽ là cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời cũng là nơi để các doanh nghiệp gặp gỡ trao đổi và chia sẻ các kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ và giảm chi phí trong việc xử lý chất thải của doanh nghiệp, cũng như nâng cao được nhận thức của doanh nghiệp đối với việc bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh.

3. Khẩn trương tiến hành nghiên cứu đánh giá một cách khoa học hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường khu vực vịnh Hạ Long, xác định rõ nguyên nhân để có cơ sở xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù trong quản lý, khai thác và bảo vệ môi trường khu vực vịnh Hạ Long hiệu quả hơn. Trong dài hạn đề nghị thành lập Trung tâm hoặc Viện nghiên cứu môi trường vịnh Hạ Long để phục vụ công tác quản lý nhà nước của tỉnh Quảng Ninh đối với bảo vệ môi trường khu vực vịnh Hạ Long.

4. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cần phải có tầm nhìn dài hạn, không chắp vá. Nghiên cứu áp dụng mô hình bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng do cộng đồng dân cư tự làm theo mô hình “Satoyama”, trước mắt có thể triển khai áp dụng đối với các làng chài trên vịnh Hạ Long và các khu vực dân cư xung quanh vịnh Hạ Long.

5. Về phát triển du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long cần phải đảm bảo hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và gắn với công tác bảo vệ, phát triển bền vững môi trường vịnh Hạ Long. Tập trung nâng cao trình độ nhân lực hoạt động trong lĩnh vực du lịch; ban hành quy định, quy chuẩn cụ thể đối với quy mô, chất lượng cũng như thiết kế của các tàu, thuyền du lịch hoạt động trên vịnh đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiện đại và thân thiện với môi trường.

6. Đẩy mạnh các giải pháp nhằm khuyến khích, huy động các nguồn lực từ người dân và doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long.

Đề xuất hàng năm, Tỉnh cần giành một nguồn lực nhất định hỗ trợ có mục tiêu (có thể gọi là chương trình tăng trưởng xanh) cho việc triển khai kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh, trước mắt áp dụng cho khu vực vịnh Hạ Long. Tỉnh cần nghiên cứu xây dựng cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh riêng cho lĩnh vực Tăng trưởng xanh để khẳng định sự quyết tâm trong nhận thức cũng như nguồn lực dành cho thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh.

7. Nghiên cứu xây dựng các chế tài giám sát, kiểm tra cũng như các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích hỗ trợ người nông dân áp dụng kỹ thuật thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp để cung cấp cho người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp an toàn, đảm bảo việc sản xuất trong nông nghiệp cần gắn kết với công tác bảo vệ môi trường.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long, thông qua việc định kỳ tổ chức các hội nghị, các diễn đàn mang tầm khu vực.

Các kết quả thăm quan, học tập tại Nhật Bản như trình bày ở trên sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đưa vào các kiến nghị hành động và chính sách cụ thể trong quản lý và phát triển bền vững khu vực vịnh Hạ Long, đặc biệt trong thiết kế hoạt động Giai đoạn 2 của Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Đặng Huy Hậu – PCT thường trực UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: TNMT, Công thương, VHTT&DL.
- KTĐN, VX, KTN;
- Lưu: VP/THQH.

**KT.TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**

**GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Nguyễn Văn Minh**

Phụ lục I-6
Dự thảo PDM và PO cho Giai đoạn Thực thi Dự án

MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM)
(Bản tiếng Anh là nội dung chính thức để ký. Bản dịch tiếng Việt chỉ để tham khảo)

Tên Dự án: Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn thực thi). Giai đoạn dự án: 2016-2018 (3 năm)

Khu vực mục tiêu: vịnh Hạ Long: Thành phố Hạ Long, T.P Cẩm Phả, Huyện Vân Đồn, Huyện Hoành Bồ, T.xã Quảng Yên, T.P Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Nhóm đối tượng: Dân số khu vực Hạ Long (Tổng số xấp xỉ 1.780.000 người: T.P Hạ Long: 237.000, T.P Cẩm Phả: 186.000, Huyện Vân Đồn: 43.000, Huyện Hoành Bồ: 50.400, T.x Quảng Yên: 134.200, T.P Uông Bí: 113.300).

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Các giả thiết quan trọng
MỤC TIÊU TỔNG THỂ			
Thúc đẩy tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh thông qua quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ “nâu” sang “xanh”.	<ul style="list-style-type: none"> - Sách trắng về Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh được xuất bản liên tục. - Từ mười (10) hoạt động trở lên liên quan tới cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh, tiết kiệm năng lượng, giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh được tiến hành thông qua các quy định quản lý môi trường và tổ chức được xây dựng bởi Dự án cho các ngành trọng điểm được chọn ở tỉnh Quảng Ninh. - Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên và các thông tin liên quan được xây dựng và cung cấp thông qua các quy định, cơ chế và tổ chức được Dự án xây dựng bởi cho ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh. - Những ghi chép và phỏng vấn chính thức đối với các sở ngành liên quan của tỉnh Quảng Ninh, các doanh nghiệp tư nhân, người dân địa phương và khách du lịch. 	<p>Không có thay đổi trong chính sách thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Không có thay đổi về tình hình xã hội gây cản trở hoạt động của các đơn vị tư nhân liên quan, như khủng hoảng kinh tế, v.v...</p> <p>Không xảy ra thiên tai gây thiệt hại tới các tài nguyên du lịch.</p>
MỤC TIÊU DỰ ÁN			
Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long thông qua việc thực hiện các chính sách môi trường bền vững trong các ngành trọng điểm và thực hiện các chính sách phát triển ngành du lịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Những quy định, cơ chế và tổ chức phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh sau đây được tỉnh Quảng Ninh phê duyệt. <ul style="list-style-type: none"> • Quy định và tổ chức cho hoạt động liên tục xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh • Các cơ chế tài chính và cấp ngân sách và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy quản lý môi trường và tiết kiệm năng lượng • Quy định và tổ chức cho các hoạt động cung cấp và cập nhật thông tin du lịch và quảng bá du lịch • Quy định và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên • Quy định và tổ chức cho các hoạt động dán nhãn nhằm thúc đẩy hoạt động tiết kiệm năng lượng và du lịch bền vững - Trình tỉnh Quảng Ninh những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu quy định và tổ chức được phê duyệt - Phỏng vấn các sở ban ngành liên quan của tỉnh Quảng Ninh. 	<p>Không có thay đổi trong chính sách thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Không có thay đổi trong tình hình toàn cầu và không gia tăng nguy cơ các bệnh truyền nhiễm gây cản trở sự phát triển của ngành du lịch.</p> <p>Không xảy ra thiên tai gây thiệt hại tới các tài nguyên du lịch.</p>
ĐẦU RA			
1. Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức thuộc Đầu	- Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long,	- Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh	Không có thay đổi về tình

<p>ra 2 và 3 và đưa ra những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các bài học kinh nghiệm thu được từ các hoạt động dự án.</p>	<p>mô tả những hoạt động ban đầu triển khai thực hiện chính sách và hoạt động nâng cao nhận thức tăng trưởng xanh, được lập và phát hành một lần/năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và lập thành văn bản các quy định và tổ chức cho hoạt động lập sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh - Đưa ra các khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án về thúc đẩy tăng trưởng xanh. 	<p>Hạ Long</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hành chính về việc lập và xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh. - Những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án 	<p>hình xã hội gây cản trở hoạt động của các đơn vị tư nhân, như khủng hoảng kinh tế và v.v...</p>
<p>2. Các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho những ngành trọng điểm lựa chọn được xây dựng và thực hiện như những hoạt động thí điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm (5) hoạt động trở lên về quản lý môi trường (tăng cường cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh, quản lý và tiết kiệm năng lượng, giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh) được thực hiện trong các ngành trọng điểm lựa chọn. - Quy chế về cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh và tiết kiệm năng lượng đối với các ngành trọng điểm lựa chọn được xây dựng. Hệ thống nhãn xanh cấp tỉnh để thúc đẩy quản lý và tiết kiệm năng lượng trong các ngành trọng điểm lựa chọn được lập thành văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ ghi chép hoạt động Dự án - Các văn bản tài chính về cơ chế tài chính / cơ chế cấp ngân sách, tiết kiệm năng lượng và hệ thống nhãn xanh của tỉnh phục vụ thúc đẩy tiết kiệm và quản lý năng lượng ở các ngành trọng điểm được chọn lựa 	
<p>3. Những biện pháp kích thích tăng trưởng bền vững ngành du lịch được thực hiện như các hoạt động thí điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Từ sáu (6) tài liệu trở lên về thông tin du lịch hoặc công cụ thúc đẩy du lịch được xây dựng và được khách du lịch khai thác thông qua trung tâm thông tin du lịch và các trang web du lịch. - Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên được xây dựng và cung cấp tại thị xã Quảng Yên và đạt từ 5.000 lượt khách du lịch trở lên đến tham quan trong năm cuối cùng của Dự án. - Mười (10) tàu du lịch trở lên được dán nhãn xanh (Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh). - Các quy định và tổ chức về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên, và nhãn xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh) được xây dựng và lập thành văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu và công cụ thông tin du lịch được xây dựng - Xây dựng được các chương trình du lịch sinh thái - Báo cáo khảo sát trung tâm thông tin du lịch và khai thác trang web du lịch (trước và sau) - Báo cáo hoạt động du lịch sinh thái - Cấp nhãn xanh cho tàu du lịch - Các văn bản hành chính về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên và nhãn xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh) 	
CÁC HOẠT ĐỘNG			
<p>1-1 Rà soát tiến độ các hoạt động dựa trên các đề xuất được đưa ra trong Giai đoạn lập kế hoạch chi tiết của Dự án.</p> <p>1-2 Lập sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long có tham khảo kinh nghiệm và lịch sử lập sách trắng về môi trường của tỉnh Shiga, dựa vào các hoạt</p>	<p>(Phía Nhật Bản)</p> <p><u>Chuyên gia JICA:</u> Cố vấn trưởng / Tăng trưởng xanh Các biện pháp môi trường ngành Kiểm soát và xử lý nguồn ô nhiễm</p>		<p><u>Điều kiện tiên quyết</u> UBND tỉnh Quảng Ninh ra thông báo gửi văn phòng JICA Việt Nam về việc đồng ý thực thi Dự án.</p>

<p><i>động tại Đầu ra 2, Đầu ra 3 và v.v..., và phát hành sách trắng tới các bên có liên quan thông qua các cuộc hội thảo và tới công chúng.</i></p> <p>1-3 <i>Căn cứ vào đầu ra và tiến độ các hoạt động 1-2, xây dựng và lập thành văn bản những quy định và tổ chức để tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh và bắt đầu tiến trình phê duyệt của tỉnh Quảng Ninh.</i></p> <p>1-4 <i>Qua tham khảo Mô hình hồ Biwa, đưa ra khuyến nghị (như đề xuất thành lập Trung tâm nghiên cứu và khoa học môi trường vịnh Hạ Long, chương trình tham gia của cộng đồng, thiết lập diễn đàn Hạ Long và thúc đẩy sử dụng xăng sinh học BDF) về những chính sách tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long cho giai đoạn sau dự án.</i></p> <p>2-1 <i>Thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm về tăng cường các quỹ và cơ chế tài chính của tỉnh phục vụ công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh.</i></p> <p>2-2 <i>Triển khai thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ tài chính, v.v...</i></p> <p>2-3 <i>Triển khai thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý để giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long.</i></p> <p>2-4 <i>Xây dựng và thực hiện thí điểm hệ thống nhân xanh của tỉnh, góp phần cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng trong các ngành trọng điểm được chọn và bắt đầu áp dụng hệ thống thông qua các hoạt động từ 2-1 đến 2-3.</i></p> <p>2-5 <i>Hàng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 2-1 đến 2-4 và kết hợp các thông tin vào sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra-1.</i></p> <p>2-6 <i>Căn cứ đầu ra và tiến độ các hoạt động 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm đã chọn và bắt</i></p>	<p><i>Tiết kiệm năng lượng / quản lý năng lượng</i> <i>Chính sách môi trường / Quản lý môi trường nước</i> <i>Cơ chế tài chính</i> <i>Thúc đẩy du lịch bền vững</i> <i>Du lịch sinh thái</i> <i>Nhận thức / quan hệ công chúng / Phổ biến thông tin</i> <i>Điều phối viên</i></p> <p><i>Thiết bị:</i> <i>Thiết bị cần thiết phục vụ thực thi hoạt động thí điểm các biện pháp hiệu quả năng lượng ở khu vực vịnh Hạ Long</i> <i>Thiết bị cần thiết phục vụ thực thi hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh.</i> <i>Khác</i></p> <p><i>Đào tạo tại Nhật Bản, tại nước thứ ba hoặc tại Việt Nam</i></p> <p><i>(Phía Việt Nam)</i></p> <p><i>Bổ nhiệm nhân sự đối tác tại Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Sở Du lịch, 6 địa phương trong khu vực vịnh Hạ Long, Ban QLVHL, Hiệp hội Du lịch, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường và các tổ chức liên quan khác theo yêu cầu</i></p> <p><i>Văn phòng làm việc</i></p> <p><i>Phân bổ ngân sách cho lương và các chi phí khác cho nhân sự đối tác trong giai đoạn thực hiện dự án</i></p> <p><i>Phân bổ ngân sách cho chi phí vận hành các thiết bị mua sắm bởi Dự án (trong trường hợp quyền sở hữu thiết bị thuộc về UBND tỉnh Quảng Ninh)</i></p>	
--	--	--

<p><i>đầu tiên trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh.</i></p> <p>3-1 <i>Thực hiện cải thiện, hoặc xây dựng thông tin du lịch và cung cấp cho khách du lịch, góp phần phát triển du lịch bền vững ở khu vực vịnh Hạ Long.</i></p> <p>3-2 <i>Thúc đẩy du lịch sinh thái tại thị xã Quảng Yên thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyển giao kỹ thuật phát triển năng lực.</i></p> <p>3-3 <i>Xây dựng và vận hành hệ thống dán nhãn xanh cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long (Chứng nhận cánh buồm xanh).</i></p> <p>3-4 <i>Hàng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 3-1 đến 3-3 và kết hợp thông tin vào sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra-1.</i></p> <p>3-5 <i>Căn cứ đầu ra và tiến độ các hoạt động 3-1 đến 3-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động du lịch bền vững và bắt đầu trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh.</i></p>		
---	--	--

Sản phẩm của hoạt động hợp tác kỹ thuật

[Đầu ra 1]

Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long

Văn bản hành chính về xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.

Khuyến nghị đối với giai đoạn sau dự án, bao gồm đề xuất thành lập Trung tâm nghiên cứu và khoa học môi trường vịnh Hạ Long, chương trình tham gia của cộng đồng, thiết lập diễn đàn Hạ Long và thúc đẩy sử dụng xăng sinh học BDF, v.v...

[Đầu ra 2]

Hồ sơ theo dõi hoạt động thí điểm tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh, bao gồm cả việc mua sắm và theo dõi vận hành máy móc, có kèm ảnh chụp.

Hồ sơ theo dõi hoạt động thí điểm thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ tài chính, v.v... bao gồm cả việc mua sắm và theo dõi vận hành máy móc, có kèm ảnh chụp.

Hồ sơ theo dõi hoạt động thí điểm tăng cường năng lực giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống khu vực vịnh, bao gồm cả việc mua sắm và theo dõi vận hành máy móc, có kèm ảnh chụp.

Các văn bản hành chính về việc (1) tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh, (2) thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ

tài chính, v.v..., (3) tăng cường năng lực giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống khu vực vịnh, và (4) Nhân xanh cho quản lý và tiết kiệm năng lượng trong những ngành trọng điểm lựa chọn.

[Đầu ra 3]

Các sản phẩm như trang web và các tập gấp.

Xây dựng được các chương trình du lịch sinh thái.

Các văn bản hành chính về việc (1) cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, (2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên và (3) Nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh).

Định nghĩa thuật ngữ

Mục tiêu tổng thể:

- “Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh” có nghĩa là việc giảm tác động môi trường trong các ngành trọng điểm lựa chọn, đa dạng hóa và giảm tác động môi trường trong ngành du lịch được thực hiện ở tỉnh Quảng Ninh, đồng thời nội dung của các hoạt động đó được sử dụng và công bố cho mục đích nâng cao nhận thức.
- “thông qua quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ nâu sang xanh” có nghĩa là giảm tác động môi trường trong mô hình tăng trưởng kinh tế nâu (các ngành kinh tế thuộc lĩnh vực sơ khai và lĩnh vực sản xuất Primary and secondary sectors) và thúc đẩy nền kinh tế xanh (ngành kinh tế lĩnh vực thứ 3 hay ngành dịch vụ).
- “Sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh” là tài liệu biên soạn những thông tin về các hoạt động tăng trưởng xanh có thể sẽ bao phủ khu vực rộng lớn hơn (ngoài khu vực vịnh Hạ Long) và/hoặc các chủ đề (ngoài các ngành trọng điểm được lựa chọn) so với Sách trắng về tăng trưởng xanh Khu vực vịnh Hạ Long. Những khu vực và chủ đề bao gồm trong sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh được nghiên cứu thông qua quá trình lập sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long trong dự án.

Mục tiêu Dự án:

- “Thúc đẩy tăng trưởng xanh” nghĩa là các thể chế và tổ chức cần thiết được xây dựng để thực hiện các chính sách bền vững về môi trường và các chính sách phát triển trong ngành du lịch.
- “ngành trọng điểm lựa chọn” có nghĩa là các ngành được lựa chọn là những ngành quan trọng trong Dự án đối với tỉnh Quảng Ninh trong tương lai, bao gồm các khu công nghiệp, năng lượng, du lịch, chế biến thực phẩm v.v...
- “Thực hiện các chính sách bền vững về môi trường” có nghĩa là thực hiện những hành động nhằm làm giảm tác động môi trường trong ngành trọng điểm lựa chọn.
- “Thực hiện các chính sách ngành du lịch” nghĩa là giảm tác động môi trường thúc đẩy ngành du lịch.
- “Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long” là tài liệu biên soạn các thông tin về hoạt động giảm tác động môi trường trong các ngành trọng điểm lựa chọn và các hoạt động giảm tác động môi trường, thúc đẩy ngành du lịch thực hiện bởi Dự án trong khu vực vịnh Hạ Long và thông tin về tình hình hiện tại ở khu vực Vịnh Hạ Long và những hành động cần thiết nhằm cải thiện tình hình

Danh mục từ viết tắt:

BDF	Dầu diesel sinh học	Sở DL	Sở Du lịch
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường	ESCO	Công ty dịch vụ năng lượng
Sở CT	Sở Công thương	Ban QLV	Ban Quản lý vịnh Hạ Long
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND	Ủy ban nhân dân

Hết tài liệu

Phụ lục I-7

Biên bản Thảo luận ký ngày 13 tháng 7 năm 2016

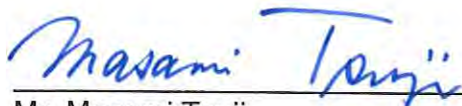
**MINUTES OF MEETING ON
JAPANESE TECHNICAL COOPERATION FOR
THE PROJECT FOR GREEN GROWTH PROMOTION IN HALONG BAY AREA,
QUANG NINH PROVINCE
AGREED UPON BETWEEN
QUANG NINH PROVINCIAL PEOPLE'S COMMITTEE OF THE SOCIALIST
REPUBLIC OF VIETNAM
AND
JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY**

The Japan International Cooperation Agency (hereinafter referred to as "JICA") has dispatched the Detailed Planning Survey Team (hereinafter referred to as "the Team") headed by Mr. Masami Tsuji to the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter referred to as "Vietnam") from 11 to 15 July, 2016 for the purpose of preparation of the technical cooperation regarding the Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province (hereinafter referred to as "the Project").

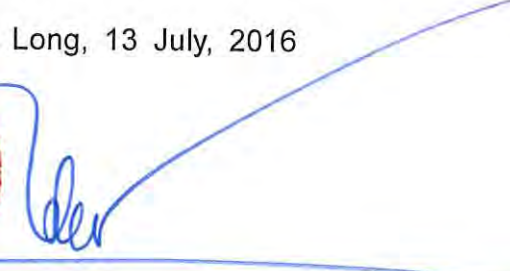
Based on the Record of Discussions (hereinafter referred to as "R/D"), signed by the JICA and Vietnam, dated on June 12, 2015, the Detailed Planning Survey has been conducted since October 2015.

During its stay in Vietnam, the Team had a series of discussions with the Vietnamese authorities concerned with respect to the implementation of the Project. Based on the result of the discussions, both sides understood the issues related to the Project referred to in the document attached hereto.

Ha Long, 13 July, 2016



Mr. Masami Tsuji
Leader
Detailed Planning Survey Team
Japan International Cooperation Agency



Mr. Dang Huy Hau
Standing Vice Chairman
Quang Ninh Provincial People's
Committee
The Socialist Republic of Vietnam

MAIN POINTS DISCUSSED

Both sides discussed the following points and agreed on the necessary modifications in the project design in accordance with the Detailed Planning Survey results. The details and points, other than the following, are effective and valid in accordance with the R/D.

1. The Project Steering Committee (hereinafter referred to as “StC”) established in the planning stage of the Project regards as a JCC with succeeding its roles, responsibilities, and members defined in the R/D.

2. Both sides confirmed that the Implementation Plans (hereinafter referred to as “IPs”) for each of the five pilot activities prepared in the planning stage of the Project shall be authorized by Quang Ninh Provincial People’s Committee of Vietnam (hereinafter referred to as “QN PPC”) prior to the commencement of the implementation stage of the Project. The topics of five pilot activities are enumerated below.

(1) Pilot activity on enhancement of provincial funding and financial mechanism for environmental management and green growth.

(2) Pilot activity on energy efficient (EE) measures in Halong Bay Area.

(3) Pilot activity on sustainable tourism promotion in Halong Bay Area.

(4) Pilot activity on enhancement of water environment management capacity for reduction of direct pollution load to the bay.

(5) Pilot activity on awareness raising for contribution to green growth implementation with regular publishing of white book.

3. Both sides confirmed that the following particular points shall be effective in QN PPC prior to the commencement of the the implementation stage of the Project.

(1) The implementation structure or working groups (hereinafter referred to as “WGs”) shall be organized as proposed in IPs of five pilot activities respectively.

(2) Regarding the pilot activity on enhancement of provincial funding and financial mechanism for environmental management and green growth, QN PPC

acknowledges initiating allocation of the state budget and other legal financial and funding sources for implementation of the Project.

(3) Regarding the pilot activity on EE measures in Halong Bay Area, QN PPC acknowledges initiating the financial incentive mechanism, such as subsidy scheme by QN PPC, preferential loan scheme by the central ministry, ESCO project scheme in collaboration with the private sector, and other available funding scheme, with designing provincial green label system contributing to energy saving and management.

(4) Regarding the pilot activity on sustainable tourism promotion in Halong Bay Area, QN PPC acknowledges developing tourism information contributing to sustainable tourism development, and promoting eco-tourism in Quang Yen Town with designing and operating green label system for tourist boats in Halong Bay (Blue Sail Certificate system).

(5) Regarding the pilot activity on enhancement of water environment management capacity for reduction of direct pollution load to the bay, QN PPC acknowledges initiating the application of advanced technologies to reduce direct pollution load to the bay such as control of tourist boats wastewater and aquaculture with green label on advanced technology for reducing direct pollution load.

(6) Regarding the pilot activity on awareness raising for contribution to green growth implementation with regular publishing of white book, QN PPC acknowledges disclosing the Halong Bay Area green growth white book to the target stakeholders such as enterprises, local authorities and residents, high school students in the area, as well as disseminating on the provincial website, with bearing cost for publishing the Halong Bay Area green growth white book.

4. Both sides confirmed the deployment of the efforts each other to commence the implementation stage of the Project as early as possible in 2016. The duration of the Project will be three (3) years after dispatch of an expert team.

5. Both sides confirmed that QN PPC bears the responsibility to proceed, with being supported and advised by JICA and the expert team, to the approval

process in the third year (or earlier than the third year if possible and practicable) of the implementation stage of the Project for the regulations, mechanism and organizations developed/ improved in the Project, in order to put them into practice for green growth implementation for the post-project phase.

6. Both sides confirmed that i) the JICA and Shiga Prefecture, the expert team conduct the technical transfer and knowledge sharing to QN PPC and counterparts in the course of the joint implementation of the Project, and ii) QN PPC takes an initiative to expand the achievement and outcomes obtained through the Project toward the post-project phase.

7. The Minutes of Meetings for amendment of the R/D on the Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province, which stipulates the revised framework of the Project as shown in Appendix I as draft, will be signed by Quang Ninh Provincial People's Committee and JICA Vietnam Office after notification of agreement of implementation of the Project such as IPs by QN PPC.

Appendix I Draft Minutes of Meetings for Amendment of the Record of Discussions on the Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province

Appendix 1

**DRAFT MINUTES OF MEETINGS
BETWEEN
QUANG NINH PROVINCIAL PEOPLE’S COMMITTEE OF THE SOCIALIST REPUBLIC
OF VIETNAM
AND
JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY
FOR AMENDMENT OF THE RECORD OF DISCUSSIONS
ON
THE PROJECT FOR GREEN GROWTH PROMOTION IN HALONG BAY AREA, QUANG
NINH PROVINCE**

The Japan International Cooperation Agency (hereinafter referred to as “JICA”) and Quang Ninh Provincial People’s Committee of Vietnam (hereinafter referred to as “QN PPC”) hereby agree that the Record of Discussions on the Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province (hereinafter referred to as “the Project”) signed on 12th June 2015 will be amended as follows, considering the progress and achievements of the Planning Stage of the Project. It is noted that the Overall Goal and the Project Purpose shall not be amended.

1. Project Design Matrix (PDM)

Before	Amended Version
(1) Title of the Project Project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay	(1) Title of the Project Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province
(2) Output 1 and its activities Policy framework and priority action plan for the realization of green growth in Halong Bay Area is put in place by refining the existent Provincial Green Growth Action Plan. 1-1 Review existing knowledge of Green Growth worldwide, and identify lessons applicable to Quang Ninh Province. 1-2 Review existing policies, plans, legislations, financial status and institutional arrangements in Quang Ninh Province and in Vietnam, and analyze their needs and gaps for materializing Green Growth in Halong Bay area. 1-3 Conduct rapid assessment of	(2) Output 1 and its activities Awareness raising activities on the outputs 2 and 3 are implemented and the recommendations for post-project phase are prepared to promote green growth through the lessons learnt from the project activities. 1-1 Review progress of activities based on the recommendations prepared in the detail planning phase of the Project. 1-2 Prepare the Halong Bay Area green growth white book referring to experience and history of the environmental white book in Shiga Prefecture, based on the activities in Output 2, Output 3, etc., and disclose the white book to the concerned stakeholders

<p>environmental performance (including energy efficiency, carbon emission, resources usage efficiency, etc.) in key economic sub-sectors of Quang Ninh Province (including industries, transport, solid waste, agriculture, water/wastewater, etc.)</p> <p>1-4 Conduct seminars/workshops and trainings to improve understanding and capacity related to Green Growth of Quang Ninh Province's key departments, business and civil actors.</p> <p>1-5 Set up necessary institutional arrangements including cross-stakeholder Working Groups for stakeholder consultation.</p> <p>1-6 Based on the rapid assessment and through stakeholder consultation, propose to Quang Ninh People's Committee a financially sustainable draft policy framework consisting of: definition of Green Growth, targets, indicators, institutional arrangement, potential policy instruments (both regulatory and incentivizing), resource, measures for monitoring and evaluation, and roadmaps for Green Growth implementation in Halong Bay area.</p>	<p>through workshops and to the public.</p> <p>1-3 Based on the output and progress of the activities 1-2, develop and document the regulation and organization to continue and expand publishing the Quang Ninh Province green growth white book and start the approval process by Quang Ninh province.</p> <p>1-4 Prepare recommendations for the post-project phase (such as proposal of Halong Bay Environmental Science and Research Center, community involvement program, formulation of Halong forum, promotion of BDF, etc.) on green growth policies in Halong Bay Area referring to the Lake Biwa Model.</p>
<p>(3) Activities of Output 2</p> <p>2-1 Identify priority sub-sectors and propose pilot measures/models, consisting of technology, human resource and financial tools to improve both environmental performance and business effectiveness.</p> <p>2-2 Draft and institutionalize concrete policies including institutional framework, policy instruments, etc. for the priority sub-sectors.</p> <p>2-3 Demonstrate and monitor selected pilot measures/models in priority sub-sectors.</p>	<p>(3) Activities of Output 2</p> <p>2-1 Implement and monitor the pilot activities on enhancement of the provincial funds and financial mechanisms for environmental management and green growth.</p> <p>2-2 Implement and monitor the pilot activities on promotion of incentive for energy saving and management such as ESCO projects, financial support, etc.</p> <p>2-3 Implement and monitor the pilot activities on enhancement of management capacity for reduction of direct pollution load to the bay.</p> <p>2-4 Design a provincial green label system contributing to energy saving and management in the selected key industrial sectors and initiate implementation of the system through the activities 2-1 to 2-3.</p> <p>2-5 Summarize outputs and progress of the activities 2-1 to 2-4 annually and incorporate the information in Halong Bay Area green</p>

	<p>growth white book to be prepared in Output 1. 2-6 Based on outputs and progress of the activities 2-1 to 2-4, develop and document regulations and organizations to continue and expand environmental management activities in the selected key industrial sectors and start the approval process by Quang Ninh province.</p>
<p>(4) Output 3 and its activities Development policies to stimulate sustainable tourism sector growth are implemented as pilot activities. 3-1 Review development opportunities and obstacles in the current tourism activities, and identify priority issues from the Green Growth perspective. 3-2 Assess environmental performance of tourism facilities and activities in Halong city and activities in the Halong Bay area. 3-3 Propose policy/action measures to improve tourism facilities and activities in the Halong Bay area based on the above 3-2. 3-4 Demonstrate and monitor selected pilot measures/models in some selected zones/operators.</p>	<p>(4) Output 3 and its activities Measures to stimulate sustainable growth of tourism sector are implemented as pilot activities. 3-1 Improve or develop tourism information contributing to sustainable tourism development in Halong Bay Area, and provide the information to tourists. 3-2 Promote eco-tourism in Quang Yen Town through providing the training and technical transfer for capacity development. 3-3 Design and operate green label system for tourist boats in Halong Bay (Blue Sail Certificate). 3-4 Summarize outputs and progress of the activities 3-1 to 3-3 annually and incorporate the information in Halong Bay Area green growth white book to be prepared in Output 1. 3-5 Based on the outputs and progress of the activities 3-1 to 3-4, develop and document the regulations and organizations to continue and expand sustainable tourism activities and start the approval process by Quang Ninh province.</p>
<p>(5) Objectively Verifiable Indicators, Means of Verification, Important Assumptions, and Pre-conditions N.A.</p>	<p>(5) Objectively Verifiable Indicators, Means of Verification, Important Assumptions, and Pre-conditions As shown in Annex 2.</p>
<p>Reason: Amendment and update on the stated items of the current version of PDM was necessary for the following reasons; (1) Recommendation to modify the Project title was agreed in the Record of Discussion signed on 12 June 2015, and Note of Verbal No. J. D. 95/ 2015 was issued by Embassy of Japan in Vietnam on 1 December 2015 to concur with the modification. (2) Activities of the Output 1 agreed in the Record of Discussion (signed on 12 June 2015) were conducted and completed in the Detail Planning Stage. Accordingly, the Output 1 and its activities are newly set for the Implementation Stage of the Project.</p>	

(3) Activities of the Output 2 were revised in accordance with the Implementation Plans of the pilot activities for the Implementation Stage of the Project, which were concluded in the Planning Stage.

(4) Activities of the Output 3 were revised in accordance with the Implementation Plans of the pilot activities for the Implementation Stage of the Project, which were concluded in the Planning Stage.

(5) Objectively verifiable indicators, means of verifications, important assumptions and pre-conditions were not indicated in the Record of Discussion (signed on 12 June 2015). These are newly prepared in this Minutes of Meeting as shown in Annex 2.

2. Plan of Operations (PO)

Before	Amended Version
(1) N.A.	(1) As shown in Annex 2.
Reason: Amendment and the update on the stated items of PO was necessary for the following reasons; (1) PO was not indicated in the Record of Discussion (signed on 12 June 2015). PO is newly prepared in this Minutes of Meeting as shown in Annex 2.	

The contents of the Record of Discussions (signed on 12 June 2015), other than the contents amended and agreed in this Minutes of Meeting, shall be prevailing.

This amendment will become effective as of XX August, 2016.

Annex 1: Record of Discussions (signed on 12 June 2015)

Annex 2: PDM (Revised), PO

Ha Long, XX August, 2016

Mr. Kenichi Yamamoto
Deputy Chief Representative
Vietnam Office
Japan International Cooperation Agency

Mr. Dang Huy Hau
Standing Vice Chairman
Quang Ninh Provincial People's Committee
The Socialist Republic of Vietnam

PROJECT DESIGN MATRIX (PDM)

Project Title: Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province (Implementation Phase); Project Period: 2016-2018 (3 years)
 Target Area: Halong Bay : Halong City, Cam Pha City, Van Don District, Hoanh Bo District, Quang Yen Town, Uong Bi City in Quang Ninh Province
 Target Group: The population of Halong Area (approx. total 1,780,000 people; Halong City 237,000, Cam Pha City 186,000, Van Don District 43,000, Hoanh Bo District 50,400, Quang Yen Town 134,200, Uong Bi City 113,300)

Narrative Summary	Objectively Verifiable Indicators	Means of Verification	Important Assumptions
OVERALL GOAL			
Green growth is promoted in Quang Ninh Province through transition from brown to green economy.	<ul style="list-style-type: none"> - Quang Ninh Province green growth white book is continuously published. - Ten (10) or more activities concerning provincial fund/financial mechanisms, energy saving, reduction of direct pollution load to the bay are conducted through the environmental management regulations and organizations developed by the Project for the selected key industrial sectors in Quang Ninh Province. - Two (2) or more eco-tour programs and their tourism information are developed and provided through the regulations, mechanisms and organizations developed by the Project for the tourism sector in Quang Ninh Province. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quang Ninh Province green growth white book - Official records and interviews with the concerned departments in Quang Ninh Province, private sector enterprises, residents, and tourists 	<p>The policies for promoting the provincial Green Growth Strategy are not changed in Quang Ninh Province.</p> <p>There is no change in social situation inhibiting activities by the concerned private sector, such as economic crisis etc.</p> <p>Natural disaster causing damage to tourism resources does not occur.</p>
PROJECT PURPOSE			
Green Growth is promoted in Halong Bay Area through the implementation of environmentally sustainable policies in the key industrial sectors and implementation of development policies in tourism sector.	<ul style="list-style-type: none"> - The following regulations and organizations to promote green growth are approved by Quang Ninh province. <ul style="list-style-type: none"> • Regulation and organization for publishing the Quang Ninh Province green growth white book continuously • Financial and budgetary mechanisms and organization for promoting environmental management activities and energy saving activities • Regulation and organization for delivering and updating tourist information as well as marketing. • Regulation and organization for promoting eco-tourism in Quang Yen town. • Regulation and organization for labeling to promote energy saving and sustainable tourism activities - The recommendations for the post-projet phase are submitted to Qunag Ninh province. 	<ul style="list-style-type: none"> - Approved documents on regulations and organizations - Interviews with the concerned departments in Quang Ninh Province 	<p>The policies for promoting the provincial Green Growth Strategy are not changed in Quang Ninh Province.</p> <p>There is no change in global situation and no increase of infectious disease risks inhibiting development of tourism sector.</p> <p>Natural disaster causing damage to tourism resources does not occur.</p>

A-1-231

M. Tang

M

OUTPUTS			
<p>1. Awareness raising activities on the outputs 2 and 3 are implemented and the recommendations for post-project phase is prepared to promote green growth through the lessons learnt from the project activities.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - The Halong Bay Area green growth white book, describing initial activities of policy implementation and awareness raising activities on green growth, is prepared and published once a year. - Regulation and organization for preparing the Quang Ninh Province green growth white book is developed and documented. - Recommendations for the post-project phase on promotion of green growth are prepared. 	<ul style="list-style-type: none"> - Halong Bay Area green growth white book; - Administrative documents on the preparation and publication of the green growth white book - The recommendations for post-project phase 	<p>There is no change in social situation inhibiting activities by the concerned private sector, such as economic crisis etc.</p>
<p>2. Environmentally and financially sustainable policies for the selected key industrial sectors are developed and implemented as pilot activities.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Five (5) or more cases of the environmental management activities (enhancement of provincial fund and financial mechanism, energy saving and management, reduction of direct pollution load to the bay) are implemented in the selected key industrial sectors. - Regulations and organizations for promoting environmental management and energy saving for the selected key industrial sectors are developed and documented. 	<ul style="list-style-type: none"> - Activity records of the Project - Administrative document on provincial funding/financial mechanism, energy saving and the provincial green label system for promoting energy saving and management in the selected key industrial sectors 	
<p>3. Measures to stimulate sustainable growth of tourism sector are implemented as pilot activities.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Six (6) or more of tourism information materials or tourism promotion tools are developed and utilized by tourists through the tourism information center and the tourism websites. - Two (2) or more of eco-tour programs are developed and provided in Quang Yen Town, and 5,000 or more tourists visit in the final year of the Project. - Ten (10) or more of tourist boats are certified by The green label for tourist boats (Blue Sail Certificate). - Regulations and organizations on delivering and updating tourist information as well as marketing, eco-tourism promotion in Quang Yen town, and the green label for tourist boats (Blue Sail Certificate) are developed and documented. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tourism information materials and tools developed - Eco-tour programs developed - Report on survey of tourism information center and tourism website utilization (Before / After) - Report on eco-tour activity - Issued green labels for tourist boats - Administrative documents on delivering and updating tourist information as well as marketing, eco-tourism promotion in Quang Yen town, and the green label for tourist boats (Blue Sail Certificate) 	
ACTIVITIES			
<p>1-1 Review progress of activities based on the recommendations prepared in the detail planning phase of the Project.</p>	<p>JICA Experts: Chief advisor/ Green growth Environmental measures for industry Pollution source control and treatment</p>		<p>Pre-conditions Quang Ninh province issues the notification of agreement to JICA Vietnam office for implementation</p>

A-1-232

Mr. Touy

Handwritten mark

<p>1-2 Prepare the Halong Bay Area green growth white book referring to experience and history of the environmental white book in Shiga Prefecture, based on the activities in Output 2, Output 3 etc., and disclose the white book to the concerned stakeholders through workshops and to the public.</p>	<p>Energy saving/ Energy management Environmental policy/ Water environmental management Financial mechanism Sustainable tourism promotion Ecotourism Awareness/ Public relation/ Information disclosure Coordinator</p>	<p>of the Project.</p>
<p>1-3 Based on the output and progress of the activities 1-2, develop and document the regulation and organization to continue and expand publishing the Quang Ninh Province green growth white book and start the approval process by Quang Ninh province.</p>	<p>Equipment: Equipment necessary for implementing the pilot activity on energy efficiency measures in Halong Bay Area Equipment necessary for implementing the pilot activity on enhancement of water environment management capacity by reducing direct pollution load to the bay. Others</p>	
<p>1-4 Prepare recommendations for the post-project phase (such as proposal of Halong Bay Environmental Science and Research Center, community involvement program, formulation of Halong forum, promotion of BDF, etc.) on green growth policies in Halong Bay Area referring to the Lake Biwa Model.</p>	<p>Training in Japan, third country or Vietnam (Vietnamese side) Assignment of counterpart personnel in DPI, DONRE, DOIT, DT, DOST, DARD, DOC, DOT, 6 Local Authorities in Halong Bay Area, HBMD, Tourism Association, Halong Association for Environmental Education and Awareness, and other related organizations as required.</p>	
<p>2-1 Implement and monitor the pilot activities on enhancement of the provincial funds and financial mechanisms for environmental management and green growth.</p>	<p>Office Space Budget allocation for salary and other expenditure for counterpart personnel during the project period.</p>	
<p>2-2 Implement and monitor the pilot activities on promotion of incentive for energy saving and management such as ESCO projects, financial support, etc.</p>	<p>Budget allocation for running cost of equipment procured under the Project (in case that the ownership of the equipment comes under QN PPC.).</p>	
<p>2-3 Implement and monitor the pilot activities on enhancement of management capacity for reduction of direct pollution load to the bay.</p>		
<p>2-4 Design a provincial green label system contributing to energy saving and management in the selected key industrial sectors and initiate implementation of the system through the activities 2-1 to 2-3.</p>		
<p>2-5 Summarize outputs and progress of the activities 2-1 to 2-4 annually and incorporate the information in Halong Bay Area green growth</p>		

A-1-233

Handwritten signature

for

<p>white book to be prepared in Output 1.</p> <p>2-6 Based on outputs and progress of the activities 2-1 to 2-4, develop and document regulations, mechanisms and organizations to continue and expand environmental management activities in the selected key industrial sectors and start the approval process by Quang Ninh province.</p> <p>3-1 Improve or develop tourism information contributing to sustainable tourism development in Halong Bay Area, and provide the information to tourists.</p> <p>3-2 Promote eco-tourism in Quang Yen Town through providing the training and technical transfer for capacity development.</p> <p>3-3 Design and operate green label system for tourist boats in Halong Bay (Blue Sail Certificate).</p> <p>3-4 Summarize outputs and progress of the activities 3-1 to 3-3 annually and incorporate the information in Halong Bay Area green growth white book to be prepared in Output 1.</p> <p>3-5 Based on the outputs and progress of the activities 3-1 to 3-4, develop and document the regulations and organizations to continue and expand sustainable tourism activities and start the approval process by Quang Ninh province.</p>		
--	--	--

A-1-234

Technical cooperation products

[Output 1]

- Halong Bay Area green growth white book
- Administrative document on publishing the Quang Ninh Province green growth white book
- The recommendations for the post-project phase, including proposal of Halong Bay Environmental Science and Research Center, community involvement program, formulation of Halong forum, promotion of BDF, etc.

[Output 2]

- Pilot activity records on enhancement of provincial funds and financial mechanism, including procurement and operation records of equipment, and photos
- Pilot activity record on promotion of incentive for energy saving and management such as ESCO projects, financial support etc., including procurement and operation records of equipment, and photos

M. Tamir

- Pilot activity record on enhancement of management capacity for reducing direct pollution load to the bay, including procurement and operation records of equipment, and photos
- Administrative documents covering (1) enhancement of the provincial funds and financial mechanism, (2) promotion of incentives for energy saving and management such as ESCO project, financial support etc., (3) enhancement of management capacity for reducing direct pollution load to the bay, and (4) provincial green label for energy saving/management in the selected key industrial sectors

[Output 3]

- Products such as web-site and brochures
- Eco-tour programs developed
- Administrative documents covering (1) delivered and updated tourist information as well as marketing, (2) eco-tourism promotion in Quang Yen town, and (3) green label for tourist boats (Blue Sail Certificate)

Definitions of terms

Overall goal:

- “Green growth is promoted in Quang Ninh Province” means that reduction of environmental impacts in the selected key industry sectors, and diversification and reduction of environmental impacts in the tourism sector are implemented in Quang Ninh Province, and the contents of such activities are published and utilized for awareness raising.
- “through transition from brown to green economy” means reduction of environmental impacts in the brown economy (primary and secondary sectors of industry) and promotion of green economy (tertiary sector of industry, or service industry).
- “Quang Ninh Province green growth white book” is a compilation of the information on activities of green growth which may cover larger area (outside Halong Bay Area) and/or themes (other than the selected key industrial sectors and tourism sector) compared to Halong Bay Area green growth white book. The area and theme to be covered in the Quang Ninh Province green growth white book is studied through the preparation of Halong Bay Area green growth white book in the project.

Project purpose:

- “Green Growth is promoted” means the necessary institutions and organizations are developed for implementation of environmentally sustainable policies and tourism sector policies.
- “Selected key industrial sector” means the industries selected as important ones in the Project for Quang Ninh province for the future, including industrial zone, energy, tourism, food processing, etc.
- “Implementation of environmentally sustainable policies” means taking actions for reducing environmental impacts in the selected key industrial sectors.
- “implementation of tourism sector policies” means reduction of environmental impacts with promotion of the tourism sector
- “Halong Bay Area green growth white book” is a compilation of the information on activities of reduction of environmental impacts in the selected key industrial sectors and activities of reduction of environmental impacts with promotion of the tourism sector by the Project in Halong Bay Area, as well as the information on current situation in the Halong Bay Area and necessary actions to improve the situation.

Abbreviations:

BDF	Bio Diesel Fuel	DOT	Department of Transport
DARD	Department of Agriculture and Rural Development	DPI	Department of Planning and Investment
DOC	Department of Construction	DT	Department of Tourism
DOIT	Department of Industry and Trade	ESCO	Energy Service Company
DONRE	Department of Natural Resource and Environment	HBMD	Halong Bay Management Department
DOST	Department of Science and Technology	QN PPC	Quang Ninh Provincial People’s Committee

End of Document

M. T. Long

Plan of Operation

Project Title: Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province

Activities	Year	Before Implementation Stage	1st Year				2nd Year				3rdYear				Responsible Organization	
			I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Japan	Quang Ninh
Output 1: Awareness raising activities on the outputs 2 and 3 are implemented and the recommendations for post-project phase is prepared to promote green growth through the lessons learnt from the project activities.																
1.1 Review progress of activities based on the recommendations prepared in the detail planning phase of the Project	Plan															
	Actual															
1.2 Prepare the Halong Bay Area green growth white book referring to experiences and history of the environmental white book in Shiga Prefecture, based on the activities in Output 2, Output 3 and etc., and disclose the white book to the concerned stakeholders through workshops and to the public.	Plan															
	Actual															
Institutional and financial readiness for pilot project	Plan	■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■													JET	DPI
	Actual															
Prepare a plan for publishing white book and awareness raising activity	Plan														JET	DPI
	Actual															
Provide Japanese experience on preparing white book	Plan														Shiga Pref.	
	Actual															
Collect information from concerned organizations, Outputs 2 and 3	Plan														JET	DPI, DOI, DONRE
	Actual															
Compile collected information with visualization	Plan														JET	DPI
	Actual															
Publish white book to target enterprises and local residents	Plan														JET	DPI Env. Edu. Association
	Actual															
Implement awareness raising activity	Plan														JET	Env. Edu. Association
	Actual															
Monitor activity and obtained lessons	Plan														JET	DPI
	Actual															
Prepare a proposal on contents of white book, publication plan and awareness raising activity in post-project phase	Plan														JET	DPI, Env. Edu. Association
	Actual															
Prepare administrative documents on prepared proposal	Plan														JET	DPI
	Actual															
1.3 Based on the output and progress of the activities 1-2, develop and document the regulation and organization to continue and expand publishing the Quang Ninh Province green growth white book and start the approval process by Quang Ninh province.	Plan														JET	DPI, DARD, Tourism Department and DOI
	Actual															
1.4 Prepare recommendations for the post-project phase (such as proposal of Halong Bay Environmental Science and Research Center, community involvement program, formulation of Halong forum, promotion of BDF, etc.) on green growth policies in Halong Bay Area referring to the Lake Biwa Model.	Plan														JET	DPI
	Actual															
Output 2: Environmentally and financially sustainable policies for selected key industries developed and implemented as pilot activities.																
2.1 Implement and monitor the pilot activities on enhancement of the provincial funds and financial mechanisms for environmental management and green growth.	Plan															
	Actual															
Institutional and financial readiness for pilot project	Plan	■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■														DPI
	Actual															
Select facilities participating in the activity for funding mechanism enhancement	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Assist target facilities for preparing documents for applying existing fund with DONRE etc.	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Introduce advanced technologies for better management of enterprises with Japanese experiences	Plan														Japanese enterprises	
	Actual															
Provide Japanese administrative policy on financial and funding mechanism for better management of selected industries	Plan														Shiga Pref.	
	Actual															
Conduct funding approval process	Plan														JET	DONRE, DOST
	Actual															
Examine required measures for enhancement of existing funding system	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Select pilot area for examination of development of financial policy on green growth implementation	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Identify required measures on improvement of better management system in pilot area	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Examine incentive mechanism on investment for better management system	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Prepare a proposal on enhancement of existing funding system	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Prepare articles for white book prepared under output 1	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Prepare proposal on financial policy on green growth implementation with incentive mechanism	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
Prepare administrative documents on prepared proposal	Plan														JET	DONRE, DOI, DOST
	Actual															
2.2 Implement and monitor the pilot activities on promotion of incentives for energy saving and management such as ESCO projects, financial support, etc.	Plan															
	Actual															
Institutional and financial readiness for pilot project	Plan	■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■														DPI
	Actual															
Step 1: Pilot Project implementation stage	Plan														JET	DPI
	Actual															
Confirmation of institutional and financial readiness for pilot project	Plan															
	Actual															
Finalization of selection of target pilot projects	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE, DOST
	Actual															
Financial arrangements including preferential loan, subsidy and ESCO	Plan														JET	DPI, DOI
	Actual															
Set up a pilot-projects working group and monitoring	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Preparation of a detail plan and specifications for pilot component	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Target setting and formulation of a monitoring plan	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Procurement and implementation of pilot projects	Plan														JET	DOI, DOC, DOST
	Actual															
Step 2: Monitoring stage	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Monitoring	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Extraction of lessons learned	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Preparation of EE portion of draft white book	Plan														JET	DPI, DONRE
	Actual															
Step 3: Feedback and preparation for post project	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Evaluation of EE measures of pilot projects	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Preparation of Annual Action Plan including provincial energy label and energy audit system	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Preparation of incentives and financial mechanism and penalty system for post project phase	Plan														JET	DPI, DOI, DOC, DONRE
	Actual															
Policy recommendations for EE measures	Plan														JET	DPI
	Actual															
2.3 Implement and monitor the pilot activities on enhancement of management capacity for reduction of direct pollution load to the bay.	Plan															
	Actual															
Institutional and financial readiness for pilot project	Plan	■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■														DPI
	Actual															
Select cooperative enterprises	Plan														JET	DPI, Halong City, DONRE, DOI, DARD, DOST
	Actual															
Support design work for introducing advanced technologies for reducing direct pollution load to the bay	Plan														JET	Halong City, DARD, DOI, DOST
	Actual															
Procure and instal advanced technologies for reducing pollution load to the bay	Plan														JET	Halong City, DARD, DOI, DOST
	Actual															
Operate equipment of advanced technologies for reducing pollution load to the bay	Plan														JET	Halong City, DARD, DOI, DOST
	Actual															
Examine green label system for introducing advanced technologies	Plan														JET	DPI, Halong City, DARD, DOI
	Actual															
Evaluate secondary benefits by contributing to clean food products	Plan														JET	DPI, Halong City, DARD, DOI
	Actual															

M. Tamai

Activities	Year	Before Implementation Stage	1st Year				2nd Year				3rd Year				Responsible Organization		
			I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Japan	Quang Ninh	
Sub-Activities																	
Monitor activities and obtain lessons	Plan															JET	DPL Halong City, DARD, DOT
Prepare articles for white book prepared under output 1	Actual															JET	DPL Halong City, DARD, DOT
Prepare a proposal on green label system	Plan															JET	DPL Halong City, DARD, DOT
Prepare administrative documents on prepared proposal	Actual															JET	DPL Halong City, DARD, DOT
2.4 Design a provincial green label system contributing to energy saving and management in the selected key industrial sectors and initiate implementation of the system through the activities 2-1 to 2-3.	Plan															JET	DPL Halong City, DARD, DOT
2.5 Summarize outputs and progress of the activities 2-1 to 2-4 annually and incorporate the information in Halong Bay Area green growth white book to be prepared in Output 1.	Actual															JET, Shiga	DPL DONRE, DARD, Env Edu Association
2.6 Based on outputs and progress of the activities 2-1 to 2-4, develop and document regulations, mechanisms and organizations to continue and expand environmental management activities in the selected key industrial sectors and start the approval process by Quang Ninh province.	Plan															JET, Shiga	DPL Halong City, DARD, DOT
Output 3: Measures to stimulate sustainable growth of tourism sector are implemented as pilot activities.																	
3.1 Improve or develop tourism information contributing to sustainable tourism development in Halong Bay Area, and provide the information to tourists.	Plan																
Set up a Working Group	Actual																
Prepare an action plan and guidelines	Plan																
Make a branding of Ha Long Bay Area (including Ha Long smile, OCOP, etc.)	Actual															JET	DT, Tour Ass, HBMD
Prepare a list of resource persons/organizations	Plan															JET	DT, Tour Ass, HBMD, DOT
Provide tourist information materials and tools (website, brochures, maps, event calendar, video, etc.)	Actual															JET	DT, Tour Ass, HBMD, DOT
Train the concerned parties on tourist information management and delivery, etc.	Plan															JET	DT, Tour Ass, HBMD
Organize promotion activities (events, FAM trip, media tours, etc.)	Actual															JET	DT, Tour Ass, HBMD, DOT
Update periodically based on the feedback from tourists	Plan															JET	DPL DT, Tour Ass, HBMD
Monitor outputs and impacts of the pilot activity	Actual															JET	DPL DT, Tour Ass, HBMD
Establish a DMA	Plan															JET	DPL DT, Tour Ass, HBMD
3.2 Promote eco-tourism in Quang Yen Town through providing the training and technical transfer for capacity development	Plan																
Set up a local Working Group	Actual																
Develop discovery routes for promotion of ecotourism	Plan															JET	DT, QY
Provide tourist information materials and tools (mainly brochures and maps)	Actual															JET	DT, QY
Install on-site signage and interpretation	Plan															JET	DT, QY
Train local guides, tourist business and services, communities, etc.	Actual															JET	DT, QY
Organize promotion activities (events, FAM trip, media tours, etc.)	Plan															JET	DT, QY, Tour Ass.
Update periodically based on the feedback from tourists	Actual															JET	DT, QY
Monitor outputs and impacts of the pilot activity	Plan															JET	DPL DT, QY
3.3 Design and operate green label system for tourist boats in Halong Bay (Blue Sail Certificate)	Plan																
Examine criteria and incentives for Blue Sail Certificate	Actual															JET	DPL DT, DONRE, DOT
Get official approval of criteria	Plan															JET	DT, DONRE
Launch Blue Sail Certificate inscription	Actual															JET	DPL DT, DONRE, DOT
Examine application and give awards	Plan															JET	DPL DT, DONRE, DOT
Monitor outputs and impacts of the pilot activity	Actual															JET	DT, DONRE
3.4 Summarize outputs and progress of the activities 3-1 to 3-3 annually and incorporate the information in Halong Bay Area green growth white book to be prepared in Output 1.	Plan															JET, Shiga	DPL DT, QYE, Env Edu Association
3.5 Based on the outputs and progress of the activities 3-1 to 3-4, develop and document the regulations and organizations to continue and expand sustainable tourism activities and start the approval process by Quang Ninh province.	Actual															JET	DPL DT, Tour Ass, HBMD, QY

BDF	Bio Diesel Fuel
DARD	Department of Agriculture and Rural Development
DMA	Destination Marketing Agency
DOC	Department of Construction
DOIT	Department of Industry and Trade
DONRE	Department of Natural Resource and Environment
DOST	Department of Science and Tourism
DOT	Department of Transport
DPI	Department of Planning and Investment
DT	Department of Tourism
ESCO	Energy Service Company
FAM trip	Familiarization Trip
HBMD	Halong Bay Management Department
JET	JICA Expert Team
OCOP	One Community One Product
QY	Quang Yen Town

RECORD OF DISCUSSIONS
ON
PROJECT FOR INSTITUTIONAL DEVELOPMENT FOR GREEN
GROWTH IMPLEMENTATION AND STRENGTHENING OF
ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM TOWARDS
SUSTAINABLE CONSERVATION FOR THE HALONG BAY
IN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AGREED UPON BETWEEN
QUANG NINH PROVINCIAL PEOPLE'S COMMITTEE
AND
JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY



Mr. Yamamoto Kenichi
Deputy Chief Representative
Vietnam Office
Japan International Cooperation
Agency



Ha Long, 12/6/2015
Y.M.U.N.C. TỈNH QUẢNG NINH
KỶ CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mr. Dang Huy Hau
Vice Chairman
Quang Ninh Provincial People's
Committee
Vietnam

In response to the official request of the Government of the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter referred to as "Vietnam") to the Government of Japan, the Japan International Cooperation Agency (hereinafter referred to as "JICA") held a series of discussions with Quang Ninh Provincial People's Committee of Vietnam (hereinafter referred to as "QN PPC") and relevant organizations to develop a detailed plan of the Project for Green Growth Promotion in Halong Bay, Quang Ninh Province (hereinafter referred to as "the Project").

Both parties agreed the details of the Project and the main points discussed as described in the Appendix 1 and the Appendix 2 respectively.

Both parties also agreed that the Department of Planning and Investment (DPI) of Quang Ninh province, the main counterpart to JICA, will be responsible for the implementation of the Project in cooperation with JICA, coordinate with other relevant organizations and ensure that the self-reliant operation of the Project is sustained during and after the implementation period in order to contribute toward social and economic development of Vietnam.

The Project will be implemented within the framework of the Agreement on Technical Cooperation signed on October 20 1998 (hereinafter referred to as "the Agreement") between the Government of Japan (hereinafter referred to as "GOJ") and Vietnam.

The effectiveness of the Record of Discussions is subject to the approval of JICA.

Appendix 1: Project Description

Appendix 2: Main Points Discussed

PROJECT DESCRIPTION

I. BACKGROUND

Quang Ninh Province has a strategic location, potentials and advantages on the political, economic, security, defense and foreign affairs. It is a leading province in the northern key economic region and is one of four major tourism centers in Vietnam with the World Natural Heritage of Halong Bay recognized by UNESCO for its aesthetic and geological geomorphological values.

The Resolution at the Seventh Congress of the 11th Central Committee of the Communist Party in June 2013 reaffirmed the critical role of environmental protection in achieving sustainable development of the country. Quang Ninh with the World Natural Heritage Halong Bay is one of the provinces urging an imperative need for changing from the traditional growth model, which has been environmentally threatening the Halong Bay, to the one that ensures sustainable development of the Halong area in particular and the whole Province in general. Currently, Quang Ninh Province is implementing actions to restore and protect the environment to ensure sustainable economic development, particularly implementing the Socio-Economic Development Plan to 2020 and vision toward 2030 (No. 2622/QD-TTg), which sets a new direction for Quang Ninh province to shifting the structure of the provincial economic development from dependency on industrial production, especially the mining industry, to marine economic development, services development and sustainable tourism .

Protection of coastal environment and Halong Bay environment has been paid especially high attention by the authorities and already achieved positive changes. However, until now there still exist a number of shortcomings, mostly related to not being able to eliminate the pollution sources to the Bay caused by coastal activities, and collection and treatment of solid waste and wastewater in the Bay and at the coastal areas have not yet been thorough.

Pursuant to the National Green Growth Strategy (Decision No 1393/QD-TTg, 2012) and the National Green Growth Action Plan 2014-2020 (Decision No 403/QD-TTg, 2014) adopted by the GoV, Quang Ninh Province has developed a series of Master Plans and the Provincial Green Growth Action Plan 2014-2020 (Decision No 3741/KH-UBND) in 2014 in order to promote subnational implementation of the above-mentioned policies. The above-mentioned plans aim to accelerate the province's transition from "brown" to "green" development by reducing energy- and resource-intensive activities and promoting growth through wise-use of the outstanding values of Halong Bay. However, Quang Ninh Province and stakeholders lack relevant knowledge and experiences, and therefore their capacities in planning, coordinating and implementing green growth policies need to be enhanced.

Based on these backgrounds, the GoV has requested the GoJ to support the Project for promotion of green growth in the Halong Bay area.

II. OUTLINE OF THE PROJECT

Tentative outline of the Project are described below. The Project Design Matrix (PDM) and the Plan of Operation (PO) shall be developed in the Detailed Planning phase.

As a prerequisite for conducting the Implementation phase, the Vietnamese counterpart agencies are responsible for undertaking necessary institutionalization within the government based on the outcomes of the Detailed Planning.

1. Title of the Project

Project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay

2. Overall Goal, Project Purpose, Outputs and Activities

(1) Overall Goal

Green growth is promoted in Quang Ninh Province through transition from brown to green economy.

(2) Project Purpose

Green growth is promoted in Halong Bay Area through the implementation of environmentally sustainable policies in the key industrial sectors and implementation of development policies in tourism sector.

3. Outputs

Output 1. (Institutional capacity development and planning)

Policy Framework and Priority Action Plan for the realization of GG in Halong Bay Area is put in place by refining the existent Provincial Green Growth Action Plan.

Output 2. (Greening industrial sector)

Environmentally and financially sustainable policies for selected key industries are developed and implemented as pilot activities.

Output 3. (Growing tourism sector)

Development policies to stimulate sustainable tourism sector growth are implemented as pilot activities.

4. Tentative Activities

- 1-1. Review existing knowledge of Green Growth worldwide, and identify lessons applicable to Quang Ninh Province.
- 1-2. Review existing policies, plans, legislations, financial status and institutional arrangements in Quang Ninh Province and in Vietnam, and analyze their needs and gaps for materializing Green Growth in Halong Bay area.

- 1-3. Conduct rapid assessment of environmental performance (including energy efficiency, carbon emission, resources usage efficiency, etc.) in key economic sub-sectors of Quang Ninh Province (including industries, transport, solid waste, agriculture, water/wastewater, etc.).
- 1-4. Conduct seminars/workshops and trainings to improve understanding and capacity related to Green Growth of Quang Ninh Province's key departments, business and civilactors.
- 1-5. Set up necessary institutional arrangements including cross-stakeholder Working Groups for stakeholder consultation.
- 1-6. Based on the rapid assessment and through stakeholder consultation, propose to Quang Ninh Provincial People's Committee a financially sustainable draft policy framework consisting of: definition of Green Growth, targets, indicators, institutional arrangement, potential policy instruments (both regulatory and incentivizing), resource, measures for monitoring and evaluation, and roadmaps for Green Growth implementation in Halong Bay area.
- 2-1. Identify priority sub-sectors and propose pilot measures/models, consisting of technology, human resource and financial tools to improve both environmental performance and business effectiveness.
- 2-2. Draft and institutionalize concrete policies including institutional framework, policy instruments, etc. for the priority sub-sectors.
- 2-3. Demonstrate and monitor selected pilot measures/models in priority sub-sectors.
- 3-1. Review development opportunities and obstacles in the current tourism activities, and identify priority issues from the Green Growth perspective.
- 3-2. Assess environmental performance of tourism facilities and activities in Halong city and activities in the Halong Bay area.
- 3-3. Propose policy/action measures to improve tourism facilities and activities in the HLB area based on the above 3-2.
- 3-4. Demonstrate and monitor selected pilot measures/models in some selected zones/operators.

* Activities 1, 2-1, 2-2 (drafting of policies only), 3-1 and 3-2 will be conducted as the Detailed Planning Stage.

5. Inputs

- (1) Input by JICA

- (a) Short-term experts (e.g. green growth, fiscal policies, environmental management, tourism development, land use management, coordinator, etc.) with sound experience on green growth issues, good practices of environmental management in industries and biodiversity conservation, environmental-friendly tourism development and propaganda and communication of environmental conservation.

The number and the expertise of experts will be determined through the Detailed Planning phase and discussions between both sides within the framework of the Project.

- (b) Necessary short training courses (in-country, in Japan and/or in third countries) for QN PPC's Project-related cadres on relevant issues addressed in this Project;

- (c) Required expenses necessary for carrying out the Project's activities;

and

- (d) Equipment essential to the performance of the Project's technical issues.

Inputs other than indicated above will be determined through mutual consultations between JICA and QN PPC during the implementation of the Project, as necessary.

(2) Input by QN PPC

QN PPC will take necessary measures to provide at its own expense:

- (a) Services of QN PPC's counterpart personnel and administrative personnel as referred to in II-7;
- (b) Suitable office space with necessary equipment;
- (c) Supply or replacement of machinery, equipment, instruments, vehicles, tools, spare parts and any other materials necessary for the implementation of the Project other than the equipment provided by JICA;
- (d) Information as well as support in obtaining medical service;
- (e) Credentials or identification cards;
- (f) Available data (including maps and photographs) and information related to the Project;
- (g) Running expenses necessary for the implementation of the Project;
- (h) Expenses necessary for transportation within Vietnam of the equipment referred to in II-6 (1) as well as for the installation, operation and maintenance thereof; and
- (i) Necessary facilities to the JICA experts for the remittance as well as utilization of the funds introduced into Vietnam from Japan in connection

with the implementation of the Project

6. Implementation Structure

The implementation structure shall be finalized by the end of the Detailed Planning phase. Tentative description is provided below.

The roles and assignments of relevant organizations are as follows.

- (1) Responsible and Implementing Agency
QN PPC shall be the responsible agency of the Project. DPI shall be the major implementing agency of the Project, responsible for coordinating other related agencies and stakeholders.
- (2) Project Director
- (3) Department of Planning and Investment (DPI)
 - (a) Project Director/Director of Project Management Unit (PMU)
DPI leader will be responsible for overall administration and implementation of the Project.
 - (b) Members of PMU
Sufficient number of staff of DPI, other Departments and target districts if necessary will be assigned as members of PMU.
- (3) JICA Experts
The JICA experts will give necessary technical guidance, advice and recommendations to involved departments, districts and QN PPC on any matters pertaining to the implementation of the Project.
- (4) Joint Coordinating Committee
Joint Coordinating Committee (hereinafter referred to as "JCC") will be established in order to facilitate inter-organizational coordination. JCC will be held at least once a year and whenever deemed necessary. JCC will approve an annual work plan, review overall progress, conduct evaluation of the Project, and exchange opinions on major issues that arise during the implementation of the Project. A list of proposed members of JCC is shown in the Annex.
- (4) Working Groups
Cross-stakeholder Working Groups will be established for identified sectors/issues in order to facilitate the Project's implementation

7. Project Site(s) and Beneficiaries

Project sites:

Halong Bay area, including Halong City, Cam Pha City, Van Don District, Hoanh Bo District, Quang Yen Town and Uong Bi City

Direct beneficiaries:

Relevant departments, target districts and selected companies in Quang

Ninh province
Indirect beneficiaries:
Residents of target districts, private and semi-private companies,
investors, tourist visitors

8. Duration

Detailed Planning phase: approximately nine (9) months
Implementation phase : approximately two (2) to three (3) years (to be finalized
based on the results of the Detailed Planning)

9. Environmental and Social Considerations

QN PPC agreed to abide by 'JICA Guidelines for Environmental and Social Considerations' in order to ensure that appropriate considerations will be made for the environmental and social impacts of the Project.

III. UNDERTAKINGS OF QN PPC AND relevant Vietnamese authorities

1. QN PPC and relevant Vietnamese authorities will take necessary measures to:

- (1) ensure that the technologies and knowledge acquired by the Vietnamese nationals as a result of Japanese technical cooperation contributes to the economic and social development of Vietnam, and that the knowledge and experience acquired by the personnel of Vietnam from technical training as well as the equipment provided by JICA will be utilized effectively in the implementation of the Project; and
- (2) grant privileges, exemptions and benefits to the JICA experts referred to in II-6 (1) above and their families, which are no less favorable than those granted to experts and members of the missions and their families of third countries or international organizations performing similar missions in Vietnam.

IV. MONITORING AND EVALUATION

JICA and the QN PPC will jointly and regularly monitor the progress of the Project through the Monitoring Sheets based on the Project Design Matrix (PDM) and Plan of Operation (PO). The Monitoring Sheets shall be reviewed every six (6) months.

In addition, for the purpose of learning and accountability, joint reviews and/or evaluations shall be conducted whenever deemed necessary.

Project Completion Report shall be delivered one (1) month before the termination of the Project.

JICA will conduct the following evaluations and surveys to mainly verify sustainability and impact of the Project and draw lessons. QN PPC is required to provide necessary support for them.

1. Ex-post evaluation three (3) years after the project completion, in principle
2. Follow-up surveys on necessity basis

V. PROMOTION OF PUBLIC SUPPORT

For the purpose of promoting support for the Project, QN PPC will take appropriate measures to make the Project widely known to the people of Vietnam.

VI. Misconduct

If JICA receives information related to suspected corrupt or fraudulent practices in the implementation of the Project, QN PPC and relevant organizations shall provide JICA with such information as JICA may reasonably request, including information related to any concerned official of the government and/or public organizations of the Vietnam.

QN PPC and relevant organizations shall not unfairly or unfavorably treat the person and/or company which provided the information related to suspected corrupt or fraudulent practices in the implementation of the Project.

VII. MUTUAL CONSULTATION

JICA and QN PPC will consult each other whenever any major issues arise in the course of Project implementation.

VIII. AMENDMENTS

The Record of Discussions may be amended by the Minutes of Meetings between JICA and QN PPC.

The Minutes of Meetings will be signed by authorized persons of each side, who may be different from the signers of the Record of Discussions.

Annex List of Proposed Members of Joint Coordinating Committee/ Steering Committee

Annex List of Proposed Members of Joint Coordinating Committee/ Steering Committee

1. Vietnamese side

- (1) Chairman: Vice Chairman of QN PPC
- (2) Vice Chairman: Director of DPI
- (3) Member agencies

Provincial level:

- Department of Planning and Investment (DPI)
- Department of Natural Resources and Environment (DONRE)
- Department of Finance (DOF)
- Department of Science and Technology (DST)
- Department of Culture, Sport and Tourism (DCST)
- Department of Industry and Trade (DOIT)
- Department of Construction (DOC)
- Department of Transportation (DOT)
- Department of Agriculture and Rural Development (DARD)
- Halong Bay Management Department (HBMD)

District level:

- Halong City
- Cam Pha City
- Van Don District
- Hoanh Bo District
- Quang Yen Town
- Uong Bi City

Business representatives:

- Tourism operators association
- Vietnam National Coal and Mineral Industries Group (Vinacomin)
- Electricity Vietnam (EVN)
- Other business representatives if necessity

Civil society representatives

2. Japanese side

- (1) Project Expert Team
- (2) JICA

MAIN POINTS DISCUSSED

1. Main contents of the Project

- (1) Both sides agreed that there is a need to refine Quang Ninh's Green Growth Action Plan in the specific circumstances of Halong Bay area, so that the action plan will be better suited for implementation.
- (2) Both sides agreed to recommend that the Project shall include the following two key pillars: (i) strengthening the capacity for planning and monitoring of Green Growth Action Plan, and (ii) concretization of Green Growth in prioritized sectors and issues.
- (3) Following were discussed as potential priority sectors and issues: tourism, heavy industries (coal mining, thermal power generation, construction material production, etc.), business operations in economic zones and clusters.
- (4) Following were discussed as potential priority activities: energy efficiency promotion of industrial/commercial/public facilities; water quality improvement of Halong Bay; effective use of organic waste and its application to agriculture.

2. Main counterpart agency

- (1) In line with the institutional arrangement of National Green Growth Strategy, DPI has been designated as the focal agency in charge of implementation of Green Growth at the provincial level. Therefore DPI will be the main counterpart agency of the Project. DPI will collaborate closely with DONRE and other relevant departments and district. In addition, working groups including non-governmental stakeholders will be established for prioritized sectors and issues.

3. Target area

- (1) Both sides confirmed that while the Green Growth planning for the whole province is desirable, districts adjacent to Halong Bay, namely Halong City, Cam Pha City, Van Don District, Hoanh Bo District and Quang Yen Town, should be included in the target area of the Project as a minimum.
- (2) In addition, given the importance of Uong Bi as one of the four key tourism sites as stipulated in the Tourism Master Plan for Quang Ninh Province, the Vietnamese side proposed to include Uong Bi City as well.

4. Project Title

- (1) In order to facilitate the recognition of the project by stakeholders, both sides agreed to recommend that the project title shall be modified as follows:

(before) Project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay

(after) Project for Green Growth Promotion in Halong Bay Area, Quang Ninh Province

Phụ lục II-1
Kế hoạch thực thi của năm (5) Dự án thí điểm

Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý Môi trường
và Tăng trưởng xanh**
(Ngày 13/07/2016)

1. Mở đầu

Để thực hiện tăng trưởng xanh, cần tăng cường vận dụng cơ chế tài chính hiện có phục vụ các hoạt động liên quan đến tăng trưởng xanh. Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có các quỹ hỗ trợ công tác quản lý môi trường và phát triển kinh tế như Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ. Để khai thác các quỹ này một cách hiệu quả, cần thiết phải phổ biến thông tin về quỹ đến các đối tượng vay vốn và cần hỗ trợ thủ tục vay vốn. Ngoài ra, dựa trên kết quả đánh giá các quỹ hiện có, một bản đề xuất cải thiện cơ chế cấp ngân sách và kế hoạch triển khai thí điểm trong Giai đoạn thực hiện dự án sẽ được xây dựng và trình UBND tỉnh. Sau khi UBND tỉnh duyệt, sẽ triển khai thí điểm nội dung đề xuất cải thiện quy trình cấp vốn.

Hoạt động này cũng đòi hỏi cần tăng cường phân bổ ngân sách tỉnh. Để tăng cường phân bổ ngân sách, cần có một chương trình phân bổ ngân sách. Vì vậy, trong Giai đoạn thực hiện dự án, sẽ xây dựng một chương trình tăng trưởng xanh nhằm đạt được các chỉ tiêu về xanh hóa sản xuất như đã nêu trong Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh, như tăng tỷ lệ các doanh nghiệp tuân thủ tiêu chuẩn xả thải.

2. Cơ sở của hoạt động thí điểm

Trong hoạt động nhằm quản lý vịnh Hạ Long hiệu quả hơn, tỉnh Quảng Ninh đã và đang thực hiện cuộc chiến lâu dài trước vấn đề ô nhiễm môi trường do các ngành kinh tế sản xuất (secondary industries) gây ra. Vì vậy, quản lý môi trường ở các ngành sản xuất chắc chắn sẽ là một nội dung ưu tiên được chỉ định trong Dự án. Mong đợi rằng các hoạt động thí điểm sẽ đóng góp cho hoạt động phân bổ ngân sách Nhà nước và các nguồn tài chính và quỹ hợp pháp khác cho thực hiện tăng trưởng xanh, đặc biệt đối với lĩnh vực quản lý môi trường. Trong quá trình triển khai hoạt động này, dự kiến sẽ xây dựng một cơ chế tài chính/cơ chế cấp ngân sách mới hoặc cải thiện cơ chế tài chính hiện có.

3. Rà soát cơ chế chính sách, thể chế khi triển khai hoạt động thí điểm

Liên quan đến các quỹ hiện có, hai ví dụ về Quỹ bảo vệ môi trường và Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã được xem xét sơ bộ về hiện trạng vận hành của các quỹ.

(1) Quỹ Bảo vệ môi trường

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh được thành lập tại Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 8 tháng 7 năm 2010. Quỹ có chức năng tiếp nhận các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Nhiệm vụ của Quỹ gồm có:

- Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.
- Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh bằng các hình thức: Cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ cho các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường; Mức cho vay

của mỗi dự án không quá 05 tỷ Đồng, mức tài trợ của mỗi dự án không quá 01 tỷ Đồng. (Hiện Quỹ đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Long vay vốn với lãi suất ưu đãi cho Dự án Nhà máy Xử lý chất thải rắn và sản xuất nguyên liệu tái tạo công suất 200 tấn/ngày tại khu Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí với số tiền là 05 tỷ Đồng).

(2) Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh được thành lập tại Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2012. Mục đích của Quỹ là hỗ trợ cho một phần hoặc toàn bộ chi phí cho các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu nhằm cho phát triển công nghệ mới và tiên tiến và cải tiến công nghệ hiện tại trong các ngành được ưu tiên, v.v... Tổng số vốn thường xuyên của Quỹ là 100 tỷ đồng. Từ năm 2015, quỹ được quy định dành cho các doanh nghiệp thực hiện các công trình phát triển khoa học và công nghệ. Hiện nay, đã có năm doanh nghiệp thực hiện khoa học và công nghệ mới tại tỉnh Quảng Ninh. Cho đến nay, quỹ đã vay cho các dự án đó.

4. Thiết kế sơ bộ và Kế hoạch thực hiện hoạt động thí điểm

4.1 Tổng quan hoạt động thí điểm

Hoạt động thí điểm tăng cường các giải pháp tài chính đầu tư cho công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh. Nhằm tìm hiểu sâu hơn vấn đề này, dự án sẽ phối hợp cùng các cơ sở mục tiêu và khu vực thí điểm được lựa chọn để xem xét việc tăng cường khả năng khai thác các vốn hiện có và phát triển chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh;

4.2 Kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm

(1) Mục tiêu của hoạt động thí điểm

Mục tiêu của hoạt động thí điểm gồm:

- Tăng cường khả năng khai thác cơ chế cấp ngân sách hiện có cho hoạt động quản lý môi trường và tăng trưởng xanh, và
- Phát triển chính sách tài chính cho hoạt động quản lý môi trường và tăng trưởng xanh trong giai đoạn sau dự án.

(2) Dự kiến kết quả và lợi ích hoạt động Dự án

Dự kiến lợi ích và kết quả đạt được như sau:

- Quy định về tăng cường khai thác Quỹ bảo vệ môi trường và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
- Các cơ chế tài chính và cấp ngân sách và tổ chức thực hiện thúc đẩy hoạt động quản lý môi trường.
- Bài học kinh nghiệm vận hành quỹ quản lý môi trường và tăng trưởng xanh;
- Đảm bảo nguồn ngân sách hỗ trợ đầu tư quản lý môi trường và tăng trưởng xanh giai đoạn sau dự án;

(3) Đóng góp của hoạt động thí điểm cho việc thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh

Theo dự kiến, hoạt động thí điểm này góp phần đạt được các chỉ số sau đây được nêu trong KHHĐ Tăng trưởng xanh.

- Tăng tỷ lệ các khu công nghiệp và cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu;
- Tăng tỷ lệ của các doanh nghiệp sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường;
- Tăng tỷ lệ của các doanh nghiệp sản xuất áp dụng công nghệ sạch;
- Thúc đẩy các ngành công nghiệp tái chế chất thải.

(4) Phạm vi hoạt động thí điểm

1) Thành lập tổ công tác

Trong Giai đoạn 1 của Dự án, sẽ thành lập tổ công tác cho hoạt động thí điểm này.

2) Lựa chọn cơ sở tham gia hoạt động thí điểm tăng cường cơ chế cấp vốn

Tổ công tác sẽ chọn cơ sở cho hoạt động thí điểm cấp vốn. Tiêu chí chọn các cơ sở mục tiêu như sau :

- Các cơ sở thuộc các ngành kinh tế được coi là có vai trò quan trọng đối với tỉnh Quảng Ninh trong tương lai bao gồm lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, du lịch, chế biến thực phẩm, v.v...;
- Các cơ sở gây tác động tới môi trường của vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và khu vực ven biển;
- Các cơ sở có quan tâm hoặc có dự định xin vay vốn từ các quỹ hiện có để cải tạo điều kiện hiện trạng hoặc áp dụng công nghệ tiên tiến phục vụ quản lý môi trường bền vững;
- Cơ sở theo dự kiến sẽ đóng góp cho các hoạt động nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp khác ở địa phương nếu cải thiện được năng lực quản lý môi trường của mình; và
- Cơ sở đóng vai trò chính đối với hoạt động kinh tế khu vực, bao gồm cả ngành du lịch ở khu vực vịnh Hạ Long.

Bảng sau đây liệt kê các ứng viên dự kiến, những cơ sở này đã thực hiện khảo sát sơ bộ trong giai đoạn lập kế hoạch chi tiết. Trong giai đoạn thực hiện dự án, tính phù hợp của các ứng viên để được chọn là đối tượng tham gia hoạt động thí điểm sẽ được xem xét cụ thể và các cơ sở đối tượng sẽ được chọn.

Bảng-1 Các ứng viên cho hoạt động thí điểm (Dự kiến)

Đối tượng mục tiêu	Cơ sở	Vị trí	Mô tả
Chợ	Chợ Hạ Long 1	T/p Hạ Long	Chợ có một vị trí quan trọng, phục vụ dân sinh và cả khách du lịch. Chợ nằm gần biển, tuy nhiên, hệ thống xử lý nước thải ở đây hoạt động kém hiệu quả, đặc biệt là trong khu vực bán hải sản, nước thải xả trực tiếp xuống vịnh Hạ Long. Vì vậy, việc đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải tại chợ Hạ Long 1 là vô cùng quan trọng và cần thiết.
	Chợ Cái Dầm	T/p Hạ Long	Mặc dù mới được xây dựng nhưng hệ thống xử lý nước thải của chợ còn rất nhiều thiếu sót, nhiều thông số môi trường chưa đạt. Ngoài ra, chợ được xây dựng theo mô hình do tư nhân đầu tư và quản lý, điểm này đáp ứng tiêu chí vay vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường.
	Chợ Hồng Hà	T/p Hạ Long	Hiện tại, chợ không có địa điểm tập kết và xử lý rác. Hơn nữa, đây là mô hình chợ an toàn thực phẩm của tỉnh nên hệ thống xử lý nước thải chợ phải đảm bảo chất lượng theo quy định là điều hết

			sức cần thiết.
	Chợ Trới	Huyện Hoàn Bò	Quản lý chợ mong muốn cải thiện cơ sở xử lý nước thải, nhưng UBND huyện Hoàn Bò không có ngân sách.
	Chợ Rừng	Thị xã Quảng Yên	Hệ thống xử lý nước thải chỉ thông qua bể lắng và cần được cải thiện.
Ngành chế biến hải sản	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh số 2	Thị xã Quảng Yên	Cơ cấu hệ thống xử lý nước thải không phù hợp và cần được cải thiện.
Khu công nghiệp	Khu công nghiệp Cái Lân	t/p Hạ Long	Khu công nghiệp có nhà máy lắp ráp và sản xuất kỹ thuật, khu đóng tàu, dệt may, sản xuất thiết bị điện, lắp ráp điện tử, sản xuất vật liệu đóng gói/bao bì.

Ghi chú: Việc áp dụng vốn vay từ các quỹ cho các chợ công sẽ được cân nhắc trong trường hợp nguồn chi thường xuyên không đủ đáp ứng cho nhiệm vụ cải thiện quản lý môi trường.

3) Hỗ trợ cơ sở mục tiêu lập hồ sơ xin vay vốn hiện có

Tổ công tác và JET sẽ hỗ trợ cơ sở mục tiêu lập hồ sơ vay vốn từ quỹ hiện có, giải thích quy trình vay vốn và thủ tục hồ sơ. Thông qua công tác hỗ trợ, tổ công tác và JET sẽ xem xét các biện pháp nhằm nâng cao khả năng khai thác quỹ hiện có, thảo luận với các cơ sở mục tiêu để thực hiện cho vay vốn thí điểm.

4) Giới thiệu kỹ thuật tiên tiến với kinh nghiệm của Nhật Bản phục vụ quản lý doanh nghiệp hiệu quả hơn

Dựa trên các tài liệu tham khảo về kỹ thuật quản lý môi trường áp dụng ở các doanh nghiệp tư nhân như cải thiện nước thải, giảm thiểu hoặc tái chế chất thải, v.v... JET sẽ giới thiệu với tổ công tác và các cơ sở mục tiêu về những ví dụ kỹ thuật điển hình của Nhật Bản.

5) Giới thiệu về chính sách hành chính của Nhật Bản về cơ chế tài chính và cơ chế cấp ngân sách giúp quản lý tốt hơn các ngành được lựa chọn

Để vận hành hiệu quả hệ thống cấp vốn và bảo đảm nguồn ngân sách cho công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh, chính quyền tỉnh Shiga của Nhật Bản sẽ chia sẻ với tổ công tác kiến thức, kinh nghiệm và bài học của mình.

5) Triển khai thử nghiệm quy trình phê duyệt cho vay vốn

Tổ công tác và các sở liên quan đến các quỹ hiện có như Sở TNMT hoặc Sở KH-CN sẽ tiến hành thử nghiệm quá trình phê duyệt cho các cơ sở mục tiêu được lựa chọn vay vốn.

6) Xem xét các biện pháp cần thiết tăng cường hệ thống cho vay vốn hiện có

Trong quá trình thí điểm cho vay vốn, các kiến nghị nâng cao khả năng khai thác các quỹ hiện có sẽ được đưa vào nội dung đề xuất cho giai đoạn sau dự án, như mô tả trong mục 4.2 (4) 13). Nội dung chính cần xem xét là tính cần thiết tăng cường khả năng tiếp cận các quỹ hiện có cho hoạt động giới thiệu công nghệ quản lý môi trường tiên tiến. Phụ lục-1 sau đây đề cập những nội dung dự kiến khi xây dựng kiến nghị tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có, với ví dụ là Quỹ Bảo vệ môi trường và Quỹ phát triển khoa học công nghệ. Trong giai đoạn thực hiện dự án, sẽ xem xét không chỉ đối với hai quỹ nêu trên mà cả những quỹ hoặc cơ chế chính sách tương tự khác phục vụ cho thực hiện tăng trưởng xanh trong lĩnh vực quản lý môi trường. Nếu cần, sẽ xem xét và đề xuất xây dựng một cơ chế cấp ngân sách mới cho thực hiện tăng trưởng xanh.

7) Lựa chọn khu vực thí điểm để xem xét xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh

Tổ công tác sẽ lựa chọn khu vực thí điểm để xem xét xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh. Sở Công Thương đã đề xuất chọn Cụm công nghiệp Hà Khánh làm khu vực thí điểm

cho hoạt động này. Dự kiến khu vực được chọn sẽ được phát triển thành mô hình mẫu về tăng trưởng xanh. Vì vậy, khu vực thí điểm sẽ được lựa chọn dựa trên cả hai phương diện, tải lượng ô nhiễm xả ra vịnh Hạ Long và khả năng có thể phát triển thành mô hình mẫu.

8) Xác định các biện pháp cần thiết cải thiện hệ thống quản lý hiệu quả hơn tại khu vực thí điểm

Tổ công tác và JET sẽ xác định các biện pháp cần thiết cải thiện hệ thống quản lý tại khu vực thí điểm và cùng thảo luận với các cơ sở / doanh nghiệp trong khu vực thí điểm về cải tiến công tác xử lý nước thải, giảm thiểu và tái chế chất thải và tăng cường hệ thống quản lý môi trường. Trường hợp liên quan đến khả năng tiết kiệm năng lượng và cải tiến quy trình sản xuất sẽ được xem xét, phối hợp với hoạt động thí điểm khác có tên gọi là Thúc đẩy cơ chế ưu đãi quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ tài chính, v.v... Những cơ chế chính sách hỗ trợ tài chính hiện có cũng sẽ được xem xét nhằm tăng cường khả năng khai thác các cơ chế chính sách đó. Chẳng hạn như trong Quyết định số 3799/2010/QĐ-UBND về ban hành quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tỉnh có thể hỗ trợ 50 triệu VNĐ cho việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14000. Nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh, những chính sách hỗ trợ tài chính hiện có như vậy sẽ được xem xét tăng cường khả năng khai thác các chính sách đó.

9) Xem xét cơ chế ưu đãi đầu tư hệ thống quản lý hiệu quả hơn nữa

Tổ công tác sẽ xem xét cơ chế ưu đãi đầu tư cho hệ thống quản lý tốt hơn. Khu vực được lựa chọn sẽ được phát triển thành mô hình mẫu về tăng trưởng xanh. Đối với cách tiếp cận này, cơ chế ưu đãi bao gồm hỗ trợ tài chính cho hoạt động phát triển, hệ thống thưởng cho các thực tiễn điển hình hoặc các hoạt động nâng cao nhận thức trọng tâm nhằm thực hiện tăng trưởng xanh.

10) Theo dõi và đánh giá

Tổ công tác sẽ ghi lại các hoạt động được thực hiện để theo dõi và đánh giá hiệu quả thực thi. Để đánh giá hiệu quả thực thi, sẽ tiến hành điều tra phỏng vấn các sở ban ngành và các cơ sở mục tiêu tham gia trong hoạt động thí điểm này.

11) Xây dựng đề xuất tăng cường hệ thống cấp vốn hiện có

Căn cứ vào nội dung các hoạt động thực hiện từ mục 4.2 (4) 2) đến 4.2 (4) 6), một bản đề xuất sẽ được lập về tăng cường hệ thống cấp ngân sách hiện có.

12) Xây dựng nội dung đưa vào Sách trắng sẽ soạn thảo trong Đầu ra 1

Tất cả các hoạt động đã triển khai sẽ được tổng hợp thành một bài viết để đưa vào "Sách trắng về Tăng trưởng Xanh khu vực vịnh Hạ Long", sẽ lập trong Đầu ra 1 của Dự án.

13) Lập đề xuất tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có và xây dựng cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh

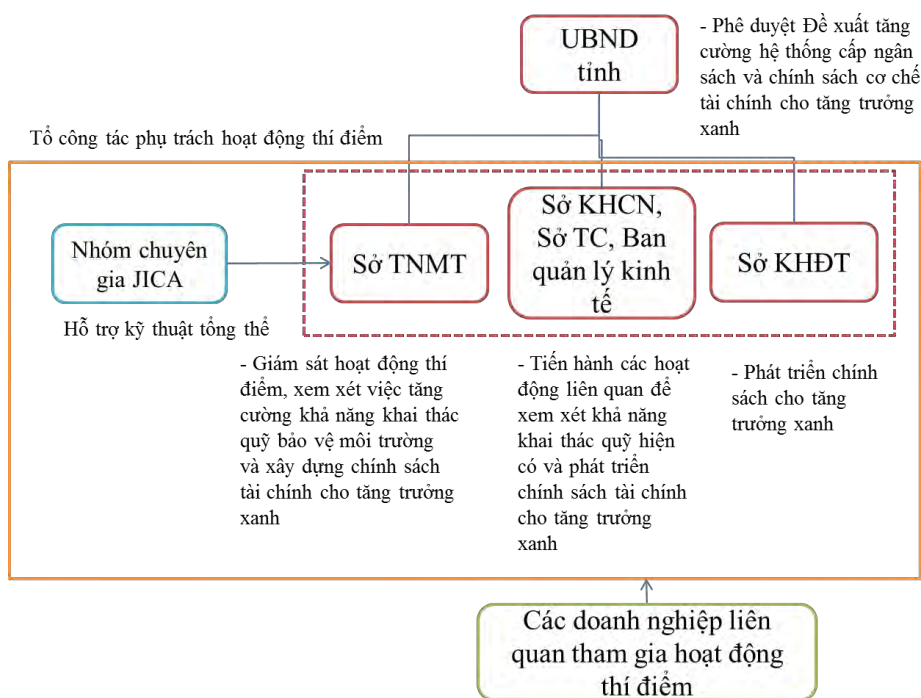
Trong năm thứ hai của Dự án, tổ công tác sẽ lập đề xuất tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có và xây dựng cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh.

14) Xây dựng các văn bản hành chính cho đề xuất tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có và xây dựng cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh

Sau khi đề xuất tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có và xây dựng cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh giai đoạn sau dự án được hoàn thiện, đề xuất này sẽ được lập thành văn bản đề xuất hành chính. Đề xuất này sẽ được tổng hợp trong nội dung Kế hoạch hành động ưu tiên thực hiện tăng trưởng xanh, thuộc Đầu ra 1.

(6) Cơ cấu thực thi

Vai trò và trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hoạt động thí điểm:



Hình -1 Cơ cấu thực thi

- Sở TN & MT
 - Giám sát hoạt động thí điểm;
 - Xem xét việc tăng cường khả năng khai thác quỹ bảo vệ môi trường;
 - Thực hiện theo dõi và đánh giá;
 - Xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh.
- Sở KHCN
 - Xem xét việc tăng cường khả năng khai thác Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
 - Thực hiện theo dõi và đánh giá;
 - Xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh.
- Sở Tài chính, Sở KHĐT
 - Xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh.
- Ban quản lý kinh tế, doanh nghiệp tư nhân
 - Tham gia thực hiện thí điểm cấp ngân sách và thực hiện theo dõi, đánh giá;
 - Xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh.

(7) Lịch thực thi

Bảng sau đây thể hiện Lịch thực thi hoạt động thí điểm.

Bảng-2 Lịch thực thi Dự án thí điểm

*Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý Môi trường và Tăng trưởng xanh*

Năm/ tháng	GD1	Năm thứ 1												Năm thứ 2												Năm thứ 3												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Thực hiện hoạt động thí điểm																																						
Lập tổ công tác		■																																				
Lựa chọn cơ sở tham gia vào hoạt động để tăng cường cơ chế cấp vốn		■																																				
Hỗ trợ cơ sở mục tiêu lập hồ sơ xin vay vốn từ quỹ hiện có				■																																		
Giới thiệu kỹ thuật tiên tiến với kinh nghiệm của Nhật Bản trong quản lý doanh nghiệp hiệu quả hơn			■																																			
Giới thiệu các chính sách hành chính của Nhật Bản về cơ chế tài chính và cấp vốn cho hoạt động quản lý doanh nghiệp tốt hơn																																						
Áp dụng thử nghiệm quy trình cấp vốn																																						
Xem xét các biện pháp cần thiết để tăng cường hệ thống cấp vốn hiện có																																						
Lựa chọn khu vực thí điểm xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh		■																																				
Xác định các biện pháp cần thiết để cải thiện hệ thống quản lý tốt hơn tại khu vực thí điểm			■																																			
Đánh giá cơ chế khuyến khích đầu tư hệ thống quản lý tốt hơn																																						
Lập Đề xuất cải thiện hệ thống cấp vốn hiện có																																						
Theo dõi và đánh giá																																						
Theo dõi hiệu quả áp dụng kỹ thuật tiên tiến được giới thiệu																																						
Tóm tắt bài học kinh nghiệm																																						
Soạn thảo bài viết cho Sách trắng được xây dựng trong khuôn khổ Đầu ra 1																																						
Soạn thảo Đề xuất cho giai đoạn sau dự án																																						
Lập Đề xuất tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có và xây dựng cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh																																						
Soạn thảo các văn bản hành chính cho Đề xuất tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có và xây dựng cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh																																						

(8) Theo dõi hoạt động thí điểm

Tổ công tác sẽ thực hiện hoạt động theo dõi.

1) Theo dõi các nội dung về tăng cường khả năng khai thác quỹ hiện có

- Số lượng doanh nghiệp mục tiêu được thí điểm cấp vốn;
- Đề xuất tăng cường khả năng khai thác quỹ hiện có.

2) Theo dõi các nội dung về xây dựng chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh

- Đề xuất chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh.

3) Phương pháp:

- Lập bảng theo dõi để thực hiện phỏng vấn và điều tra thực địa.
- Thực hiện phỏng vấn các sở ban, ngành và các cơ sở mục tiêu tham gia hoạt động thí điểm.

4) Lịch và tần xuất theo dõi

- (a) Theo dõi đợt 1: Quý 4, năm đầu của Dự án;
- (b) Theo dõi đợt 2: Quý 4, năm thứ hai của Dự án.

(9) Thực hiện Chương trình đào tạo

Bảng dưới đây trình bày nội dung hỗ trợ kỹ thuật cho tổ công tác. Một trong những nội dung đào tạo liên quan đến chia sẻ bài học kinh nghiệm của chính quyền địa phương tỉnh Shiga, Nhật Bản về vận hành quỹ và phân bổ ngân sách cho công tác quản lý môi trường.

Bảng-3 Chương trình tập huấn

Đối tượng	Nội dung tập huấn
Sở TNMT, Sở KHCN	- Chia sẻ bài học kinh nghiệm của chính quyền địa phương tỉnh Shiga, Nhật Bản về vận hành quỹ cải thiện công tác quản lý môi trường cho doanh nghiệp tư nhân ở địa phương
Sở KHĐT, Sở TC	- Chia sẻ bài học kinh nghiệm của chính quyền địa phương tỉnh Shiga, Nhật Bản về vận hành cơ chế tài chính tăng cường đầu tư cho quản lý môi trường và tăng trưởng xanh

4.3 Tính sẵn sàng thực hiện hoạt động thí điểm

Để bắt đầu triển khai hoạt động thí điểm, cần chuẩn bị sẵn sàng cho những nội dung sau:

(1) Tỉnh Quảng Ninh và các sở ban ngành

- Thiết lập tổ chức về thể chế và chỉ đạo cụ thể vai trò, trách nhiệm của những sở ngành liên quan đến thực thi dự án thí điểm như đề xuất tại Hình 1 ở trên;
- Bố trí ngân sách đối ứng cho hoạt động thí điểm;
- Phê duyệt cho thực hiện thí điểm vay vốn để xem xét khả năng cải thiện sử dụng quỹ và xem xét cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính và tổ chức nhằm thúc đẩy hoạt động quản lý môi trường;
- Cam kết xây dựng văn bản và phê chuẩn các cơ chế ngân sách và cơ chế tài chính và tổ chức thúc đẩy hoạt động quản lý môi trường trong giai đoạn sau dự án.

(2) Các tổ chức/doanh nghiệp liên quan tham gia hoạt động thí điểm

- Sẵn lòng tham gia hoạt động thí điểm.

(3) JICA

- Hỗ trợ tài chính cho hoạt động thí điểm;
- Đào tạo kỹ thuật cho hoạt động thí điểm.

5. Sự mong đợi và tính sẵn sàng cho giai đoạn sau dự án

Để các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh liên quan đến hoạt động thí điểm trên được tiếp tục thực hiện, cần xây dựng văn bản và phê duyệt những cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính và tổ chức thúc đẩy hoạt động quản lý môi trường.

Hết tài liệu.

Phụ lục-1

Bảng -2 Các nội dung đề xuất xây dựng khuyến nghị về tăng cường khả năng khai thác các quỹ hiện có (Dự kiến)

Mục tiêu	Văn bản	Khoản mục	Nội dung dự kiến xây dựng khuyến nghị tăng cường khả năng khai thác quỹ
Quỹ Bảo vệ môi trường	Quyết định số 2061/QĐ-UBND về việc thành lập quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh	5. Nguồn vốn của Quỹ bảo vệ môi trường	Sẽ xem xét nếu cần đề xuất tăng số vốn điều lệ hiện tại là 20 tỷ VNĐ của Quỹ bảo vệ môi trường.
		Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Quỹ bảo vệ môi trường hiện nay có thể hỗ trợ cho các hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái, sự cố môi trường, xử lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học. Đề xuất rà soát lại các điều khoản để cho phép khai thác quỹ tích cực hơn nữa cho thực thi tăng trưởng xanh.
		Điều 5. Đối tượng được vay với lãi suất ưu đãi	Tương tự như đối với Điều 1, đề xuất rà soát lại nội dung điều này nhằm khai thác quỹ tích cực hơn nữa cho thực thi tăng trưởng xanh.
		Điều 7. Điều kiện cho vay	Thông qua hoạt động cho vay thí điểm, sẽ rà soát lại điều kiện cho vay để xem xét khả năng tăng cường sử dụng quỹ môi trường.
		Điều 9. Thời hạn vay vốn	Thông qua hoạt động cho vay thí điểm, sẽ rà soát lại thời hạn vay vốn để xem xét khả năng tăng cường sử dụng quỹ môi trường.
		Điều 12. Hồ sơ vay	Thông qua hoạt động cho vay thí điểm, sẽ rà soát cách thức xác nhận đảm bảo tiền vay, tham khảo kinh nghiệm từ quỹ tương tự của Nhật Bản nhằm tăng khả năng sử dụng quỹ.
		Điều 16. Rủi ro và xử lý rủi ro	Thông qua hoạt động cho vay thí điểm, sẽ rà soát biện pháp xử lý rủi ro, tham khảo kinh nghiệm từ quỹ tương tự của Nhật Bản nhằm tăng khả năng sử dụng quỹ.
Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1023/QĐ-UBND về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quảng Ninh	4. Vốn hoạt động của Quỹ	Sẽ xem xét nếu cần đề xuất tăng số vốn ban đầu là 100 tỷ VNĐ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.
		8. Sử dụng vốn hoạt động	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hiện nay có thể xem xét hỗ trợ không hoàn lại một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện tùy theo nhiệm vụ. Đề xuất nên rà soát lại tiêu chí hiện tại xác định nhiệm vụ cụ thể để khai thác tích cực hơn nữa quỹ này cho thực thi tăng trưởng xanh. Mức hỗ trợ không hoàn lại tối đa không quá 02 (hai) tỷ VNĐ cho mỗi nhiệm vụ, dự án. Đề xuất nên rà soát lại xem có cần tăng mức tối đa khi hỗ trợ không hoàn lại cho mỗi nhiệm vụ, dự án.

Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Hoạt động thí điểm Thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, trợ cấp, v.v...(Ngày 13/7/2016)

1. Giới thiệu

Tiết kiệm năng lượng là một trong những biện pháp hiệu quả để tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm phát thải CO₂. Tuy nhiên, mức chi phí đầu tư ban đầu cao của các biện pháp hiệu quả năng lượng là một rào cản cho việc thúc đẩy tiết kiệm năng lượng. Các biện pháp hiệu quả năng lượng (HQNL) với những thiết bị hiệu suất cao thường đắt đỏ và thị trường cạnh tranh của những loại thiết bị này thấp. Cần phải có cơ chế ưu đãi để hỗ trợ việc áp dụng các biện pháp HQNL. Cơ chế tài chính sẵn có để bố trí việc tiết kiệm năng lượng được xác định bao gồm trợ cấp, vốn vay lãi suất ưu đãi và chương trình ESCO. Nhằm trình diễn cơ chế ưu đãi đối với các biện pháp HQNL, dự án thí điểm về HQNL sẽ được thực hiện đối với những đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm trong Quảng Ninh, ví dụ như các nhà máy, các công ty dịch vụ du lịch và các cơ sở công cộng cùng với đề xuất về cơ chế tài chính.

2. Cơ sở của hoạt động thí điểm về các biện pháp HQNL thuộc ngành Quản lý và Tiết kiệm năng lượng

Sau đây là các văn bản luật pháp, quy chế và hướng dẫn quy định về tiết kiệm năng lượng.

- Luật số 50/2010/QH12 của Quốc hội về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Nghị định số 21/2011/ND-CP cung cấp chi tiết các biện pháp thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Thông tư 09/2012/TT-BCT quy định về việc kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng.
- Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg: Quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.

Quyết định số 708/2016/QĐ-UBND về Chương trình Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020: Mục tiêu tiết kiệm 8% -10% năng lượng so với dự báo nhu cầu năng lượng trong Kế hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quyết định 1208 / QĐ-TTg ngày 21/7/2011).

Tỉnh Quảng Ninh cũng đặt mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính tại Quyết định số 6970 /KH-UBND để thực hiện Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch nhằm đạt mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính với mức 7.02 triệu tCO₂ tương đương vào năm 2020, tương đương với 22.5% so với mức của năm 2010. Trong tổng số lượng giảm phát thải này, có mục tiêu cắt giảm 1.91 triệu tCO₂ tương đương hoặc hơn từ việc tránh phát thải trong ngành công nghiệp.

3. Rà soát các chính sách và cơ chế thể chế thúc đẩy tăng trưởng xanh

3.1 Tình hình hiện tại và các vấn đề liên quan tới chính sách và cơ chế thể chế cho việc thực hiện các biện pháp HQNL trong ngành Quản lý và tiết kiệm năng lượng

- Cần phải nâng cao nhận thức về cơ chế tài chính nhằm thúc đẩy các biện pháp HQNL. Các nhà đầu tư có ít động lực để lắp đặt các thiết bị HQNL với thời gian thu hồi vốn kéo dài trên 3 năm.

- Mức độ ưu tiên cao cho việc đầu tư lắp đặt các thiết bị sản xuất, nhưng ưu tiên lắp đặt các thiết bị tiết kiệm năng lượng thì chưa cao. Cơ chế tài chính ưu đãi cần được áp dụng cho các thiết bị HQNL, ví dụ như cơ chế cho vay ưu đãi.
- Các thiết bị hiệu suất năng lượng cao là rất hiệu quả trong việc tiết kiệm năng lượng, tuy nhiên mức đầu tư ban đầu lớn và mức cạnh tranh trên thị trường đối với các thiết bị đó là thấp. Để thúc đẩy các biện pháp HQNL, cần phải có các cơ chế ưu đãi, ví dụ như chương trình trợ cấp để trình diễn các biện pháp HQNL của các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao.
- ESCO là một trong những cơ chế có khả năng thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, tuy nhiên trong tỉnh Quảng Ninh, có một số thách thức khi thực hiện cơ chế này như sau:
 - Ở khu vực phía Bắc Việt nam, số lượng công ty ESCO rất hạn chế;
 - Vì ESCO là công ty kinh doanh tư nhân, họ chỉ áp dụng những thiết bị có thời gian thu hồi vốn ngắn (ví dụ 1-3 năm); và
 - Công ty ESCO sẽ chỉ cung cấp những loại thiết bị được họ lựa chọn, phù hợp với lợi ích của họ.
- Hệ thống dán nhãn năng lượng và kiểm toán năng lượng hiện có cần được tận dụng tối đa để thúc đẩy tiết kiệm năng lượng.
- Trong khi vai trò và trách nhiệm về tiết kiệm năng lượng được phân công tại các phòng ban có liên quan, thì trong tỉnh Quảng Ninh vẫn chưa có một cơ quan thực thi để thúc đẩy chương trình thực hiện các biện pháp HQNL, ví dụ như cơ chế cho vay ưu đãi hoặc chương trình dự án ESCO.

3.2 Kế hoạch cải thiện về thể chế và chính sách để thực hiện các biện pháp HQNL

- Cơ chế ưu đãi để thúc đẩy các biện pháp HQNL sẽ được xác định và trình diễn thông qua dự án thí điểm, ví dụ như cơ chế vốn vay ưu đãi và cơ chế trợ cấp đã được thực hiện bởi Sở Công Thương và dự án ESCO.
- Cơ chế trợ cấp thực hiện bởi Sở Công Thương có thể áp dụng đối với mô hình với thiết bị hiệu suất cao có khả năng tiết kiệm năng lượng lớn cho mục đích trình diễn.
- Sử dụng hệ thống dán nhãn năng lượng tuyến tính, ví dụ như thúc đẩy sử dụng các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao được dán nhãn trong khu vực vịnh Hạ Long, và thiết kế hệ thống nhãn xanh tuyến tính đóng góp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng.
- Hệ thống kiểm toán năng lượng được sử dụng tối đa cùng với việc lập đối tượng trong số các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm đã được chỉ định. Hệ thống kiểm toán năng lượng cũng được trình diễn trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Đưa ra khuyến nghị về chính sách vận hành cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy các biện pháp hiệu quả năng lượng sau giai đoạn thực hiện dự án.

3.3 Khuyến nghị đối với thúc đẩy TTX để thực hiện các biện pháp HQNL trong ngành Quản lý và Tiết kiệm năng lượng.

- (1) Bố trí nhân lực cho tổ công tác của hoạt động thí điểm từ các nhân viên hành chính phù hợp tại tuyến tỉnh, từ Sở KH&ĐT, Sở Công-Thương, Sở Xây dựng và Sở TN&MT.
- (2) Điều phối về ngân sách, bao gồm cả bố trí trợ cấp
- (3) Bổ sung chức năng mới về Tiết kiệm năng lượng cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp tỉnh.
- (4) Cơ quan Xúc tiến Đầu tư (IPA) của tỉnh sẽ áp dụng các kiến thức và bài học thu được để thúc đẩy đầu tư trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng.
- (5) Sử dụng các quy định hiện có liên quan tới HQNL, ví dụ như về kiểm toán năng lượng, dán nhãn năng lượng và hệ thống quản lý năng lượng.

4. Thiết kế sơ bộ và Kế hoạch thực thi Hoạt động thí điểm về các Biện pháp Hiệu quả năng lượng

4.1 Khái quát Hoạt động thí điểm và các Biện pháp hiệu quả năng lượng

Các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ và các tòa nhà thuộc nhà nước là các mục tiêu chính về tiết kiệm năng lượng. Đối tượng của dự án thí điểm trong ngành công nghiệp được lựa chọn từ các đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm đã được chỉ định trong tỉnh Quảng Ninh, được lập danh sách theo Quyết định số 1535/2014/QĐ-TTg. Các đối tượng trong ngành dịch vụ được lựa chọn từ cuộc khảo sát sơ bộ về tiết kiệm năng lượng đối với các khách sạn tại Quy hoạch Môi trường tỉnh Quảng Ninh. Đối tượng trong các cơ sở công cộng được lựa chọn theo đề đạt của chính quyền tỉnh Quảng Ninh. Việc lựa chọn sơ bộ các đối tượng được thực hiện theo các tiêu chí sau đây:

- 1) Tính phù hợp: loại hình, quy mô, vị trí của mô hình
- 2) Tính hiệu quả: lượng năng lượng có khả năng tiết kiệm và mức giảm phát thải CO₂
- 3) Tính khả thi: chi phí, số năm thu hồi vốn, công nghệ, mức độ hài lòng (kế hoạch thực hiện, chia sẻ chi phí, v.v...)

Đối với hoạt động thí điểm, cơ chế tài chính sẵn có, ví dụ như chương trình vốn vay ưu đãi, trợ cấp, và dự án ESCO, v.v... sẽ được xác định, và hoạt động thí điểm đối với các biện pháp HQNL sẽ được thực hiện bằng các cơ chế tài chính ưu đãi đó. Ngoài ra, hệ thống nhãn xanh cấp tỉnh và hệ thống kiểm toán năng lượng đóng góp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng sẽ được xây dựng.

4.2 Kế hoạch thực thi Hoạt động thí điểm về các biện pháp hiệu quả năng lượng

- (1) Mục tiêu của Hoạt động thí điểm

Mục tiêu của hoạt động thí điểm như sau:

- Xây dựng cơ chế thể chế và tài chính để thúc đẩy quản lý và tiết kiệm năng lượng thông qua thực hiện dự án thí điểm về các biện pháp HQNL,
- Rút ra bài học kinh nghiệm từ hoạt động thí điểm để góp phần xây dựng cơ chế thể chế và tài chính và làm cho các cơ chế thể chế và tài chính đã xây dựng đó thêm khả thi, và

- Thiết kế hệ thống nhãn xanh tuyến tính đóng góp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng.
- (2) Dự kiến kết quả và lợi ích từ hoạt động của Dự án
- Các bí quyết về cơ cấu tài chính, ví dụ như vốn vay ưu đãi, trợ cấp, và dự án ESCO sẽ được các cơ quan tại tuyến tỉnh tiếp thu và học tập.
 - Tăng cường năng lực theo dõi, đánh giá và quản lý các biện pháp HQNL
 - Thu được bài học kinh nghiệm về cơ chế khuyến khích các biện pháp HQNL cho việc thiết lập chính sách và kế hoạch hành động bền vững về tăng trưởng xanh.
 - Hệ thống nhãn xanh tuyến tính và kiểm toán năng lượng đóng góp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng.

(3) Đóng góp của Hoạt động thí điểm vào thực hiện KHHĐ TTX tỉnh Quảng Ninh

Đóng góp của hoạt động thí điểm vào thực hiện KHHĐ TTX tỉnh Quảng Ninh sẽ như sau:

- Đóng góp vào giảm tiêu thụ năng lượng thông qua hoạt động thí điểm và cơ chế khuyến khích tiết kiệm năng lượng.
- Đóng góp vào giảm lượng khí CO₂ từ việc giảm tiêu thụ năng lượng.

(4) Phạm vi của Hoạt động thí điểm

Cơ chế tài chính đề xuất cho các biện pháp HQNL trong dự án thí điểm là (i) Thúc đẩy vốn vay ưu đãi trong ngành công nghiệp, (ii) Trợ cấp cho việc giới thiệu các thiết bị hiệu suất năng lượng cao như là những hoạt động trình diễn, và (iii) giới thiệu ESCO.

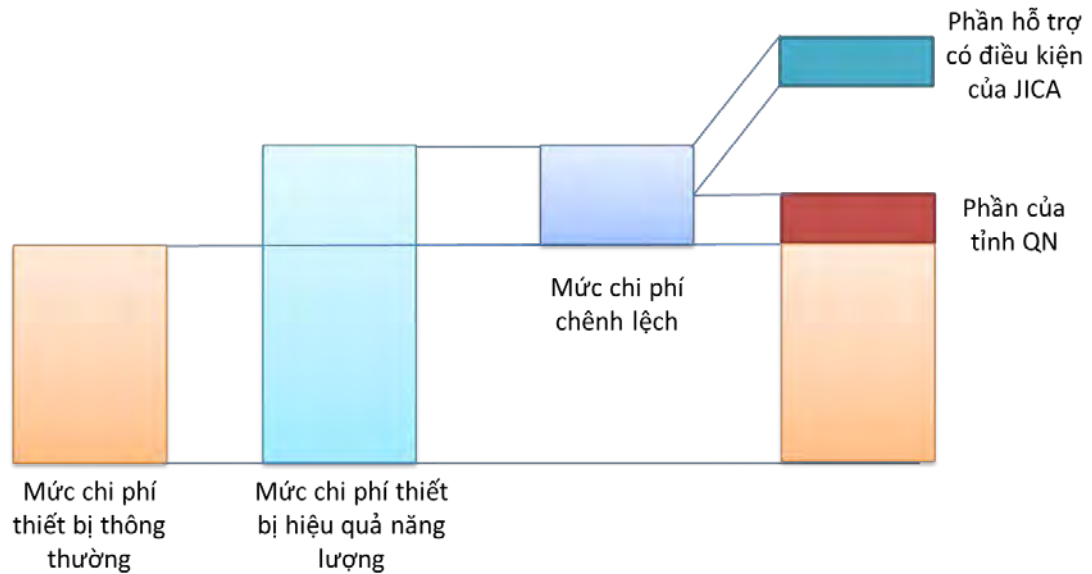
1) Biện pháp hiệu quả năng lượng với việc thúc đẩy vốn vay ưu đãi

Cơ sở mục tiêu:	Công nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ
Chủ sở hữu:	Tư nhân
Đề cương:	Cung cấp thông tin và điều phối vốn vay ưu đãi đối với hiệu quả năng lượng, ví dụ như Hiệu quả Năng lượng Việt Nam cho các Doanh nghiệp Công nghiệp (VEEIEs) và quỹ bảo vệ môi trường, để thúc đẩy áp dụng các quỹ với vốn vay lãi suất mềm cho các biện pháp HQNL.
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt máy biến tần cho các động cơ - Lắp đặt lò nung hiệu quả cao - Cải thiện hệ thống đèn chiếu sáng bằng bóng đèn hiệu suất cao

2) Biện pháp hiệu quả năng lượng với việc trợ cấp các thiết bị hiệu suất năng lượng cao

Cơ sở mục tiêu:	Cơ sở dịch vụ, các cơ sở thuộc nhà nước (tòa nhà thuộc tỉnh hoặc hệ thống chiếu sáng công cộng)
Chủ sở hữu:	Tư nhân và nhà nước
Đề cương:	Trợ cấp để thúc đẩy các biện pháp HQNL với các thiết bị hiệu suất cao áp dụng trong dự án thí điểm trong ngành dịch vụ tư nhân hoặc các cơ sở công cộng cho mục đích trình diễn.
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	Biện pháp HQNL với thiết bị hiệu suất cao ví dụ như điều hòa nhiệt độ, cách nhiệt, và hệ thống chiếu sáng công cộng.

Mức chi phí đầu tư cao của các thiết bị hiệu quả năng lượng làm cho thị trường cạnh tranh của những thiết bị này thấp. Khái niệm chương trình trợ cấp nhằm mục đích chính là để bổ sung cho sự chênh lệch về chi phí giữa thiết bị bình thường và thiết bị hiệu quả năng lượng để thúc đẩy áp dụng các thiết bị có hiệu quả năng lượng này. Nhằm trình diễn phương pháp trợ cấp, dự án thí điểm đã được đề xuất thực hiện với ngân sách của tỉnh và hỗ trợ của JICA, như được trình bày trong hình sau đây. Dựa vào các bài học và kinh nghiệm thu được thông qua hoạt động trình diễn, dự kiến tỉnh Quảng Ninh sẽ thực hiện cơ chế trợ cấp tại tuyến tỉnh để hỗ trợ trong việc giới thiệu các thiết bị hiệu suất cao sau giai đoạn thực hiện dự án.



Hình 1- Khái niệm chương trình trợ cấp

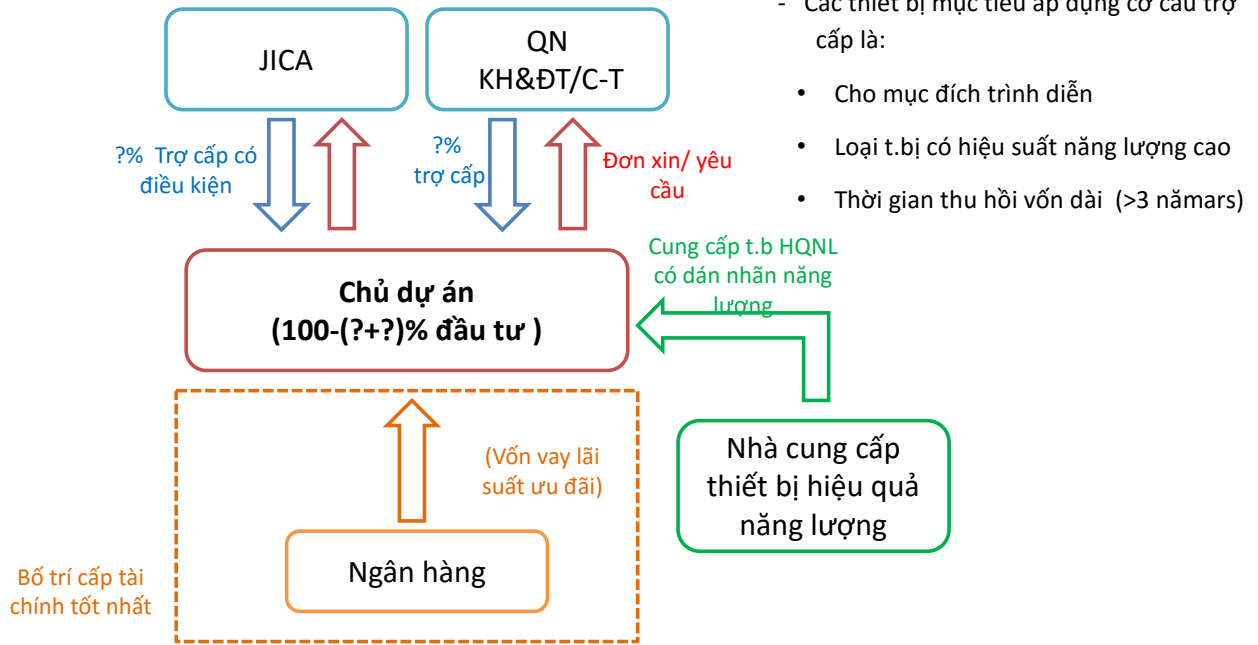
3) Biện pháp hiệu quả năng lượng với dự án ESCO

Cơ sở mục tiêu:	Công nghiệp và dịch vụ bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ
Chủ sở hữu:	Tư nhân
Đề cương:	Chương trình ESCO sẽ được xác định và bố trí cho chủ dự án, người có thiện chí áp dụng các biện pháp hiệu quả năng lượng. Công ty ESCO sẽ mua sắm trang thiết bị hiệu suất cao và chủ dự án sẽ phải trả phí thuê thiết bị cho ESCO. Nhận thức về hệ thống ESCO sẽ được nâng cao thông qua thực hiện dự án thí điểm. Vốn vay ưu đãi có thể áp dụng cho ESCO.
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	Các biện pháp HQLN mà ESCO thực hiện: - Mô hình ESCO áp dụng cho các biện pháp HQLN có thời gian thu hồi vốn ngắn (1-3 năm) - ESCO có thể sử dụng vốn vay ngân hàng có lãi suất ưu đãi.

Một hoặc hai dự án thí điểm sử dụng những cơ chế tài chính ở trên sẽ được lựa chọn và thực hiện với việc lắp đặt các thiết bị hiệu quả năng lượng. Các đơn vị ứng cử cho dự án thí điểm được liệt kê tại Phụ lục 1.

(5) Cơ cấu tài chính

Cơ cấu khuyến khích tài chính được đề xuất theo 3 loại, đó là: Cơ chế trợ cấp, vốn vay ưu đãi và dự án theo chương trình ESCO.



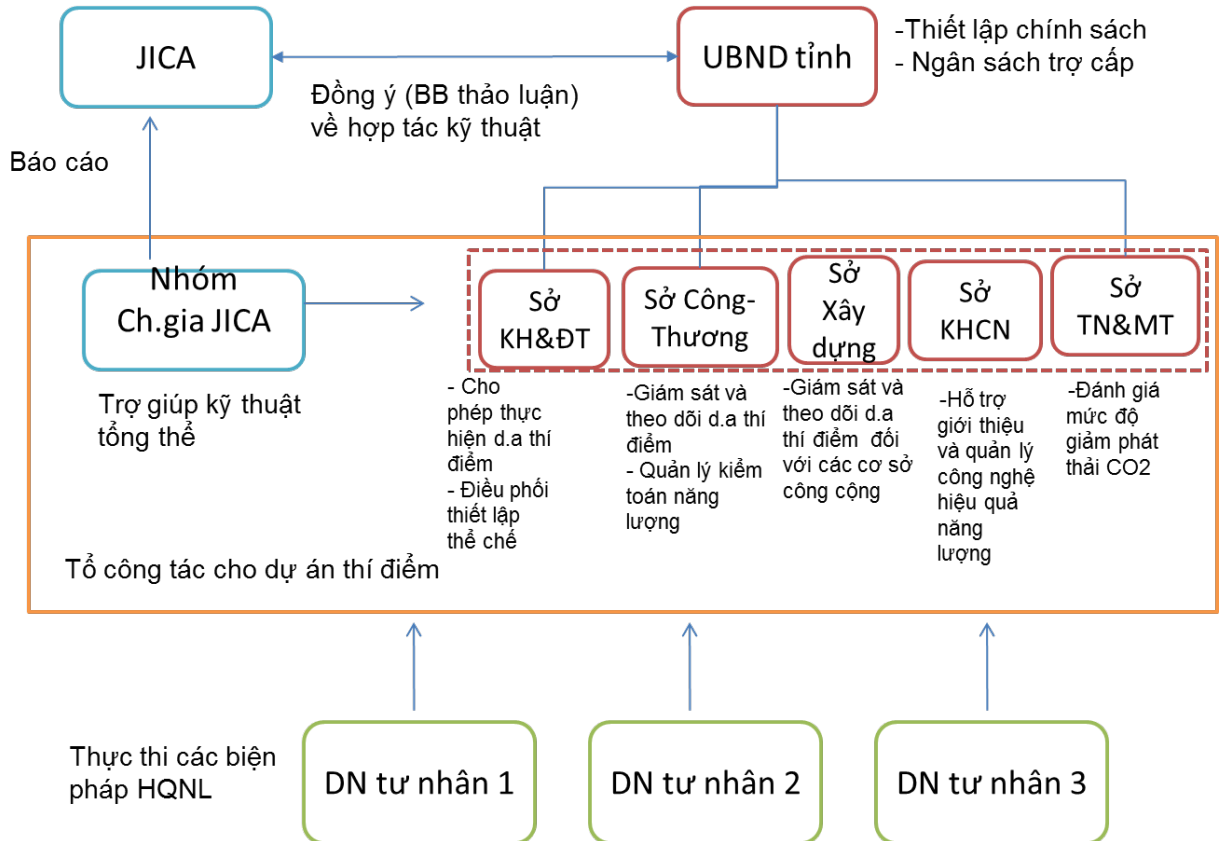
Hình-2: Chương trình trợ cấp



Hình-3: Chương trình vốn vay ưu đãi và chương trình Dự án ESCO

(6) Cơ cấu thực thi

Vai trò và trách nhiệm đối với hoạt động thí điểm về các biện pháp hiệu quả năng lượng thuộc ngành Quản lý và tiết kiệm năng lượng được trình bày trong hình sau đây:



Hình 4: Cơ cấu Thực thi

- Sở KH&ĐT
 - Cho phép các đối tượng của dự án thí điểm và thành phần hoạt động
 - Điều phối việc bố trí ngân sách và quản lý
 - Cấp ngân sách cho phần trợ cấp từ UBND tỉnh và phối hợp với JICA cho các biện pháp HQNL
 - Hòa lợi ích đối với các biện pháp HQNL từ các cơ quan cấp ngân sách
 - Thiết lập về thể chế và hỗ trợ tài chính sau giai đoạn thực hiện dự án.
- Sở Công-Thương
 - Thực hiện dự án thí điểm đã lựa chọn và xây dựng kế hoạch theo dõi đối với ngành công nghiệp
 - Quản lý và theo dõi hoạt động thí điểm về HQNL trong ngành công nghiệp

- Thực hiện cơ chế trợ cấp trong hoạt động thí điểm bởi Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tinh.
- Thúc đẩy kiểm toán năng lượng và hệ thống nhãn xanh tuyến tính đóng góp vào thực hiện quản lý và tiết kiệm năng lượng
- Quản lý thông tin về hiệu quả năng lượng
- Sở Khoa học Công nghệ
 - Hỗ trợ giới thiệu và quản lý công nghệ hiệu quả năng lượng.
- Sở Xây dựng
 - Thực hiện dự án thí điểm đã lựa chọn và xây dựng kế hoạch theo dõi đối với các cơ sở công cộng
 - Quản lý và theo dõi hoạt động thí điểm về HQNL trong các công trình công cộng
 - Lập kế hoạch hành động về các biện pháp HQNL cho khối thuộc nhà nước sau giai đoạn thực hiện dự án
 - Quản lý thông tin về hiệu quả năng lượng trong ngành công cộng.
- Sở TN & MT
 - Đánh giá mức độ giảm phát thải CO2 bởi các giải pháp HQNL
 - Quản lý thông tin và số liệu về cắt giảm CO2.

(7) Lịch thực thi:

Lịch thực thi bao gồm 3 giai đoạn:

Giai đoạn-1 (năm thứ nhất): Thực thi dự án thí điểm

Giai đoạn-2 (năm thứ hai): Giai đoạn theo dõi

Giai đoạn-3 (năm thứ ba): Lập chính sách cho sau giai đoạn thực hiện dự án.

- ✧ Các bài học kinh nghiệm;
- ✧ Lập nội dung HQNL đưa vào dự thảo sách trắng.

Giai đoạn -3 Phản hồi và chuẩn bị cho giai đoạn hậu dự án

- ✧ Đánh giá các biện pháp HQNL trong dự án thí điểm;
- ✧ Xây dựng kế hoạch hành động thường niên bao gồm cả nhân sinh thái cấp tỉnh và hệ thống kiểm toán năng lượng;
- ✧ Xây dựng các cơ chế khuyến khích và cơ chế tài chính, chế tài xử phạt áp dụng cho giai đoạn sau dự án;
- ✧ Khuyến nghị chính sách về các biện pháp HQNL.

(8) Theo dõi hoạt động thí điểm

Tổ công tác dự án thí điểm sẽ đảm nhận nhiệm vụ theo dõi hoạt động thí điểm.

1) Các nội dung theo dõi về tiết kiệm năng lượng:

- Tổ chức, quản lý và vận hành cơ sở và nhà máy mục tiêu;
- Tiêu thụ năng lượng theo sản lượng: giá trị tham chiếu trước dự án và sau dự án thí điểm;
- Tình hình vận hành và bảo dưỡng và sổ theo dõi;

2) Các nội dung theo dõi về cơ chế tài chính

- Mẫu đăng ký của cơ quan tài chính, trợ cấp và ESCO;
- Tình hình và tiến độ của cơ chế tài chính;
- Chi phí đầu tư và đặc tính kỹ thuật thiết bị được lắp đặt.

3) Chỉ số đối với tiết kiệm năng lượng và giảm lượng phát thải CO₂:

- Tiêu thụ năng lượng tính theo sản lượng (kWh điện, kL hoặc tấn nhiên liệu sử dụng);
- Giảm lượng phát thải CO₂ (tấn CO₂/năm).

4) Chỉ số đối với kiểm toán năng lượng:

- Số lượng và tỷ lệ % các đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm trong tỉnh thực hiện kiểm toán năng lượng
- Số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh thực hiện kiểm toán năng lượng.

5) Chỉ số đối với hệ thống nhãn xanh cấp tỉnh:

- Hồ sơ về hệ thống nhãn năng lượng tuyến tỉnh

Các nội dung và chỉ số theo dõi tiết kiệm năng lượng được tóm tắt ở bảng dưới đây :

Bảng-2: các chỉ số theo dõi tiết kiệm năng lượng

Hạng mục	Chỉ số	Đơn vị	Ghi chú
Điều kiện cơ sở	- Hiệu suất hoặc năng lượng sử dụng trên mỗi đ.vị sản lượng của các thiết bị cơ sở	- % (hiệu suất) - kWh/sản lượng - kg(hoặc L)- nhiên liệu/sản lượng	Đối với lắp đặt mới, các th.bị mức trung bình trên thị trường được cho là thiết bị cơ sở
Chi phí đầu tư	- Chi phí đầu tư - Tổng mức trợ cấp - Chi phí-lợi nhuận t	- US\$ hoặc VND	- Phân tích Chi phí-lợi nhuận được thực hiện
Lượng năng lượng tiết kiệm	-Năng lượng sử dụng bởi các th.bị hiệu suất năng lượng cao, năng lượng sử dụng bởi các thiết bị cơ sở - Tổng sản lượng -Năng lượng tiết kiệm %	- kWh năng lượng tiết kiệm được hoặc tấn, hoặc Lit nhiên liệu -Chi phí năng lượng: VND/kWh, VND/kg (hoặc L) nh.liệu, waving: US\$/yr or VND/yr	Tiết kiệm năng lượng được làm rõ ở điều kiện cơ sở
Lượng CO2 giảm	-Lượng CO2 giảm được -% CO2 giảm	tấn CO2/năm	Cần xác nhận hệ số phát thải của điện lưới và nhiên liệu

3) Biện pháp :

- Lập tờ theo dõi phỏng vấn và khảo sát hiện trường có tham khảo hệ thống kiểm toán năng lượng;
- Thực hiện phỏng vấn người quản lý năng lượng của cơ sở mục tiêu và cơ quan cấp tài chính;
- Xác nhận tình trạng thiết bị và công cụ đo lường và ghi chép chỉ số (năng lượng kế, lưu lượng kế, sổ theo dõi vận hành) trong quá trình khảo sát thực địa;
- Tính toán lượng khí thải CO2 giảm được dựa theo hệ số phát khí thải của Việt Nam;
- Ghi lại quy trình áp dụng chương trình tài chính, thủ tục cấp ngân sách, phân bổ ngân sách và luồng tiền mặt cho dự án thí điểm;
- Số lượng các doanh nghiệp thực hiện kiểm toán năng lượng được theo dõi và giám sát. Khuyến nghị về thực hiện kiểm toán năng lượng gửi tới các đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm chưa thực hiện kiểm toán năng lượng với lời cảnh báo phạt
- Tài liệu luật pháp đối với nhãn năng lượng được lập
- Rút ra bài học kinh nghiệm cho giai đoạn sau dự án.

4) Lịch và tần suất theo dõi

- i) Theo dõi lần thứ nhất: vào thời điểm chạy thử thiết bị HQNL tại hiện trường;
- ii) Theo dõi lần thứ hai: 6 tháng sau vận hành;

iii) Theo dõi lần thứ 3: 12 tháng sau vận hành.

(10) Triển khai chương trình tập huấn trong khuôn khổ thực thi hoạt động thí điểm

Triển khai thực hiện hỗ trợ kỹ thuật cho tổ công tác về việc theo dõi dự án thí điểm và đánh giá dự án thí điểm, như được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3- Chương trình Tập huấn

Mục tiêu	Nội dung tập huấn
Sở KH&ĐT	- Lập kế hoạch theo dõi và xây dựng mục tiêu - Cơ chế tài chính và biện pháp thúc đẩy ESCO
Sở Công thương và sở Xây dựng	- Thực hiện theo dõi và biện pháp đánh giá; - Đánh giá tiết kiệm năng lượng; - Quản lý nhân năng lượng và kiểm toán năng lượng - Quản lý thông tin
Sở TNMT	- Đánh giá về lượng khí thải CO2 giảm; - Quản lý thông tin

4.3 Tính sẵn sàng thực hiện hoạt động thí điểm về các biện pháp HQNL

(1) Tỉnh Quảng Ninh và các sở trực thuộc

- Bố trí về thể chế và ra hướng dẫn về vai trò, trách nhiệm của các sở, ban ngành có liên quan để thực thi dự án thí điểm như được đề xuất tại Hình 4.
- Phân bổ ngân sách đối ứng cho hoạt động thí điểm
- Phê duyệt các hoạt động thí điểm để đề xuất cơ chế khuyến khích tài chính liên quan tới vốn vay ưu đãi, trợ cấp và dự án ESCO.
- Chuẩn bị ngân sách để thực hiện dự án thí điểm theo cơ chế trợ cấp trong giai đoạn thực hiện dự án, và chỉ đạo các cơ quan có liên quan như đề xuất tại Hình 1 tham gia vào hoạt động thí điểm theo cơ chế trợ cấp trong giai đoạn thực hiện dự án.

(2) Đơn vị tư nhân

- Sự hài lòng tham gia của chủ dự án thí điểm được xác nhận và kế hoạch thực thi được thiết lập.
- Có cam kết bố trí tài chính cho nội dung đầu tư mà đơn vị đảm nhận.

(3) JICA

- Phê duyệt phạm vi dự án thí điểm.
- Sắp xếp được nguồn tài chính hỗ trợ cho dự án thí điểm theo cam kết của tỉnh Quảng Ninh và giải quyết xong thủ tục hỗ trợ.

5. Sự mong đợi và tính sẵn sàng cho giai đoạn hậu dự án

(1) Tỉnh Quảng Ninh và các sở ngành trực thuộc

- Thực hiện những bố trí về thể chế và vai trò, trách nhiệm đối với kế hoạch tiết kiệm năng lượng và thực hiện dự án thí điểm.

- Thiết lập cơ chế khuyến khích tài chính nhằm thúc đẩy tiết kiệm năng lượng.
 - Thực hiện quy chế liên quan tới các biện pháp HQNL (kiểm toán năng lượng và nhân năng lượng) và thiết lập mục tiêu và chế tài xử phạt.
 - Hệ thống nhân xanh tuyến tính đóng góp vào quản lý và tiết kiệm năng lượng với việc giới thiệu áp dụng các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao.
- (2) Đơn vị tư nhân:
- Cơ chế tài chính cho hoạt động thúc đẩy tiết kiệm năng lượng được phổ biến rộng rãi và chính sách khuyến khích tiết kiệm năng lượng được tăng cường.
 - Thực hiện nghĩa vụ kiểm toán năng lượng và hệ thống nhân xanh tuyến tính.

Hết

PHỤ LỤC-I Dự án thí điểm đề xuất

1) Cải thiện hiệu quả năng lượng tại nhà máy

Cơ sở mục tiêu:	Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long
Địa chỉ :	Xã Lê Lợi, Huyện Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh
Loại:	Clanke, xi-măng
Chủ sở hữu	Tư nhân
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	- Lắp đặt máy biến tần cho mô tơ của động cơ quạt cấp khí lò - Cải thiện hệ thống chiếu sáng với bóng đèn hiệu quả năng lượng
Chi phí:	0,1-0,2 triệu USD (biến tần) 25.000-30.000 USD (h.thống chiếu sáng h.quả năng lượng)
Phương án tài chính:	Hỗ trợ bằng áp dụng vốn vay ưu đãi

Cơ sở mục tiêu:	Công ty Xi măng Lam Thạch 2
Địa chỉ :	KCN Cái Lân, TP.Hạ Long
Loại:	Clanke, xi-măng
Chủ sở hữu	Tư nhân
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	- Lắp đặt máy biến tần cho quạt và máy nén
Chi phí:	0,1-0,2 triệu USD (biến tần)
Phương án tài chính:	Hỗ trợ bằng áp dụng vốn vay ưu đãi

Cơ sở mục tiêu:	Công ty CP Viglacera Hạ Long
Địa chỉ :	Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long
Loại:	Gạch ngói gốm
Chủ sở hữu	Tư nhân
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	- Lắp đặt lò nung hiệu quả cao
Chi phí:	13 triệu USD
Phương án tài chính:	Hỗ trợ bằng áp dụng vốn vay ưu đãi

2) Lắp đặt máy làm lạnh (chiller) hiệu quả năng lượng trong khách sạn

Cơ sở mục tiêu:	Công ty Cổ phần Du lịch KS Sài Gòn Hạ Long
Địa chỉ :	Số 168, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, T.P Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Loại:	Dịch vụ khách sạn
Chủ sở hữu	Tư nhân
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	Áp dụng máy làm lạnh (chiller) hiệu quả năng lượng (công suất lạnh 460 kW, công suất 160kW) cho hệ thống điều hòa nhiệt độ.
Chi phí:	0,2 triệu USD
Phương án tài chính:	- Trợ cấp và ESCO

3) Lắp đặt vật liệu cách nhiệt cho tòa nhà công sở của Tỉnh

Cơ sở mục tiêu:	Tòa nhà thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh
Địa chỉ :	Tòa nhà Liên cơ quan số 2, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hà, T.P Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
Loại:	Tòa nhà văn phòng
Chủ sở hữu	Công cộng
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	Áp dụng vật liệu cách nhiệt tại các cửa sổ của tòa nhà nhằm tăng hiệu quả của hệ thống điều hòa nhiệt độ.
Chi phí:	0,2-0,3 triệu USD
Phương án tài chính:	- Trợ cấp

4) Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đường hiệu quả năng lượng cao tại T.P Hạ Long

Cơ sở mục tiêu:	Chiếu sáng đường tại t.p Hạ Long
Địa chỉ :	T.P Hạ Long
Loại:	Công trình nhà nước
Chủ sở hữu	Công cộng
Biện pháp hiệu quả năng lượng:	Thay thế hệ thống đèn đường bằng các bóng có hiệu quả năng lượng cao
Chi phí:	Tổng cộng, 2,1 triệu USD (theo số lượng các bóng đèn cần thay)
Phương án tài chính:	- Trợ cấp

Bảng: Hoạt động thí điểm và chương trình trợ cấp đề xuất (Dự kiến)

STT	Hoạt động thí điểm	Loại hỗ trợ	Chi phí đầu tư*	Trợ cấp từ Quảng Ninh*	Trợ cấp từ JICA*
1	HQNL tại C.ty Xi măng	Điều phối vốn vay	0,4 mil US\$	-	-
2	HQNL trong khách sạn	Trợ cấp hoặc ESCO	0,2 mil US\$	Sẽ đề xuất	Sẽ đề xuất
3	HQNL trong các tòa nhà thuộc tỉnh	Trợ cấp	0,3 mil US\$	Sẽ đề xuất	Sẽ đề xuất
4	HQNL tại hệ thống chiếu sáng đường	Trợ cấp	Một phần trong 2,1 tr. USD	Sẽ đề xuất	Sẽ đề xuất

* Mức chi phí trên sẽ được xem xét lại sau khi xác nhận phạm vi và số lượng thiết bị.

Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long

(13/7/2016)

1. Giới thiệu

Sự bùng nổ của ngành du lịch là một xu hướng tất yếu diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Du lịch giúp thúc đẩy các hoạt động thương mại, khiến các quốc gia trên thế giới xích lại gần nhau hơn trong giao lưu văn hóa. Theo Tổ chức du lịch thế giới, tổng doanh thu du lịch toàn cầu năm 2015 đạt 1.232 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm trước. Con số này phản ánh tỷ lệ tăng lượng lượt khách du lịch quốc tế 4,4%, đạt 1.184 triệu lượt năm 2015.

Trong nửa thập kỷ qua, ngành du lịch Việt Nam đã thể hiện sự phát triển hết sức mạnh mẽ nhờ tăng trưởng mạnh cả về số lượng khách du lịch và cả về số lượng khách du lịch quốc tế. Tổng doanh thu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt mức tăng trưởng năm là 8%, từ mức 48 nghìn tỷ VND năm 2006 lên mức 182 nghìn tỷ năm 2015. Lượng khách du lịch tăng gấp đôi từ 3,5 triệu lên 7,9 triệu cùng kỳ.

Tỉnh Quảng Ninh cần nắm bắt xu hướng này để triển khai nhanh chóng và kịp thời những giải pháp phát triển kinh tế nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ “Nâu sang Xanh” mà trong đó du lịch đóng vai trò động lực kinh tế chính.

2. Cơ sở của hoạt động thí điểm

Tỉnh Quảng Ninh đã lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1418/QĐ-UBND), trong đó đặt mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng xanh, theo đúng định hướng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cùng giai đoạn. Quy hoạch du lịch tỉnh xác định những mục tiêu sau đây:

- Thu hút khách du lịch khắp thế giới và từ các tỉnh thành khác trên toàn quốc: Cùng với mục tiêu tăng trưởng mạnh về phân khúc khách du lịch nội địa, tỉnh Quảng Ninh cần phấn đấu đạt tiêu chuẩn toàn cầu nhằm thu hút khách du lịch quốc tế, tăng khả năng chi tiêu của đối tượng tiềm năng hấp dẫn này.
- Phát triển ngành du lịch xanh và bền vững gắn với bảo tồn, không gây suy kiệt môi trường: với lượng khách du lịch ngày càng gia tăng, gây áp lực môi trường cho các điểm tham quan du lịch thì phát triển bền vững và thúc đẩy du lịch sinh thái sẽ làm giảm tác động tiêu cực tới môi trường trong khi vẫn mang lại cho khách du lịch những trải nghiệm hài lòng.
- Xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ninh trên nền tảng Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận: Dịch vụ du lịch và du lịch trải nghiệm chân thực về thiên nhiên và văn hóa phục vụ khách du lịch phải ở mức chất lượng cao nhất.
- Tăng cường sự đóng góp của du lịch cho GDP của tỉnh: chuyển đổi từ nền kinh tế phụ thuộc vào các ngành tiêu thụ tài nguyên như công nghiệp khai thác than để mở rộng phát triển ngành du lịch, giúp tỉnh xây dựng được lợi thế tăng trưởng bền vững dài hạn, cải thiện kinh tế của tỉnh.

- Tạo cơ hội việc làm và cải thiện thu nhập cho cộng đồng: Đây là mục tiêu góp phần tích cực cho công cuộc giảm nghèo của tỉnh.

Để đạt được những mục tiêu nêu trên đòi hỏi công tác hoạch định cẩn trọng và sự hợp tác của các bên liên quan, nắm bắt được những cơ hội mang tính toàn cầu và khu vực.

3. Rà soát các cơ chế thể chế và chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh

3.1 Hiện trạng và những vấn đề liên quan tới cơ chế thể chế và chính sách

Chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh nhằm mục tiêu chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế từ “Nâu sang Xanh”. Du lịch sẽ là một trong những ngành kinh tế động lực trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, hiện nay du lịch Quảng Ninh vẫn chủ yếu phụ thuộc vào dịch vụ du lịch đại chúng tham quan vịnh Hạ Long thông qua các dịch vụ tàu du lịch, khách sạn và nhà hàng. Phần lớn cộng đồng dân cư địa phương tham gia rất ít các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Vấn đề đặt ra hết sức cần thiết là xây dựng một cơ chế thể chế nhằm thúc đẩy và khuyến khích đa dạng hóa các loại hình dịch vụ du lịch, đặc biệt là du lịch có trách nhiệm và du lịch sinh thái ở toàn vùng khu vực vịnh Hạ Long thông qua công tác tăng cường quảng bá, truyền thông tới những đối tượng khách du lịch tiềm năng cũng như cải thiện dịch vụ du lịch và nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và cộng đồng địa phương. Việc triển khai đa dạng hóa các sản phẩm du lịch sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn nữa cho cộng đồng địa phương cùng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch và từ đó, gia tăng lợi ích kinh tế - xã hội từ ngành du lịch.

3.2 Kế hoạch cải thiện cơ chế thể chế và chính sách

- Xây dựng một quyết định sẽ do UBND ban hành về thực thi hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững;
- Lập một tổ công tác cấp tỉnh và một tổ công tác cấp địa phương ở thị xã Quảng Yên;
- Xây dựng một kế hoạch hành động thúc đẩy du lịch bền vững và được UBND phê duyệt.

3.3 Khuyến nghị đối với nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh

Dự án đề xuất thực hiện một hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững bao gồm những thành phần sau đây:

(1) Cải thiện thông tin du lịch

- Xây dựng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long;
- Cung cấp các công cụ và các hình thức thông tin du lịch;
- Tập huấn về quản lý và cung cấp thông tin du lịch, v.v...;
- Tổ chức các hoạt động thí điểm;
- Thành lập Cơ quan tiếp thị điểm đến (DMA) như mô tả trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng ninh (Quyết định số 1418/QĐ-UBND).

(2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên

- Xây dựng các tuyến du lịch khám phá;
- Cung cấp các công cụ và các hình thức thông tin du lịch;
- Lắp đặt các biển chỉ dẫn tại điểm và có nội dung dịch ra tiếng nước ngoài;

- Tập huấn thuyết minh viên du lịch địa phương, quản lý và cung cấp thông tin du lịch, v.v...
- (3) Giới thiệu nhãn Cánh buồm xanh trên vịnh Hạ Long
- Kiểm tra và thông qua bộ tiêu chí và các chính sách khuyến khích cấp chứng nhận Cánh buồm xanh;
 - Đăng ký cấp chứng nhận Cánh buồm xanh cho các tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long.

4. Thiết kế sơ bộ và kế hoạch thực thi Hoạt động Thí điểm

4.1 Tổng quan về hoạt động thí điểm

Vịnh Hạ Long nổi tiếng thế giới, hằng năm thu hút 2,5 triệu lượt khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế đến tham quan (2015). Tuy nhiên, thông tin du lịch vịnh Hạ Long lại do nhiều đơn vị khác nhau cung cấp mà không có sự điều phối và hợp tác với nhau. Các công ty tư nhân cung cấp tour du lịch và các công ty tàu du lịch lập ra các trang web riêng, như: www.halongbay-vietnam.com/; <http://www.halongbay.info/>; <https://www.halongbaytours.com.vn/>, v.v... Hai cơ quan là Sở Du lịch và Ban Quản lý vịnh Hạ Long đều có các trung tâm thông tin du lịch riêng biệt. Ngoài ra, các tài liệu và công cụ cung cấp thông tin du lịch còn hạn chế, chưa phản ánh được những nội dung cần thiết và hữu ích phục vụ khách du lịch tham quan khu vực vịnh Hạ Long. Do vậy, khách du lịch bị bỏ lỡ cơ hội tham quan các điểm du lịch khác hoặc cơ hội khám phá các điểm tham quan đô thị hiện có. Trên thực tế, tỉnh Quảng Ninh sở hữu rất nhiều tài nguyên thiên nhiên, lịch sử và văn hóa đa dạng phong phú. Đó là những tài nguyên, di tích lịch sử văn hóa vật thể và phi vật thể, hệ động thực vật phong phú, v.v...

Việc cải thiện thông tin du lịch dự kiến sẽ mang lại hiệu quả khuyến khích khách du lịch đi thăm nhiều điểm du lịch hơn, trải nghiệm nhiều hoạt động hơn, kéo dài thời gian lưu trú và chi tiêu của khách trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bao gồm cả vịnh Hạ Long. Nhờ đó, dự kiến các ngành liên quan đến du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sẽ phát triển mở rộng hơn. Điều đó dẫn đến nhu cầu hoàn toàn cần thiết phải thiết lập một cơ chế chịu trách nhiệm quảng bá và xúc tiến du lịch dưới hình thức là một cơ quan duy nhất quản lý điểm đến, như được mô tả cụ thể tại Quy hoạch Tổng thể Phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ninh (Quyết định số: 1418/QĐ-UBND).

Đồng thời, hoạt động du lịch sinh thái sẽ được triển khai thí điểm nhằm khai thác tối đa những thông tin du lịch sau khi được cải thiện và một đơn vị hoặc nhóm gồm các thuyết minh viên du lịch địa phương tình nguyện được thành lập. Ngoài ra, cần giới thiệu cơ chế độc lập và bền vững nhằm cải thiện chất lượng tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long về nhiệm vụ nâng cao nhận thức môi trường và tiêu chuẩn dịch vụ.

Hoạt động thí điểm này gồm 4 thành phần : 1) Cải thiện thông tin du lịch, 2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở Quảng Yên, 3) Giới thiệu chứng nhận cánh buồm xanh, và 4) Thể chế hóa tương ứng phục vụ mục đích tăng cường thúc đẩy du lịch sinh thái ở khu vực vịnh Hạ Long,

4.2 Kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm

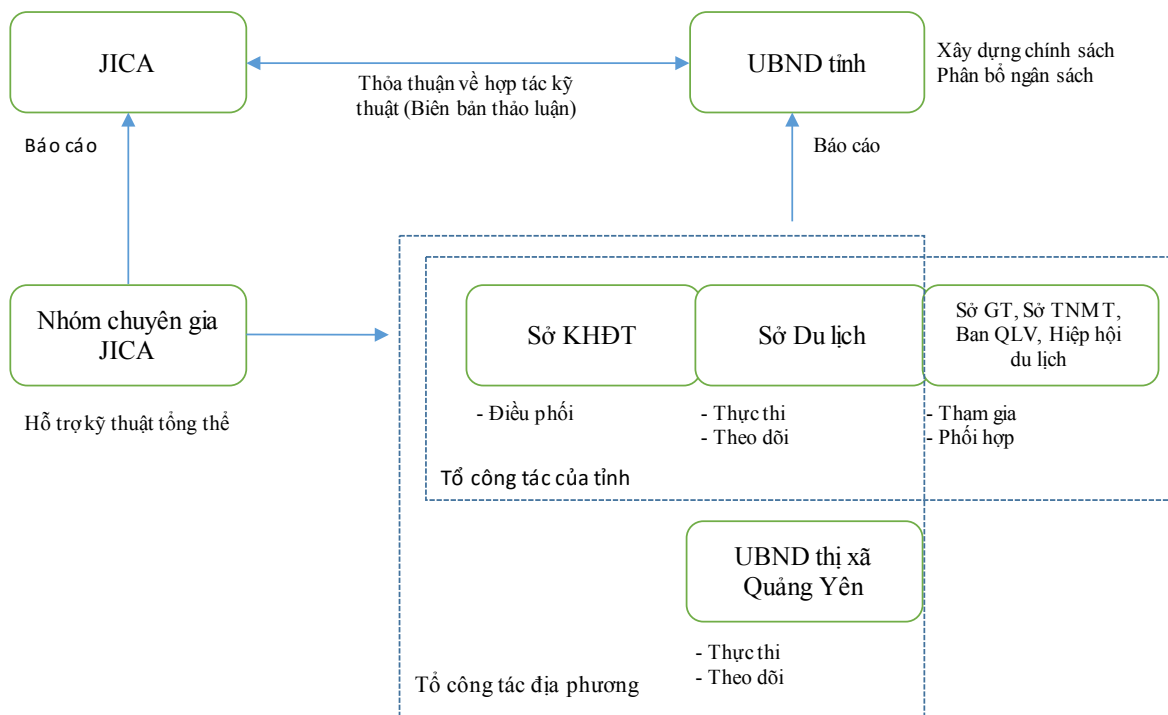
(1) Mục tiêu của hoạt động thí điểm

Những mục tiêu của hoạt động thí điểm bao gồm :

- Thiết lập một cơ chế thể chế có khả năng cần thiết trong hoạt động cung cấp thông tin du lịch hữu dụng đến với các đối tượng khách du lịch tiềm năng và khách du lịch đang thăm khu vực vịnh Hạ Long.
- Tăng cường năng lực thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên.

- Thiết lập một cơ chế thể chế cải thiện nhận thức bảo tồn môi trường và chất lượng dịch vụ của tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long.
- (2) Dự kiến kết quả và lợi ích hoạt động thí điểm
- Mở rộng các hoạt động du lịch, các ngành, hoạt động kinh doanh và dịch vụ liên quan đến du lịch trên toàn khu vực vịnh Hạ Long, đặc biệt là đối với du lịch sinh thái.
 - Cải thiện bảo tồn môi trường bao gồm cả đa dạng sinh học và chất lượng dịch vụ du lịch trên vịnh Hạ Long, qua đó nâng cao giá trị Di sản thế giới vịnh Hạ Long.
- (3) Đóng góp của hoạt động thí điểm để thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh
- Chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế từ “Nâu sang Xanh”.
 - Gia tăng và cải thiện diện tích rừng được khai thác phục vụ du lịch sinh thái.
- (4) Phạm vi hoạt động thí điểm
- 1) Cải thiện thông tin du lịch
 - 2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở Quảng Yên
 - 3) Giấy Chứng nhận cánh buồm xanh.
 - 4) Thẻ chế hóa
- (5) Chi tiết chương trình và các nội dung hoạt động thí điểm
- 1) Cải thiện thông tin du lịch
 - Thành lập tổ công tác
 - Lập kế hoạch hành động và hướng dẫn.
 - Xây dựng thương hiệu vịnh Hạ Long (Bao gồm cả Nụ cười Hạ Long, OCOP, v.v...)
 - Lập danh sách cá nhân /cơ quan cấp nguồn.
 - Cung cấp công cụ và các hình thức thông tin du lịch (trang web, tập gấp, bản đồ, lịch sự kiện, đoạn phim video, v.v...)
 - Tập huấn cho các bên liên quan về quản lý và cung cấp thông tin du lịch, v.v...
 - Tổ chức các hoạt động xúc tiến (sự kiện, FAM (các chuyến du lịch giới thiệu quảng bá phục vụ mục đích xúc tiến quảng bá du lịch), các chuyến báo chí, v.v...)
 - Cập nhật định kỳ căn cứ vào phản hồi của khách du lịch
 - Theo dõi kết quả và tác động của hoạt động thí điểm
 - Thành lập Cơ quan Tiếp thị điểm đến (DMA).
 - 2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở Quảng Yên
 - Thành lập tổ công tác
 - Xây dựng các tuyến du lịch khám phá để thúc đẩy du lịch sinh thái
 - Cung cấp công cụ và các hình thức thông tin du lịch (chủ yếu là tập gấp và bản đồ)
 - Lắp đặt các biển chỉ dẫn tại điểm và có nội dung dịch ra tiếng nước ngoài
 - Tập huấn thuyết minh viên du lịch địa phương, đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cộng đồng, v.v...

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến (sự kiện, FAM (các chuyên du lịch giới thiệu quảng bá phục vụ mục đích xúc tiến quảng bá du lịch), các chuyến báo chí, v.v...)
 - Cập nhật định kỳ căn cứ vào phản hồi của khách du lịch
 - Theo dõi kết quả và tác động của hoạt động thí điểm
- 3) Giới thiệu Giấy chứng nhận cánh buồm xanh
- Kiểm tra tiêu chí và các chính sách khuyến khích cấp chứng nhận Cánh buồm xanh
 - Trình duyệt bộ tiêu chí
 - Phát động về cấp giấy chứng nhận cánh buồm xanh
 - Xem xét hồ sơ đăng ký và cấp chứng nhận
 - Theo dõi kết quả và tác động của hoạt động thí điểm
- 4) Thế chế hóa
- Tổng hợp các hoạt động (1), (2) và (3)
 - Xây dựng một kế hoạch cho giai đoạn sau Dự án.
- (6) Cơ cấu thực thi
- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở du lịch, tỉnh Quảng Ninh
 - Đơn vị /cơ quan thực thi: Sở KHĐT, Sở Du lịch, Ban QLV, Hiệp hội du lịch, thị xã Quảng Yên, v.v..
 - Đơn vị/cơ quan liên quan: Các đơn vị kinh doanh/ngành liên quan đến du lịch, công ty vận tải, bảo tàng và công viên, điểm du lịch văn hóa và lịch sử, hợp tác xã, cộng đồng, cán bộ nghiên cứu và cá nhân liên quan đến du lịch v.v...
 - Các công ty Du lịch Nhật Bản có trụ sở tại Hà Nội bao gồm Sketch Travel (APEX), HIS International Tours, v.v...



Ghi chú: Chi hội tàu du lịch sẽ là một trong các đơn vị đầu mối, bao gồm trong Hiệp hội du lịch

Hình – 1 Cơ cấu thực thi

(7) Lịch

Lịch thực thi từng phần của hoạt động thí điểm được trình bày cụ thể ở bảng dưới đây :

Bảng-1: Lịch thực thi dự án thí điểm

- (10) Chương trình tập huấn trong khuôn khổ thực thi Hoạt động Thí điểm
- Tập huấn xây dựng và duy trì trang web;
 - Tập huấn quản lý và cung cấp thông tin du lịch;
 - Tập huấn tiếp thị du lịch;
 - Tập huấn thuyết minh viên địa phương;
 - Tập huấn phát triển cộng đồng (chương trình nhận thức công chúng);
 - Khác.

4.3 Tính sẵn sàng triển khai thực hiện hoạt động thí điểm cải thiện thông tin du lịch

- (1) Tỉnh Quảng Ninh và các sở ban ngành trực thuộc
- Sở Du lịch mới thành lập cử một cán bộ đầu mối (hoặc một điều phối viên) cho hoạt động thí điểm;
 - Sở Du lịch giao “Trung tâm xúc tiến thông tin du lịch” là đơn vị thực thi chính cho thành phần Cải thiện thông tin du lịch;
 - “Trung tâm xúc tiến và thông tin du lịch” có nhân viên phụ trách thông tin du lịch và vận hành trang web du lịch tỉnh;
 - Sở Giao thông sẵn sàng tiếp tục triển khai Chứng nhận cánh buồm xanh căn cứ vào kết quả thí điểm đã thực hiện trong khuôn khổ dự án hợp tác kỹ thuật với JICA trước đây;
- (2) Sáu địa phương
- Thị xã Quảng Yên lập tổ công tác địa phương thực hiện thành phần Thúc đẩy du lịch sinh thái;
- (3) Các tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc tổ chức khác
- Hiệp hội du lịch Quảng Ninh sẵn sàng tham gia trong tổ công tác thuộc tất cả các thành phần của hoạt động thí điểm.
- (4) Đơn vị tư nhân
- Các đơn vị tư nhân điều hành tour, khách sạn và nhà hàng đều sẵn lòng hợp tác trong hoạt động thí điểm.
 - Mong rằng các công ty du lịch của Nhật Bản có trụ sở ở Việt Nam sẽ hợp tác với hoạt động thí điểm.
- (5) JICA
- Bố trí tài chính cho hoạt động thí điểm được phê duyệt.

5. Sự mong đợi và tính sẵn sàng cho giai đoạn sau dự án

Sở Du lịch đã triển khai chuẩn bị cho nhiệm vụ thành lập Cơ quan tiếp thị điểm đến (DMA) theo đề xuất trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch và nhiệm vụ này là một trong 13 nhiệm vụ ưu tiên trong Quy hoạch. DMA được thành lập trong giai đoạn thực hiện hoạt động thí điểm của Dự án là điều hết sức được hoan nghênh.

Hết

Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh
(ngày 13/7/2016)

1. Giới thiệu

Trên vịnh Hạ Long, những tác động trực tiếp tới chất lượng nước từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội như nước thải tàu thuyền hoặc nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản trên vịnh cần phải được kiểm soát chặt chẽ hơn nữa. Gần đây, tỉnh Quảng Ninh đã tăng cường kiểm soát hoạt động tàu thuyền du lịch đối với hoạt động xả nước thải và chất thải rắn. Mong muốn rằng sẽ áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong quá trình quản lý và kiểm soát các nguồn thải này. Một trong những phương án khả thi là thực hiện tái chế chất thải. Nếu hoạt động tái chế chất thải thực hiện thành công và sản xuất được phân bón/thức ăn chất lượng tốt thì điều đó sẽ đóng góp cho việc đảm bảo an toàn thực phẩm. Để khuyến khích các hoạt động này, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh cần xây dựng một cơ chế khuyến khích khu vực tư nhân áp dụng các kỹ thuật tiên tiến như vậy. Thông qua hoạt động thí điểm này, sẽ áp dụng thử nghiệm kỹ thuật tiên tiến vào kiểm soát tải lượng ô nhiễm trong vịnh và xem xét cơ chế khuyến khích với tên gọi “hệ thống nhãn xanh” cho công nghệ tiên tiến.

2. Cơ sở của hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh

Tàu du lịch là phương tiện quan trọng phục vụ khách du lịch đi tham quan Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Theo Sở Văn hóa – Thể Thao và Du lịch, tính đến tháng 10 năm 2015, có 301 tàu tham quan và 167 tàu lưu trú đăng ký hoạt động trên Vịnh. Gần đây, tỉnh đã ban hành quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh, trong đó có những quy định khắt khe hơn nữa đối với hoạt động xả nước thải và chất thải rắn của các tàu du lịch. Tuy nhiên, tỉnh cần nỗ lực hơn nữa trong công tác kiểm soát nước thải tàu du lịch vì đây là hoạt động du lịch chính ở khu vực Di sản thế giới này.

Theo dự thảo Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2016), nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản là hơn 3.000m³/năm. Ngoài ra, dư lượng thức ăn ở các ao nuôi trồng thủy sản dẫn đến tích tụ lớp bùn đáy từ 10 đến 30 cm ở đáy ao, ảnh hưởng đến chất lượng nước khu vực vịnh Hạ Long.

3. Rà soát cơ chế thể chế và chính sách đối với hoạt động thí điểm

Nhằm phục vụ công tác kiểm soát tác động của các hoạt động kinh tế đối với môi trường vịnh như hoạt động của tàu thuyền du lịch và hoạt động nuôi trồng thủy sản, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành một số quyết định như liệt kê ở bảng dưới đây. Dự án sẽ triển khai hoạt động thí điểm này có cân nhắc tới sự hài hòa với những chính sách hiện đang có hiệu lực đó.

Theo Quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long ban hành kèm theo Quyết định số 4088/2015/QĐ-UBND, các tàu du lịch phải trang bị thiết bị phân ly dầu nước và bể phốt vệ sinh trên tàu, phải có hợp đồng với các đơn vị chức năng đã được cấp phép theo quy định để thu gom và xử lý chất thải trên tàu. Bảng sau đây liệt kê các quy định liên quan khác đối với tàu du lịch :

Bảng-1 Các quy định có liên quan về hoạt động của tàu du lịch

STT	Quyết định	Sơ lược
1	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 1/4/2016	Phê duyệt Kế hoạch nâng cao chất lượng và quản lý đội tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái tử Long đến năm 2020
2	Quyết định số 4088/2015/ QĐ-UBND ngày 21/12/2015	Quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long. Trong số những nội dung về điều kiện an toàn, kỹ thuật đối với tàu tham quan, quy định này đặt ra yêu cầu (i) tàu vỏ gỗ hoạt động đủ 15 năm và tàu vỏ sắt hoạt động đủ 25 năm không

		được vận chuyển khách du lịch trên vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long.
3	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 18/12/2015	Quyết định liên quan đến chấm dứt hoạt động của cảng khách du lịch Bãi Cháy từ ngày 1/1/2016 và đưa cảng tàu khách quốc tế Tuần Châu vào phục vụ khách tham quan vịnh
4	Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 16/11/2015	Quyết định tạm dừng việc đóng mới thay thế tàu vỏ gỗ đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh.
5	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 20/4/2016	Phương án nuôi trồng thủy sản bền vững có cân nhắc tới các loại đối tượng cá nuôi, thức ăn, công nghệ áp dụng, v.v... tại khu vực Vung Viêng bởi thành phố Hạ Long, Sở NN&PTNT cùng các tổ chức liên quan khác.
6	Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	Phương án thực hiện nuôi trồng thủy sản lồng bè bền vững ở huyện Vân Đồn với Sở NN&PTNT là chủ đầu tư.

Theo dự thảo Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2016), tỉnh Quảng Ninh có kế hoạch phát triển thủy sản như sau:

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm;
- Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng thủy sản có chứng nhận; và
- Phát triển các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung áp dụng công nghệ cao, tiết kiệm nước và an toàn sinh học.

4. Thiết kế sơ bộ và kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm

4.1 Tổng quan hoạt động thí điểm

Hoạt động thí điểm này được triển khai nhằm giới thiệu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong kiểm soát tải lượng ô nhiễm ở vịnh và xây dựng cơ chế khuyến khích “hệ thống nhãn xanh” cho công nghệ tiên tiến.

4.2 Kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm

(1) Mục tiêu hoạt động thí điểm

Mục tiêu hoạt động thí điểm gồm :

- Xây dựng hệ thống áp dụng kỹ thuật tiên tiến kiểm soát tải lượng ô nhiễm ở vịnh và xây dựng cơ chế khuyến khích có tên là “hệ thống nhãn xanh” cho công nghệ tiên tiến, và
- Đánh giá tính khả thi của hoạt động tái chế chất thải gây tác động đến vịnh, trên quan điểm không những giúp cải thiện chất lượng môi trường nước mà còn mang lại những giá trị thứ cấp như đóng góp cho hoạt động sản xuất thực phẩm sạch.

(2) Dự kiến kết quả và lợi ích hoạt động Dự án

Lợi ích và kết quả dự kiến từ hoạt động Dự án như sau:

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, như hệ thống nhãn xanh cho công nghệ tiên tiến, để giới thiệu công nghệ tiên tiến trong kiểm soát tải lượng ô nhiễm vào Vịnh.
- Có kinh nghiệm góp phần thúc đẩy sản xuất thực phẩm sạch theo cách nuôi trồng hữu cơ.

(3) Đóng góp của hoạt động thí điểm cho việc thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh (KHHĐTTX)

Theo dự kiến, hoạt động thí điểm này sẽ góp phần thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong KHHĐTTX của tỉnh:

- Giảm tác động của nước thải do tàu du lịch xả trực tiếp xuống vịnh;
- Giảm lượng rác xả thải không phù hợp và thúc đẩy các hoạt động tái chế chất thải.

(4) Phạm vi hoạt động thí điểm

1) Thành lập tổ công tác

Trong giai đoạn 1, sẽ lập một tổ công tác phụ trách hoạt động thí điểm.

2) Lựa chọn các doanh nghiệp hợp tác

Tổ công tác sẽ lựa chọn các doanh nghiệp hoặc cơ sở có dự định tham gia hoạt động thí điểm này. Các doanh nghiệp hoặc cơ sở được chọn sẽ là các đối tượng trình diễn công nghệ tiên tiến kiểm soát tải lượng ô nhiễm thông qua giới thiệu kỹ thuật tiên tiến trong Dự án. Dự kiến, Dự án sẽ giới thiệu các kỹ thuật tiên tiến như nêu trong bảng dưới đây. Trong giai đoạn thực hiện dự án, tổ công tác và JET sẽ cùng nhau chọn và thống nhất công nghệ tiên tiến để giới thiệu. Cách thức lựa chọn các kỹ thuật tiên tiến này sẽ được làm rõ theo tiêu chí giới thiệu công nghệ tiên tiến và kết quả đánh giá sẽ được thể hiện tại đề xuất nhãn xanh cho công nghệ tiên tiến cho giai đoạn sau dự án.

Bảng -2 Các kỹ thuật tiên tiến có thể giới thiệu (Dự kiến)

Kỹ thuật	Lợi ích	Sơ lược
Toilet sinh học (kỹ thuật Nhật Bản)	- Giảm lượng nước thải vào Vịnh	Toilet sinh học đã được ngành đường sắt Việt Nam áp dụng. Các toilet này không cần sử dụng nước. Tỉnh Quảng Ninh đã triển khai lắp đặt toilet sinh học trên ba tàu du lịch và đang trong giai đoạn chuẩn bị sớm đi vào hoạt động.
Nhà máy ủ tiên tiến (kỹ thuật Nhật Bản)	- Giảm lượng chất thải thông qua tái chế - Nâng cao chất lượng nước nhờ sản xuất thức ăn chăn nuôi dễ phân hủy - Góp phần sản xuất thực phẩm sạch nhờ sản xuất phân bón hữu cơ.	Thông qua hệ thống ủ, có thể sản xuất được phân bón và thức ăn lên men nhờ vi khuẩn trong thời gian ngắn. Việc sản xuất phân bón và thức ăn chăn nuôi có tác dụng diệt khuẩn và có thể giúp giảm thiểu việc sử dụng thuốc kháng sinh hóa học. Một doanh nghiệp Nhật Bản hiện đang thí điểm ủ phân bằng hệ thống của họ ở tỉnh An Giang. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, một công ty của Nhật Bản cũng đã tiếp cận hoạt động sản xuất nông nghiệp sạch và ủ phân ở thị xã Quảng Yên.

2) Hỗ trợ thiết kế để áp dụng kỹ thuật tiên tiến nhằm giảm tải lượng ô nhiễm cho Vịnh.

Tổ công tác và JET sẽ hỗ trợ công tác thiết kế giới thiệu kỹ thuật tiên tiến nhằm giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp vào Vịnh. Thông qua hoạt động hỗ trợ này, có thể vận dụng những bài học kinh nghiệm để đánh giá hệ thống nhãn xanh cho công nghệ tiên tiến.

3) Mua sắm và lắp đặt kỹ thuật tiên tiến giảm tải lượng ô nhiễm cho Vịnh.

JET tiến hành mua sắm và lắp đặt thiết bị.

4) Vận hành kỹ thuật tiên tiến giảm tải lượng ô nhiễm cho Vịnh.

Các doanh nghiệp được lựa chọn sẽ vận hành các thiết bị được lắp đặt. Các doanh nghiệp ghi chép điều kiện vận hành thiết bị trong suốt thời gian Dự án. Tổ công tác sẽ phỏng vấn các doanh nghiệp và tóm tắt các bài học kinh nghiệm vận dụng cho giai đoạn sau Dự án.

5) Xem xét thử nghiệm trao nhãn xanh cho công nghệ tiên tiến khi áp dụng kỹ thuật tiên tiến

Dựa vào các công việc từ mục 4.2 (4) 2) đến 4.2 (4) 4), sẽ xây dựng Dự thảo nhãn xanh cho công nghệ tiên tiến nhằm cải thiện năng lực kiểm soát ô nhiễm tại vịnh Hạ Long giai đoạn sau Dự án.

6) Đánh giá các lợi ích thứ cấp góp phần sản xuất thực phẩm sạch

Thông qua hoạt động thí điểm, tổ công tác sẽ đánh giá các lợi ích thứ cấp nhờ sự đóng góp cho hoạt động sản xuất thực phẩm sạch.

7) Theo dõi và đánh giá

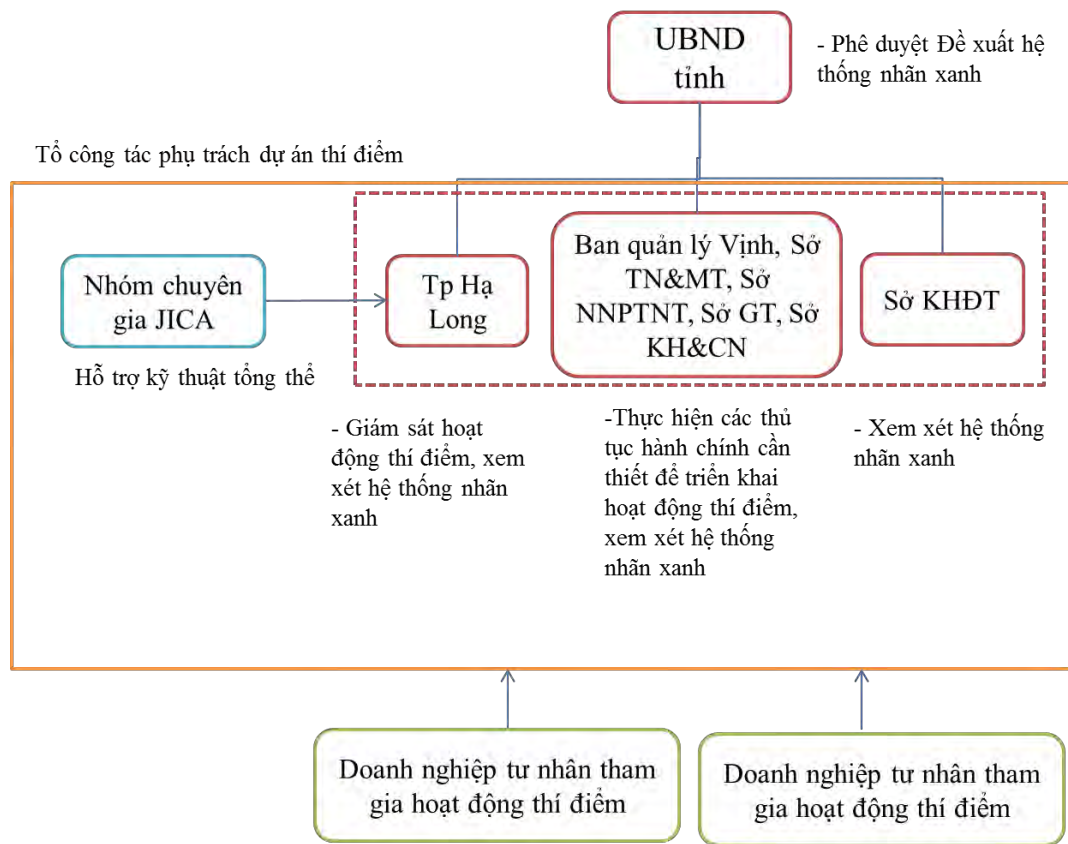
Tổ công tác sẽ ghi lại các hoạt động được thực hiện để theo dõi và đánh giá hiệu quả thực thi. Để đánh giá hiệu quả thực thi, sẽ tiến hành điều tra phỏng vấn các doanh nghiệp tham gia trong hoạt động thí điểm này.

8) Dự thảo bài viết cho Sách trắng, được lập trong Đầu ra 1

Tất cả các hoạt động đã thực hiện sẽ được tóm tắt trong một bài viết để đưa vào nội dung “Sách trắng về tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long” dự kiến sẽ được soạn thảo trong phạm vi Đầu ra 1 của Dự án.

(6) Cơ cấu thực thi

Vai trò và trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện hoạt động thí điểm này được trình bày dưới đây.



Hình-1 Cơ cấu thực thi

- Thành phố Hạ Long
 - Giám sát hoạt động thí điểm này;
 - Hỗ trợ các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng kỹ thuật tiên tiến;
 - Xem xét thử nghiệm nhân xanh cho công nghệ tiên tiến;
 - Thực hiện theo dõi và đánh giá;
- Ban Quản lý Vịnh, Sở giao thông, Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp và PT NT
 - Hỗ trợ các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng kỹ thuật tiên tiến;

Bảng-4 Chương trình đào tạo

Các cơ quan được tập huấn	Nội dung tập huấn
Sở giao thông, Sở NN&PTNT, Ban Quản lý vịnh, tp. Hạ Long	- Hướng dẫn vận hành thiết bị
Sở giao thông, Sở NN&PTNT, Ban Quản lý vịnh, tp. Hạ Long, Sở KHĐT	- Chia sẻ kinh nghiệm vận hành hệ thống nhân xanh cho công nghệ tiên tiến ở Nhật Bản và các quốc gia khác

4.3 Tính sẵn sàng thực hiện hoạt động thí điểm

Để bắt đầu triển khai hoạt động thí điểm, cần chuẩn bị sẵn sàng cho những nội dung sau:

(1) Tỉnh Quảng Ninh và các sở ban ngành

- Thiết lập tổ chức về thể chế và chi đạo cụ thể vai trò, trách nhiệm của những sở ngành liên quan đến thực thi dự án thí điểm như đề xuất tại Hình 1 ở trên;
- Bố trí ngân sách đối ứng cho hoạt động thí điểm;
- Thực hiện các hoạt động thí điểm sử dụng thức ăn ủ từ chất thải thủy sản cho một số trang trại nuôi trồng thủy sản được lựa chọn, đây là kỹ thuật Nhật Bản đã được thử nghiệm ở Việt Nam;
- Thực hiện các hoạt động thí điểm lắp đặt toilet sinh học trên tàu du lịch trong thời gian thực hiện Dự án;
- Điều phối và cam kết hỗ trợ tài chính cho dự án thí điểm;
- Cơ cấu và các chỉ số theo dõi được chia sẻ giữa các cơ quan có liên quan.

(2) Các cơ quan tham gia vào hoạt động thí điểm

- Sẵn sàng tham gia hoạt động thí điểm.

(3) JICA

- Hỗ trợ tài chính cho hoạt động soạn thảo Sách trắng trong Giai đoạn 2;
- Đào tạo kỹ thuật soạn thảo Sách trắng và cách sử dụng cuốn sách này cho hoạt động nâng cao nhận thức.

5. Sự mong đợi và tính sẵn sàng cho giai đoạn sau Dự án

Để các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh liên quan đến hoạt động thí điểm trên được tiếp tục thực hiện, cần xây dựng chính sách khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến.

Hết

Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long

(Ngày 13 tháng 7 năm 2016)

1. Giới thiệu

Để triển khai thực hiện tăng trưởng xanh thông qua hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm và thúc đẩy phát triển ngành du lịch trong tỉnh Quảng Ninh, đòi hỏi phải có sự hợp tác của các bên liên quan dựa trên sự hiểu biết chuẩn xác về quá trình thực hiện và hiệu quả của các biện pháp hành chính áp dụng đối với mục tiêu giảm tình trạng ô nhiễm, phát triển ngành du lịch và hiện trạng môi trường của khu vực – là nguồn tài nguyên du lịch. Dự án đề xuất một trong những biện pháp nhằm đảm bảo sự hiểu biết chuẩn xác của các bên liên quan về những thông tin nêu trên, đó là thông qua việc tỉnh thường xuyên xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh.

2. Cơ sở của Hoạt động thí điểm Nâng cao nhận thức với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về Tăng trưởng Xanh

Ở tỉnh Quảng Ninh, hàng năm Sở TN&MT trình UBND tỉnh báo cáo quan trắc môi trường năm và báo cáo Hiện trạng môi trường 5 năm một lần. Các báo cáo chứa đựng nhiều thông tin hữu ích về các biện pháp thực hiện để đạt mục tiêu giảm tải lượng ô nhiễm và cách thức khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong khu vực phục vụ cho ngành du lịch. Nếu chúng ta có thể lập một báo cáo có tên “Sách trắng về Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long” bao gồm những thông tin về các hoạt động đã lập kế hoạch và hoạt động đã thực hiện liên quan tới tăng trưởng xanh và tình hình các nguồn gây ô nhiễm môi trường đã được nêu trong báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm, thì sách trắng sẽ đóng vai trò là công cụ nâng cao nhận thức, đặc biệt là tăng cường thông tin truyền thông, chia sẻ kiến thức về thực hiện tăng trưởng xanh, thay đổi tư duy nhận thức của các bên có liên quan hướng tới tăng trưởng xanh. Khuyến nghị xuất bản sách trắng không chỉ nhằm đối tượng là các cơ quan hành chính trong tỉnh mà cho cả các doanh nghiệp tư nhân và người dân địa phương, bao gồm cả học sinh trung học. Đồng thời dự kiến sách trắng cũng sẽ góp phần vào việc thiết lập một mạng xã hội tại địa phương hỗ trợ các hoạt động có liên quan thúc đẩy thực hiện tăng trưởng xanh.

3. Rà soát các chính sách và cơ chế thể chế đối với Hoạt động thí điểm này

Cho tới nay, vẫn chưa có quy chế rõ ràng về việc chia sẻ thông tin về hiện trạng môi trường vịnh Hạ Long cũng như tiến độ, kết quả của các hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh với các bên có liên quan trong tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, theo chiến lược tăng trưởng xanh của tỉnh tại Quyết định số 6970/ KH-UBND ngày 16/11/2015, thì tất cả các cơ quan quản lý có liên quan phải lập báo cáo hằng năm về hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh thực hiện bởi cơ quan đó.

Tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan hành chính địa phương mà đại diện là UBND t.p Hạ Long đã nỗ lực rất lớn trong hoạt động nâng cao nhận thức về quản lý môi trường, đặc biệt là tại khu vực Vịnh Hạ Long. Liên quan tới hoạt động nâng cao nhận thức tại khu vực vịnh Hạ Long, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường thành phố Hạ Long đã được thành lập theo Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 7/7/2015, bao gồm các thành viên là Sở TN&MT và các sở, ban ngành có liên quan khác của tỉnh như Tỉnh Đoàn Thanh niên và các cá nhân và tổ chức về quản lý và giáo dục môi trường. Hội dự kiến sẽ thực hiện những hoạt động sau đây:

- Lập dự án về truyền thông nâng cao nhận thức và giáo dục bảo vệ môi trường,
- Đưa ra thiết kế đề xuất về nâng cao nhận thức đối với thanh thiếu niên và người dân cho các hành động vì một Hạ Long Xanh;
- Tiến hành chiến dịch làm sạch bờ biển, bãi tắm, tập trung vào sinh viên và thế hệ trẻ;
- Lập đề xuất về Con thuyền sinh thái cho trẻ em độ tuổi dưới 10 tuổi nhằm cung cấp kiến thức về giá trị Di sản vịnh Hạ Long và bảo vệ môi trường;
- Phối hợp với các tổ chức có liên quan khác để thực hiện chương trình nghiên cứu có tên “Hành trình Di sản” với Đoàn thanh niên của 3 tỉnh của Lào (Huay Xai, Luang Prahang and Xayaburi);
- Tham gia vào các chương trình Sản xuất Nông nghiệp xanh và thúc đẩy thực hiện chương trình “Mỗi xã phường một sản phẩm” (OCOP);
- Triển khai phân loại rác trên tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long, và
- Thực hiện trồng rừng ngập mặn để bảo vệ môi trường.

4. Thiết kế sơ bộ và Kế hoạch thực hiện Hoạt động thí điểm

4.1 Khái quát về Hoạt động thí điểm

Hoạt động thí điểm này có kế hoạch sẽ xuất bản “Sách trắng về Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long”, không chỉ cho các cơ quan hành chính địa phương, mà cho cả các doanh nghiệp tư nhân và người dân địa phương, bao gồm học sinh trung học mỗi năm một lần trong thời gian thực hiện Dự án. Thông qua việc xuất bản sách trắng, hoạt động nâng cao nhận thức để tăng cường thông tin truyền thông, chia sẻ thông tin về các hoạt động tăng trưởng xanh và thay đổi tư duy nhận thức của các bên có liên quan hướng tới thúc đẩy tăng trưởng xanh sẽ được thực hiện.

4.2 Kế hoạch thực hiện Hoạt động thí điểm

(1) Mục tiêu của hoạt động thí điểm

Mục tiêu của Hoạt động thí điểm nhằm:

- Nâng cao hiểu biết của các bên liên quan tại địa phương về hiện trạng môi trường trong khu vực vịnh Hạ Long và sự tác động bởi một số ngành tới môi trường vịnh.
- Nâng cao hiểu biết về tiến độ và hiệu quả của các biện pháp hành chính áp dụng để giảm ô nhiễm, phát triển ngành du lịch, và
- Chia sẻ những thực hành tốt và bài học kinh nghiệm thu được thông qua quá trình thực hiện các hoạt động thí điểm của Dự án.

(2) Dự kiến kết quả và lợi ích của Hoạt động thí điểm

- Xây dựng quy chế và tổ chức cho việc xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh có thể được sử dụng như một công cụ cho việc nâng cao nhận thức về thúc đẩy tăng trưởng xanh một cách liên tục.
- Nâng cao hiểu biết cho các bên có liên quan về hiện trạng môi trường của khu vực bao gồm các giá trị của tài nguyên du lịch, tiến độ, hiệu quả của các biện pháp hành chính áp dụng để giảm ô nhiễm và về phát triển ngành du lịch .
- Đẩy nhanh việc thảo luận và thực hiện các hoạt động phù hợp có liên quan tới tăng trưởng xanh.

(3) Đóng góp của Hoạt động thí điểm vào việc thực hiện Kế hoạch HĐTTX của tỉnh Quảng Ninh.

Hoạt động này không có mối quan hệ trực tiếp với các chỉ số của Kế hoạch HĐTTX của tỉnh. Tuy nhiên, dự kiến rằng hoạt động này sẽ góp phần nâng cao sự hiểu biết về các chỉ số đã nêu ra trong Kế hoạch HĐTTX của tỉnh, và sách trắng đã lập có thể được sử dụng để đánh giá tình hình đạt được các chỉ số đó. Ngoài ra, Kế hoạch HĐTTX của tỉnh có yêu cầu các cơ quan có liên quan lập báo cáo về các hoạt động TTX hằng năm. Sách trắng về tăng trưởng xanh sẽ là công cụ để các cơ quan tham khảo lập báo cáo cho cơ quan mình.

(4) Phạm vi của Hoạt động thí điểm

1) Thiết lập Tổ công tác

Trong Giai đoạn 1, một tổ công tác sẽ được thiết lập cho hoạt động thí điểm này. Tổ công tác sẽ là đơn vị cốt lõi tiến hành hoạt động thí điểm, và là một cửa sổ để thu thập thông tin phù hợp cho việc xuất bản sách trắng từ các bên có liên quan.

2) Lập kế hoạch về xuất bản sách trắng và hoạt động nâng cao nhận thức

Các nội dung chính được bao gồm trong sách trắng như sau:

- (a) Phác thảo Kế hoạch HĐTTX của tỉnh cùng với các hoạt động đang được thực hiện và tình hình đạt được kết quả của các chỉ số,
- (b) Hiện trạng môi trường vịnh Hạ Long với sự đánh giá lượng tính về sự tác động tới khu vực từ các hoạt động kinh tế có liên quan.
- (c) Các biện pháp tăng trưởng xanh có thể thực hiện được về các biện pháp môi trường bền vững góp phần vào tăng giá trị của khu vực vịnh Hạ Long bằng những kinh nghiệm và bài học thu được thông qua các hoạt động thí điểm của Dự án, và
- (d) Các hoạt động thúc đẩy du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long với những kinh nghiệm và bài học thu được thông qua các hoạt động thí điểm của Dự án.
- (e) Trong thời gian thực hiện Dự án, theo kế hoạch, sách trắng về tăng trưởng xanh sẽ được lập và xuất bản hằng năm. Một ví dụ về bảng nội dung của sách trắng được đính kèm tại Phụ lục của tài liệu này. Dự kiến sách trắng sẽ bao gồm các nội dung có hình ảnh để dễ hiểu và dễ tiếp thu bởi các đối tượng độc giả khác nhau, với độ dày khoảng 30- 40 trang. Trong từng năm, các chủ đề chính được đề cập trong sách trắng sẽ được tổ công tác quyết định. Dự kiến những nội dung sau đây sẽ được bao gồm.

Bảng -1 Các chủ đề chính của Sách trắng (dự kiến)

Năm	Chủ đề	Nội dung chính	Ghi chú
Năm thứ nhất	-Năm bắt hiện trạng của khu vực vịnh Hạ Long và các hành động đòi hỏi cho tăng trưởng xanh	- Hiện trạng môi trường khu vực vịnh Hạ Long với những đánh giá lượng tính về sự tác động tới khu vực từ các hoạt động kinh tế có liên quan - Phác thảo Chiến lược TTX và Chiến lược Thúc đẩy Du lịch tỉnh Quảng Ninh - Giới thiệu về hoạt động thí điểm của Dự án	-Trang bìa sẽ được thiết kế bằng các kết quả hoạt động của công chúng, kết hợp với các sự kiện về môi trường, ví dụ như Ngày Môi trường thế giới
Năm thứ hai	Về phát triển bền vững của khu vực vịnh Hạ Long	- Hiện trạng môi trường của khu vực vịnh Hạ Long (thông tin không chỉ thu thập từ Sở TN&MT/TQTTNMT, mà còn từ các bên có liên quan khác) -Các biện pháp TTX có thể thực hiện được về các biện pháp môi trường bền vững góp phần	-Nội dung chi tiết sẽ được quyết định có xem xét tới kinh nghiệm từ năm thứ nhất

		vào nâng cao giá trị khu vực vịnh Hạ Long. -Tiến độ thực hiện hoạt động thí điểm của Dự án. - Các hoạt động thúc đẩy du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long.	
Năm thứ ba	Triển vọng về việc xây dựng xã hội tăng trưởng xanh với các quy chế và cơ chế về các hành động tăng trưởng xanh.	- Hiện trạng môi trường khu vực vịnh Hạ Long (thông tin không chỉ thu thập từ Sở TN&MT/TTQTNNMT mà còn từ các bên có liên quan khác) - Triển vọng về việc xây dựng xã hội tăng trưởng xanh với các quy chế và cơ chế về các hành động tăng trưởng xanh. -Hành động về áp dụng thử nghiệm các quy chế, tổ chức và cơ chế mới về tăng trưởng xanh, ví dụ như hệ thống nhãn xanh trong Dự án.	-Nội dung chi tiết sẽ được quyết định có xem xét tới kinh nghiệm từ năm thứ nhất và năm thứ hai. -Đề xuất xuất bản sách trắng về TTX giai đoạn sau dự án. -Tổ công tác cộng tác với Ban HT&XTĐầu tư để xúc tiến đầu tư bằng các quy chế, tổ chức và cơ chế đã xây dựng về các hành động TTX

3) Cung cấp kinh nghiệm của Nhật Bản về lập sách trắng

Những bài học và kinh nghiệm của các cơ quan hành chính địa phương và tỉnh Shiga về việc xuất bản sách trắng về môi trường cùng với các hoạt động giáo dục phù hợp sẽ được cung cấp thông qua quá trình cộng tác với các thành viên của Tổ công tác.

4) Thu thập thông tin từ các cơ quan có liên quan

Dựa vào kế hoạch chuẩn bị sách trắng, tổ công tác sẽ lập kế hoạch thu thập thông tin từ các cơ quan có liên quan, và chuẩn bị các bài viết cho sách trắng.

5) Biên soạn thông tin đã thu thập cùng với hình ảnh trực quan

Tổ công tác sẽ biên soạn các thông tin đã thu thập được và lập bản dự thảo sách trắng. Sách trắng sẽ có các hình ảnh trực quan bao gồm ảnh và các số liệu làm cho các bên liên quan dễ hiểu nội dung của cuốn sách.

Sau khi lập bản dự thảo sách trắng, tổ công tác sẽ trình nộp bản dự thảo lên UBND tỉnh để xin ý kiến nhận xét. Dựa vào các ý kiến nhận xét này, bản dự thảo sách trắng sẽ được hoàn thiện.

6) Xuất bản sách trắng cho các đối tượng doanh nghiệp và người dân địa phương

Tổ công tác sẽ trình UBND tỉnh bản dự thảo sách trắng để xin ý kiến nhận xét và hoàn thiện. Sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt, sách trắng sẽ được xuất bản và cung cấp cho các cơ quan hành chính, doanh nghiệp, người dân địa phương và sinh viên, học sinh trung học được lựa chọn. Sách trắng cũng được phổ biến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

7) Thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức

Thông qua xuất bản sách trắng, tổ công tác sẽ tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức, tăng cường thông tin truyền thông, chia sẻ thông tin về tăng trưởng xanh và thay đổi tư duy nhận thức của các bên có liên quan hướng tới thúc đẩy tăng trưởng xanh. Từng cơ quan sẽ tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức cho các bên có liên quan được lựa chọn, như được thể hiện tại Bảng 2 sau đây:

Bảng-2 Đối tượng của Hoạt động nâng cao nhận thức (Dự kiến)

Loại hình đối tượng	Cơ quan chịu trách nhiệm	Đối tượng	Kế hoạch các hành động		
			Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
Cơ quan hành chính địa phương	Sở KH&ĐT	Các T.P, Thị xã và huyện trong khu vực vịnh Hạ Long	Hội thảo	Phân phát	Hội thảo
Doanh nghiệp địa phương xã chất thải hữu cơ và yêu cầu thực hiện tiết kiệm năng lượng.	Sở TN&MT, Sở Công – Thương	Doanh nghiệp của các ngành trọng điểm lựa chọn	Hội thảo	Phân phát	Hội thảo
Hiệp hội Du lịch và các doanh nghiệp ngành du lịch	Sở Du lịch	Hiệp hội Du lịch và ngành tư nhân liên quan tới du lịch	Hội thảo	Phân phát	Hội thảo
Người dân địa phương	Các cơ quan chính quyền địa phương, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long	Một số xã phường do Tổ công tác lựa chọn	Các cuộc họp ngắn	Phân phát và thông tin phản hồi	Phân phát và thông tin phản hồi
Học sinh PT trung học	Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long	Một số trường do Tổ công tác lựa chọn	Các cuộc họp ngắn	Phân phát và thông tin phản hồi	Phân phát và thông tin phản hồi

Ghi chú: -“Hội thảo” có nghĩa là tổ chức một cuộc hội thảo để giới thiệu về nội dung của sách trắng và thảo luận về các hành động cần thiết của chính nhóm đối tượng đó.

-“Cuộc họp ngắn” có nghĩa là tổ chức các cuộc họp thảo luận nhỏ về sách trắng

- “Phân phát và thông tin phản hồi” có nghĩa là phân phát sách trắng cùng với các bảng hỏi đã chuẩn bị để thu thập ý kiến tham gia của các bên có liên quan.

8) Theo dõi và Đánh giá

Tổ công tác sẽ thực hiện ghi chép hoạt động nâng cao nhận thức đã thực hiện cùng với theo dõi và đánh giá hiệu quả để quảng bá và tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi tư duy nhận thức của các bên có liên quan. Để đánh giá hiệu quả, sẽ thực hiện cuộc khảo sát thông qua phỏng vấn đối với các doanh nghiệp, người dân địa phương cùng với học sinh, sinh viên và các cán bộ nhà nước.

9) Lập đề xuất về nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng

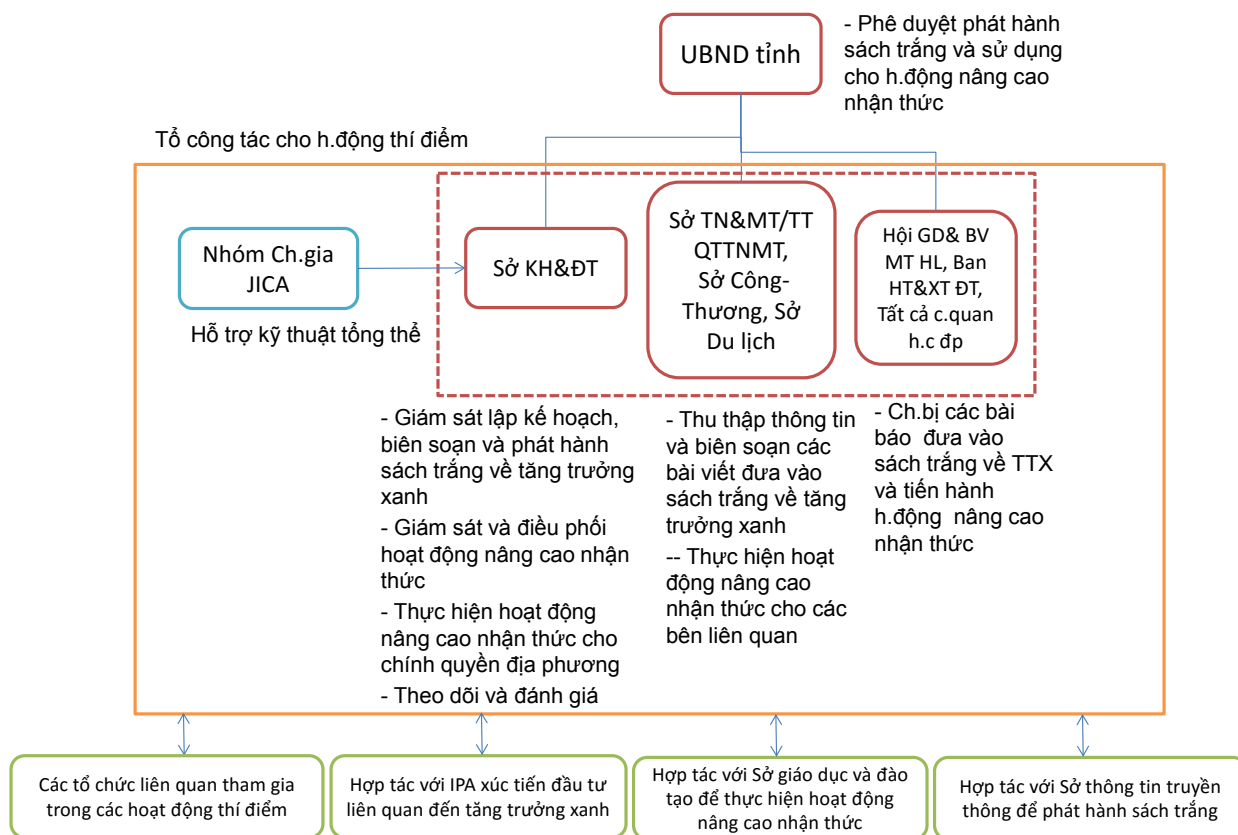
Vào năm thứ Hai của Dự án, tổ công tác sẽ lập đề xuất về nâng cao nhận thức, đặc biệt là để quảng bá, truyền thông và chia sẻ thông tin nhằm chuyển đổi tư tưởng nhận thức của các bên có liên quan để thực hiện tăng trưởng xanh sau giai đoạn thực hiện dự án. Liên quan đến sách trắng về tăng trưởng xanh, nội dung của sách, tần số xuất bản và đối tượng các bên có liên quan sẽ được xem xét.

10) Lập văn bản hành chính về đề xuất đối với hoạt động nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng

Sau khi hoàn thành đề xuất về hoạt động nâng cao nhận thức và xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh sau giai đoạn thực hiện dự án, bản đề xuất sẽ được lập thành Đề xuất hành chính. Đề xuất hành chính này sẽ được đưa vào Kế hoạch Hành động Ưu tiên để thực hiện Tăng trưởng xanh thuộc Đầu ra 1 của Dự án.

(5) Cơ cấu thực thi

Vai trò, trách nhiệm thực hiện hoạt động thí điểm về nâng cao nhận thức và xuất bản sách trắng được thể hiện trong hình dưới đây:



Hình-1 Cơ cấu Thực thi

- **Sở Kế hoạch & Đầu tư**
 - Giám sát việc lập kế hoạch sách trắng về TTX.
 - Biên soạn bản dự thảo sách trắng về TTX.
 - Trình UBND tỉnh bản dự thảo sách trắng về TTX, thu thập các ý kiến nhận xét và hoàn thiện bản sách trắng về TTX.
 - Xuất bản sách trắng về TTX
 - Giám sát và điều phối hoạt động nâng cao nhận thức
 - Tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức cho các cơ quan chính quyền địa phương
 - Thực hiện theo dõi và đánh giá bằng khảo sát thông qua phỏng vấn
 - Lập đề xuất về hoạt động nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng
 - Lập đề xuất cho sau giai đoạn thực hiện dự án thành văn bản Đề xuất hành chính.
- **Sở TN&MT/TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường**
 - Thu thập thông tin về hiện trạng môi trường và năng lực quản lý môi trường của doanh nghiệp thông qua hoạt động kiểm tra và thanh tra môi trường.
 - Tóm tắt tiến độ và kết quả các hoạt động thí điểm phù hợp của Dự án
 - Viết các bài cho bản dự thảo sách trắng

- Tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp liên quan tới các ngành trọng điểm được lựa chọn
- Theo dõi và đánh giá các hoạt động được tiến hành bởi chính Sở TN&MT/ TTQTTN&MT
- Lập đề xuất về hoạt động nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng
- Sở Công-Thương
 - Thu thập thông tin về hoạt động quản lý môi trường của các doanh nghiệp
 - Tóm tắt tiến độ và kết quả các hoạt động thí điểm phù hợp của Dự án
 - Viết các bài báo cho bản dự thảo sách trắng
 - Hỗ trợ các hoạt động nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp liên quan tới các ngành trọng điểm được lựa chọn
 - Theo dõi và đánh giá các hoạt động được tiến hành bởi chính Công-Thương
 - Lập đề xuất về hoạt động nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng
- Sở Du lịch
 - Tóm tắt tiến độ và kết quả các hoạt động thí điểm trong ngành du lịch của Dự án
 - Viết các bài cho bản dự thảo sách trắng
 - Tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức cho hiệp hội du lịch và các doanh nghiệp tư nhân trong ngành du lịch
 - Theo dõi và đánh giá các hoạt động được tiến hành bởi chính Sở Du lịch
 - Lập đề xuất về hoạt động nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng
- Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long
 - Tóm tắt tiến độ và kết quả các hoạt động của Hội trong khu vực vịnh Hạ Long
 - Viết các bài cho bản dự thảo sách trắng
 - Tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân địa phương học sinh trung học
 - Theo dõi và đánh giá các hoạt động được tiến hành bởi chính Hội GD&BVMT Hạ Long
 - Lập đề xuất về hoạt động nâng cao nhận thức và phương pháp xuất bản sách trắng
- Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư
 - Tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức để xúc tiến đầu tư vào tăng trưởng xanh bởi ngành tư nhân.
- Cơ quan hành chính địa phương
 - Tóm tắt tiến độ và kết quả các hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh trong khu vực Dự án
 - Viết các bài cho bản dự thảo sách trắng
 - Tham gia vào hoạt động nâng cao nhận thức tại các khu vực địa phương có liên quan.
- Sở Giáo dục
 - Cộng tác với Tổ công tác cho các hoạt động nâng cao nhận thức
- Sở Thông tin và Truyền thông
 - Phổ biến sách trắng thông qua cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh.

(8) Chương trình đào tạo sẽ thực hiện

Hỗ trợ kỹ thuật cho Tổ công tác sẽ được tiến hành như được trình bày trong bảng dưới đây. Như là một phần của hoạt động đào tạo, những bài học và kinh nghiệm từ chính quyền địa phương của Nhật Bản và tỉnh Shiga về việc xuất bản sách trắng môi trường cùng với những hoạt động đào tạo phù hợp sẽ được cung cấp.

Bảng-4 Chương trình đào tạo

Đối tượng	Nội dung đào tạo
Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Sở Công-Thương, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long.	- Viết các bài báo cho Sách trắng về TTX - Xuất bản sách trắng về TTX
Sở TN&MT, Sở Công-Thương, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long, Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư và các cơ quan hành chính địa phương.	- Các biện pháp thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức để thúc đẩy thông tin, truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi tư duy nhận thức của các bên có liên quan.



Báo cáo Môi trường của tỉnh Shiga (2014) bao gồm những thông tin sau đây:

- Thúc đẩy các hoạt động kinh tế hài hòa với bảo vệ môi trường
- Xây dựng xã hội tại địa phương có quan điểm về bảo vệ môi trường trong các hoạt động kinh tế-xã hội hằng ngày
- Thừa kế môi trường được quản lý tốt của hồ Biwa cho thế hệ sau
- Chuyển đổi sang một xã hội các-bon thấp và hiệu quả năng lượng

Hình-2 Sách trắng về Môi trường lập bởi tỉnh Shiga

4.3 Sự sẵn sàng để thực thi hoạt động thí điểm

Để bắt đầu hoạt động thí điểm, cần phải có sự sẵn sàng như được trình bày sau đây:

(1) Tỉnh Quảng Ninh và các Sở trực thuộc

- Thiết lập về thể chế và hướng dẫn về vai trò, trách nhiệm cho các sở, ngành có liên quan để thực hiện dự án thí điểm như được đề xuất tại Hình-3
- Phân bổ ngân sách đối ứng cho hoạt động thí điểm
- Phê duyệt việc xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long cho các đối tượng như được trình bày tại Bảng 2
- Cam kết việc lập thành văn bản và phê duyệt quy chế và tổ chức để xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long sau giai đoạn thực hiện dự án.

(2) Các cơ quan có liên quan tham gia vào Hoạt động thí điểm

- Hải lòng tham gia vào hoạt động thí điểm

(3) JICA

- Hỗ trợ tài chính để lập sách trắng về tăng trưởng xanh trong giai đoạn thực hiện Dự án
- Tập huấn kỹ thuật về lập sách trắng và cách thức sử dụng sách trắng nâng cao nhận thức.

5. Sự mong đợi và sẵn sàng cho sau giai đoạn thực hiện dự án

Để tiếp tục thực hiện thúc đẩy tăng trưởng xanh liên quan tới hoạt động thí điểm này, quy chế và tổ chức cho việc xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh một cách liên tục sẽ được lập và được phê duyệt bởi Dự án.

Hết

Phụ lục-1 Bảng Nội dung của Sách trắng về Tăng trưởng xanh (dự kiến cho năm thứ nhất, khoảng 30 – 40 trang)

Sách trắng về Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long (Năm thứ nhất của Dự án – Hướng tới Xây dựng một xã hội Phát triển bền vững)

Lời nói đầu

Chương 1: Khái quát về Sách trắng

1. Tiểu sử và mục tiêu xuất bản cuốn sách trắng này
2. Nội dung của sách trắng này
3. Độc giả dự kiến của sách trắng này

Chương 2: Nội dung chính của Thúc đẩy tăng trưởng xanh và các hành động dự kiến tại khu vực vịnh Hạ Long

1. Mục tiêu, giải pháp, và các chỉ số của kế hoạch hành động TTX của tỉnh
2. Các chính sách thúc đẩy du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long
3. Các từ khóa (chủ đề) đối với thúc đẩy tăng trưởng xanh (ví dụ như Nụ cười Hạ Long...)
4. Hành động dự kiến để phát triển bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long bởi các doanh nghiệp tư nhân, người dân địa phương và các cơ quan chính quyền địa phương.

Chương 3: Các vấn đề về môi trường hiện tại và Hành động dự kiến trong khu vực vịnh Hạ Long

1. Hiện trạng môi trường vịnh Hạ Long
2. Hiện trạng các nguồn ô nhiễm ảnh hưởng tới khu vực vịnh Hạ Long
3. Hành động dự kiến để cải thiện điều kiện môi trường bởi các doanh nghiệp tư nhân, người dân địa phương và các cơ quan chính quyền địa phương.

Chương 4: Hành động đang tiếp tục được thực hiện để thúc đẩy TTX tại khu vực vịnh Hạ Long

1. Giới thiệu về hoạt động thí điểm dự kiến sẽ thực hiện trong Dự án
2. Giới thiệu về các hoạt động phù hợp để thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long.

Chương 5: Kế hoạch hành động trong năm thứ 2 của Dự án

Phụ lục II-2

Vai trò của các Cơ quan có liên quan là thành viên của Ban Chỉ đạo Dự án, tháng 2 năm 2016

Cơ quan	sự miêu tả
UBND tỉnh Quảng Ninh	<p>Nhiệm vụ chung</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động chung cấp tỉnh; - Quản lý các hoạt động chung trong hệ thống hành chính; - Cung cấp những thông tin chính thức cho công chúng theo quy định của luật pháp; - Đảm bảo tạo mọi điều kiện và phương tiện làm việc cho tất cả các sở ngành.
	<p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p>
	<p><u>Văn phòng UBND tỉnh</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo, quản lý điều hành chung và toàn diện mọi hoạt động của cơ quan Văn phòng UBND tỉnh - Chỉ đạo và theo dõi các công việc liên quan đến các ngành và lĩnh vực - Xây dựng, quản lý, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện chương trình công tác của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh - Giữ mối quan hệ, hợp tác và phối hợp công tác chung với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh và các cơ quan. - Tham mưu, đề xuất và theo dõi công tác thi đua khen thưởng theo lĩnh vực chuyên môn, ngành, địa phương - Phụ trách tham mưu phê duyệt các dự án đầu tư chuyên ngành - Theo dõi nắm bắt tình hình địa phương
	<p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng ban chỉ đạo tỉnh - Trưởng ban chỉ đạo dự án
Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>Nhiệm vụ chung</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh về những vấn đề chung; - Lập kế hoạch và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; - Tham mưu cho UBND tỉnh các chính sách và biện pháp quản lý; - Phối hợp với tất cả các sở ban ngành của tỉnh trong công tác kế hoạch và đầu tư.
	<p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p>
	<p><u>Phòng Kinh tế đối ngoại</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì theo dõi, tổng hợp báo cáo và trực tiếp xử lý các nội dung về đầu tư nước ngoài (FDI), vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO). - Làm đầu mối trong hoạt động xúc tiến đầu tư, kêu gọi các dự án sử dụng vốn vay, viện trợ nước ngoài và FDI; Chủ trì và phối hợp tổ chức có hiệu quả các cuộc hội thảo xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước. - Tổng hợp, theo dõi hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh. - Chủ trì việc thực hiện triển khai Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững của tỉnh. - Làm đầu mối phối hợp với các phòng chuyên ngành theo dõi và tổng hợp đánh giá tình hình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh với các tỉnh, thành phố khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh. <p><u>Phòng Kinh tế Ngành</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì theo dõi, tổng hợp báo cáo và trực tiếp xử lý các nội dung về phát triển kinh tế nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi - Chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn - Chủ trì theo dõi, tổng hợp báo cáo và trực tiếp xử lý các nội dung về các ngành, lĩnh vực: Công nghiệp và dịch vụ - Tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển, cơ chế quản lý các khu kinh tế cửa khẩu, v.v... - Theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp tập trung v.v... <p><u>Phòng Văn hóa-Xã hội và Du lịch</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì theo dõi tổng hợp báo cáo về các dự án và việc thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách liên quan tới xã hội, văn hóa và du lịch - Tổng hợp, đề xuất phương án và giải pháp phân bổ vốn của chương trình mục tiêu quốc gia, các ngành, lĩnh vực được phân công.
	<p><u>Phòng Tổng hợp và Quản lý quy hoạch</u></p>

Cơ quan	sự miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu tổng hợp cho lãnh đạo Sở về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội - Chuẩn bị các văn bản, tài liệu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm - Chủ trì, phối hợp với các phòng xây dựng kế hoạch và bố trí mức vốn đầu tư phát triển cho từng chương trình, dự án - Chủ trì, phối hợp với các phòng có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển <p>Văn phòng Sở</p> <ul style="list-style-type: none"> -- Tham mưu đề xuất với Giám đốc sở về công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ - Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và các đơn vị - Lập chương trình công tác định kỳ của Sở; - Quản lý nguồn nhân lực (lương, tuyển dụng, xử phạt, bảo hiểm v.v...) <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phó trưởng ban chỉ đạo tỉnh - Phó trưởng ban chỉ đạo dự án - Ban Quản lý dự án
Sở Tài chính	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính; - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí, các quỹ tài chính nhà nước, các hoạt động tài chính, giá và bình ổn giá, các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p><u>Phòng Tài chính đầu tư</u></p> <p>Tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài chính trong lĩnh vực đầu tư phát triển trên địa bàn Tỉnh.</p> <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung hạng mục thu ngân sách “Phí bảo vệ môi trường” và tăng phí bảo vệ môi trường nhằm kiểm soát hoạt động khai khoáng và tăng cường nguồn lực cấp phát cho hoạt động bảo vệ môi trường.
Sở Tài nguyên môi trường	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tất cả các tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ; - Quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo; - Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p><u>Chi cục Bảo vệ môi trường</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu cho Giám đốc Sở TN&MT ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về bảo vệ môi trường tại tỉnh. <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong chương trình thử nghiệm xăng sinh học B5-B10-B20 trên tàu du lịch của Công ty du lịch Bãi Thờ, các kỹ sư của công ty Yanmar và cán bộ Sở TNMT đã cùng đo lường khí phát thải trước và sau khi sử dụng xăng sinh học để tiến hành đánh giá.
Sở Công Thương	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công thương, bao gồm: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; hoá chất; - Kiểm soát các ngành công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; - Quản lý lưu thông hàng hoá trên địa bàn; xuất khẩu; nhập khẩu; quản lý thị trường; quản lý cạnh tranh; xúc tiến thương mại; kiểm soát độc quyền; chống bán phá giá; chống trợ

Cơ quan	sự miêu tả
	<p>cấp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; thương mại điện tử; hội nhập kinh tế, v.v..</p> <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p><u>Phòng Kế hoạch Tài chính</u></p> <p>Tham mưu giúp Lãnh đạo Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư tài chính ngành, chương trình, đề án. + Cơ chế, chính sách phát triển ngành công thương + Tổ chức và quản lý các giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh; + Quản lý nhà nước về thương mại điện tử; + Tổng hợp, đánh giá, phân tích tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch hàng tháng, quý, năm, 5 năm và dài hạn của Ngành <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các trung tâm ở Hải Phòng và Hà Nội tổ chức tập huấn tiết kiệm năng lượng cho các cán bộ quản lý các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; - Lập danh mục và cập nhật hàng năm các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm bao gồm cả xí nghiệp than, v.v.. - Sở Công thương phối hợp với Sở TNMT tiến hành các cuộc kiểm tra môi trường các xí nghiệp than.
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; - Quản lý phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; - Kiểm soát các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p><u>Phòng Kế hoạch Tài chính</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu giúp lãnh đạo Sở xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn- trung hạn-dài hạn - Chức năng về công tác đầu tư - Chức năng về công tác tài chính - Chức năng về công tác tổng hợp và thống kê - Chức năng về hoạt động hợp tác quốc tế <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn đáp ứng tiêu chuẩn của VIETGAP
Sở Xây dựng	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; - Quản lý hạ tầng giao thông đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng, công viên cây xanh, nghĩa trang, chất thải rắn trong đô thị và khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản; vật liệu xây dựng; - Kiểm soát các các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p>

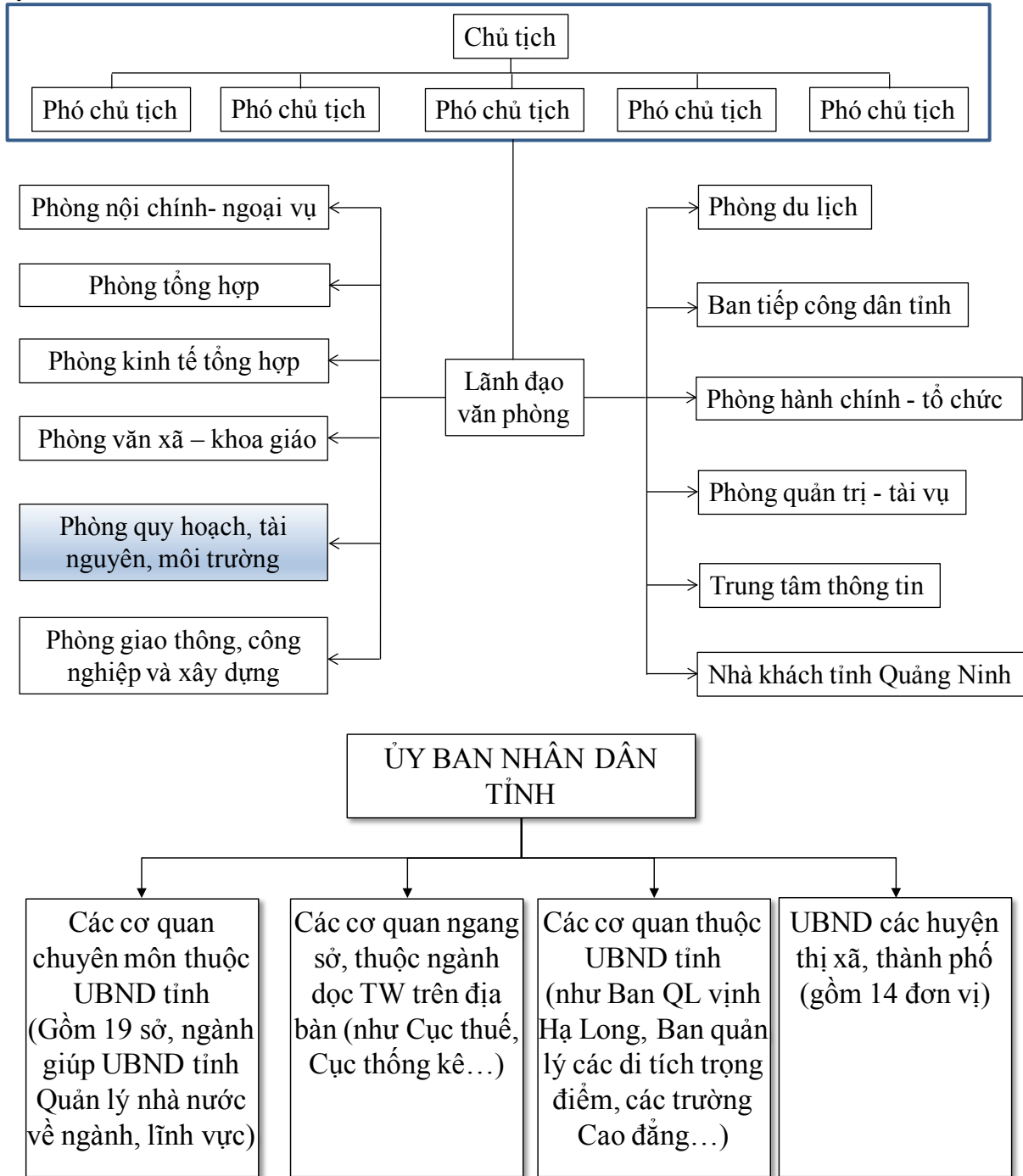
Cơ quan	sự miêu tả
	<p>Phòng Hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị Tham mưu giúp Giám đốc Sở trong công tác quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp bao gồm: cấp nước, thoát nước, quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ); - Phát triển đô thị: tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đầu tư phát triển đô thị: đánh giá, phân loại đô thị, chọn chủ đầu tư các dự án phát triển đô thị; - Xây dựng nông thôn mới và hạ tầng kỹ thuật nông thôn; - Quản lý các dự án do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư; - Biến đổi khí hậu nước biển dâng; - Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngành; - Quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành. <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhà nước về động cơ tàu du lịch và phát khí thải - Quản lý các hoạt động ngành khai thác than, hoạt động khai thác đá
Sở Khoa học và Công nghệ	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, gồm các hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; v.v. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p>Phòng Quản lý khoa học Tham mưu cho Lãnh đạo sở trong công tác quản lý nhà nước liên quan tới các lĩnh vực</p> <ul style="list-style-type: none"> + nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ + Nguồn nhân lực trong các ngành khoa học công nghệ + Tổ chức các sự kiện khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở KH-CN đã chủ trì rất nhiều cuộc nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như nghiên cứu ô nhiễm vịnh Hạ Long; - Sở KH-CN đã thử nghiệm xăng sinh học B5-B10-B20 trên tàu du lịch của Công ty du lịch Bài Thơ và sau đó áp dụng mở rộng ở các con tàu khác của công ty;
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về: văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo và các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Sở. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p>Phòng Phát triển tài nguyên du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì tham mưu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và phát huy giá trị các tài nguyên du lịch. - Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu, đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên du lịch bền vững. - Tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch của tỉnh theo Luật Du lịch 2005. - Phối hợp với các phòng chức năng và cơ quan thông tin thực hiện việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các tài nguyên du lịch và thu hút đầu tư. - Tổ chức tham mưu và xây dựng quy hoạch du lịch theo từng thời kỳ. - Chủ trì tham mưu đề xuất việc thẩm định các dự án đầu tư trình UBND tỉnh. - Tổ chức lập hồ sơ đề nghị công nhận khu, điểm du lịch địa phương trên địa bàn tỉnh. - Tham mưu đề xuất cho lãnh đạo Sở và UBND tỉnh về việc tổ chức Lễ hội du lịch (phối hợp với các sở, ban ngành địa phương). <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tuyến tour cho tàu du lịch; - Kiểm soát số lượng tàu thuyền du lịch; - Dẫn nhân sinh thái cho tàu du lịch (EU tài trợ).

Cơ quan	sự miêu tả
Ban Quản lý khu kinh tế	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với KCN, KKT và KKT cửa khẩu - Thực hiện quản lý và thực thi cung cấp các dịch vụ liên quan tới hành chính công và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới hoạt động đầu tư và kinh doanh sản xuất của các nhà đầu tư trong KCN, KKT và KHT cửa khẩu theo quy định của pháp luật <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p><u>Phòng Đầu tư</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Chủ trì tham mưu cho Lãnh đạo Ban trong việc xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển - Hướng dẫn nhà đầu tư trong việc thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư; chủ trì công tác thẩm tra và trình Lãnh đạo Ban cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư vào KCN, KKT - Thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư
Ban Quản lý vịnh Hạ Long	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> -Bảo vệ vịnh Hạ Long <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p> <p><u>Phòng Quản lý môi trường</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, đề xuất lãnh đạo Ban xây dựng và phối hợp tổ chức thực hiện các văn bản, chương trình, kế hoạch, giải pháp bảo vệ môi trường. -Tổ chức quản lý hoạt động quan trắc môi trường. -Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng và dự báo nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường vịnh Hạ Long do tác động của các yếu tố tự nhiên và hoạt động kinh tế xã hội. -Định kỳ lập báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường vịnh Hạ Long theo quy định của Luật bảo vệ môi trường. -Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức tuyên truyền, giáo dục thực hiện các quy định pháp luật bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long. -Phối hợp với các ngành, đơn vị chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long. <p><u>Phòng Nghiên cứu - Nghiệp vụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp để quản lý, bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị Di sản theo quy định của pháp luật. -Nghiên cứu, điều tra khảo sát, lập hồ sơ khoa học về các giá trị tự nhiên và nhân văn của vịnh Hạ Long. - Lập các báo cáo chuyên môn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản vịnh Hạ Long. - Biên soạn, biên tập các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, giáo dục, quảng bá về Di sản vịnh Hạ Long. - Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu và giúp Lãnh đạo Ban trong hoạt động mở rộng hợp tác, trao đổi kinh nghiệm quản lý Di sản; Thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế đối với Di sản. <p>Hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều phối và giám sát việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn QCVN; - Theo dõi chất lượng nước trên vịnh; - Đăng ký tàu du lịch (hàng năm đối với tàu vỏ sắt và 6 năm một lần với tàu vỏ gỗ)
UBND thành phố Hạ Long	<p>Nhiệm vụ chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhà nước ở thành phố Hạ Long, - Đảm bảo sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính từ Trung ương tới cơ sở. <p>Vai trò của phòng/bộ phận phụ trách Tăng trưởng xanh</p>

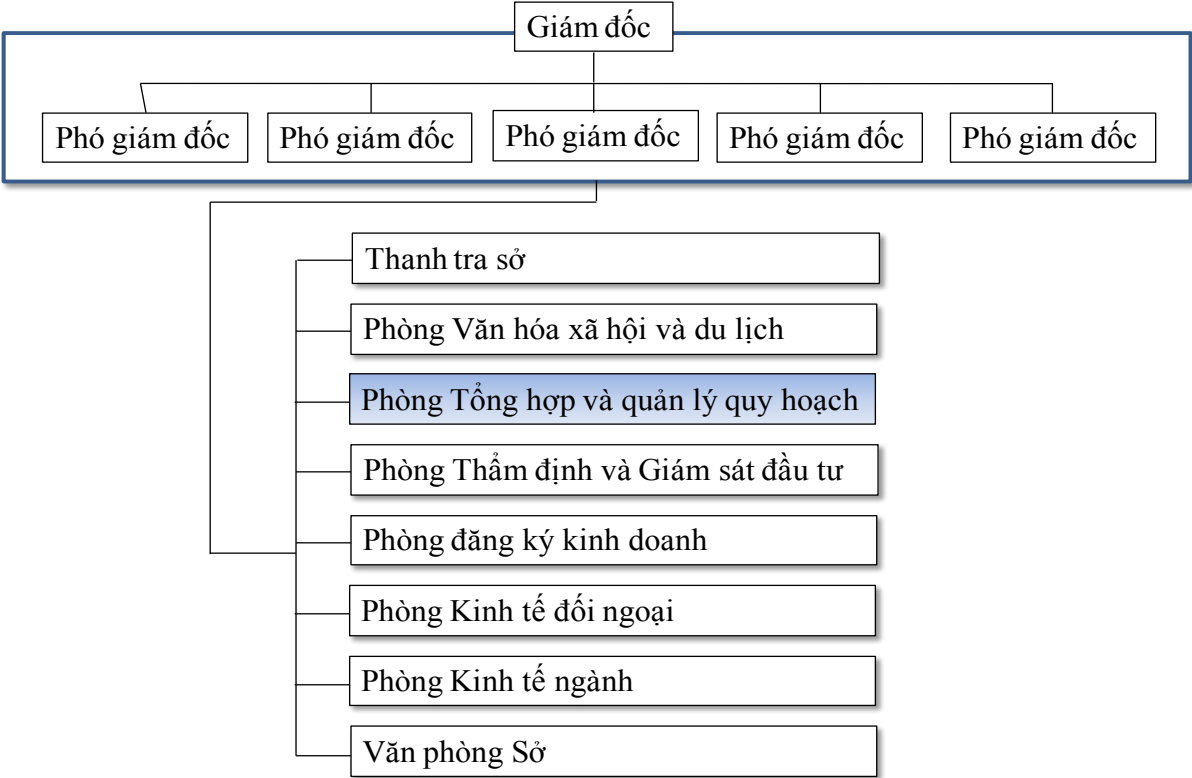
Cơ quan	sự miêu tả
	<p><u>Phòng Tài nguyên và môi trường</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình UBND thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các dự án về tài nguyên môi trường. - Lập quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Thành phố, theo dõi các sử dụng sử dụng đất cấp phường. - Thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đất. - Theo dõi biến động về đất đai, cập nhật, chỉnh lý các tài liệu và bản đồ về đất đai; - Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thống kê, kiểm kê, đăng ký đất đai. - Phối hợp với Sở TN&MT và các cơ quan liên quan xác định giá đất, mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của địa phương. - Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật. - Thu thập và quản lý tất cả các dữ liệu và các dự án môi trường liên quan tới bảo vệ tài nguyên đất đai, tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản. - Lập báo cáo hiện trạng môi trường theo định kỳ; đề xuất các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, các cụm công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn - Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường cho người dân địa phương; - Tổ chức tập huấn định kỳ cho công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường.

Nguồn: Do JET lập.

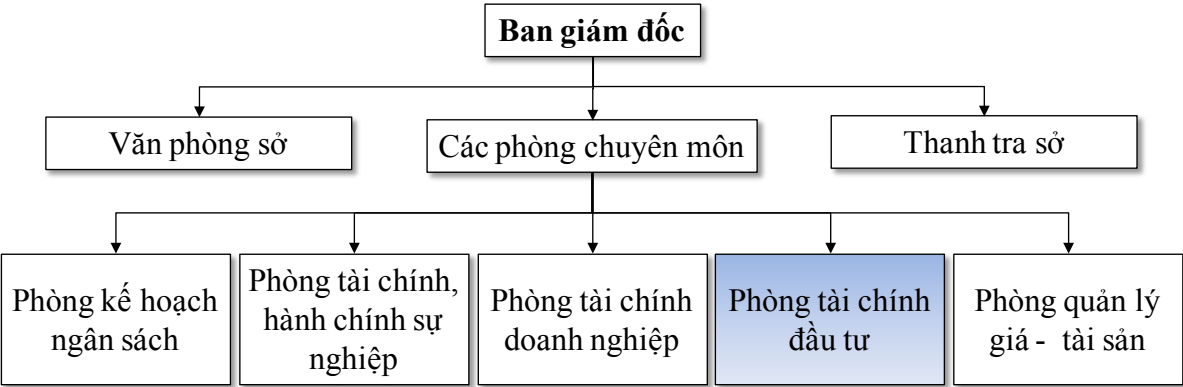
Phụ lục II-3
Sơ đồ tổ chức, tháng 2 năm 2016



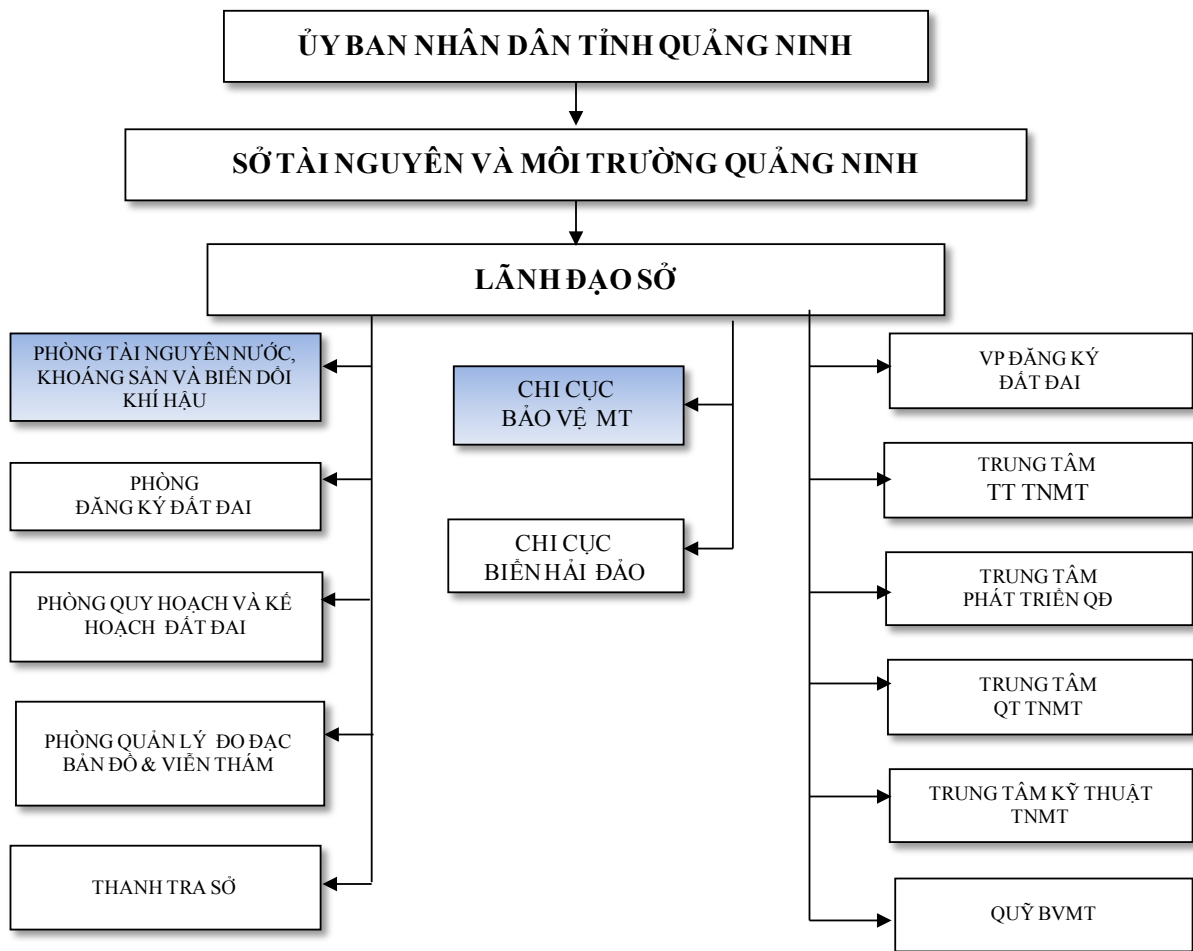
DPI organization chart_VN&EN



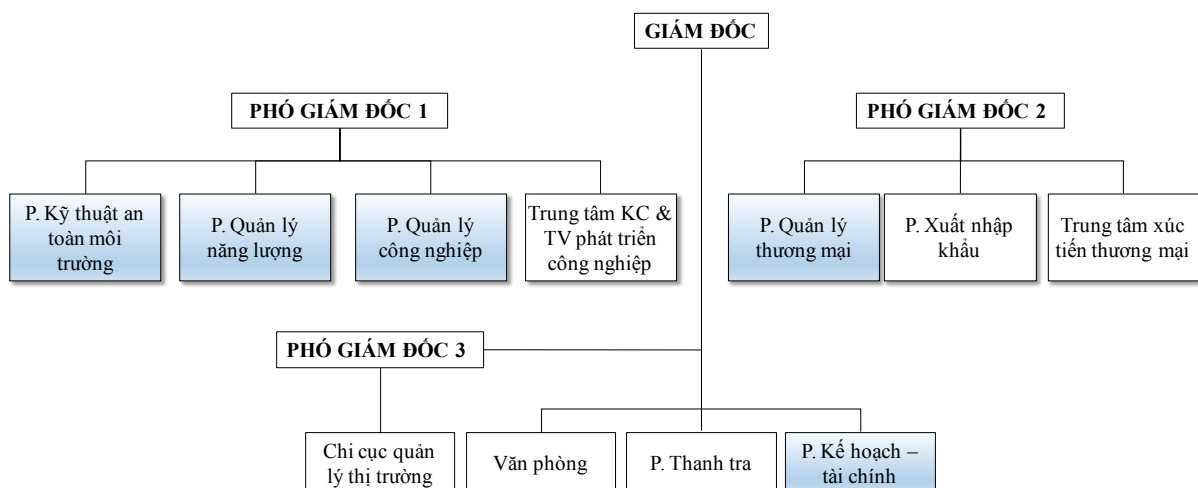
DOF



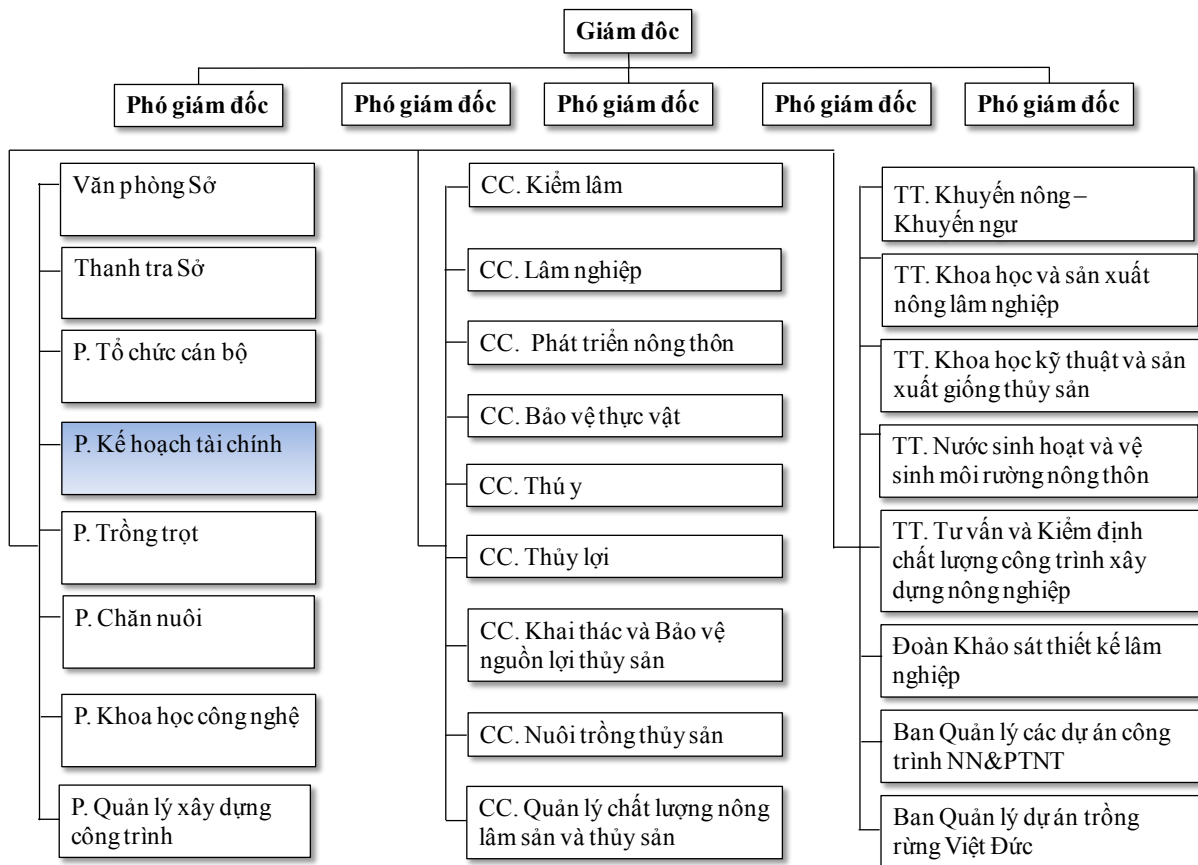
DONRE



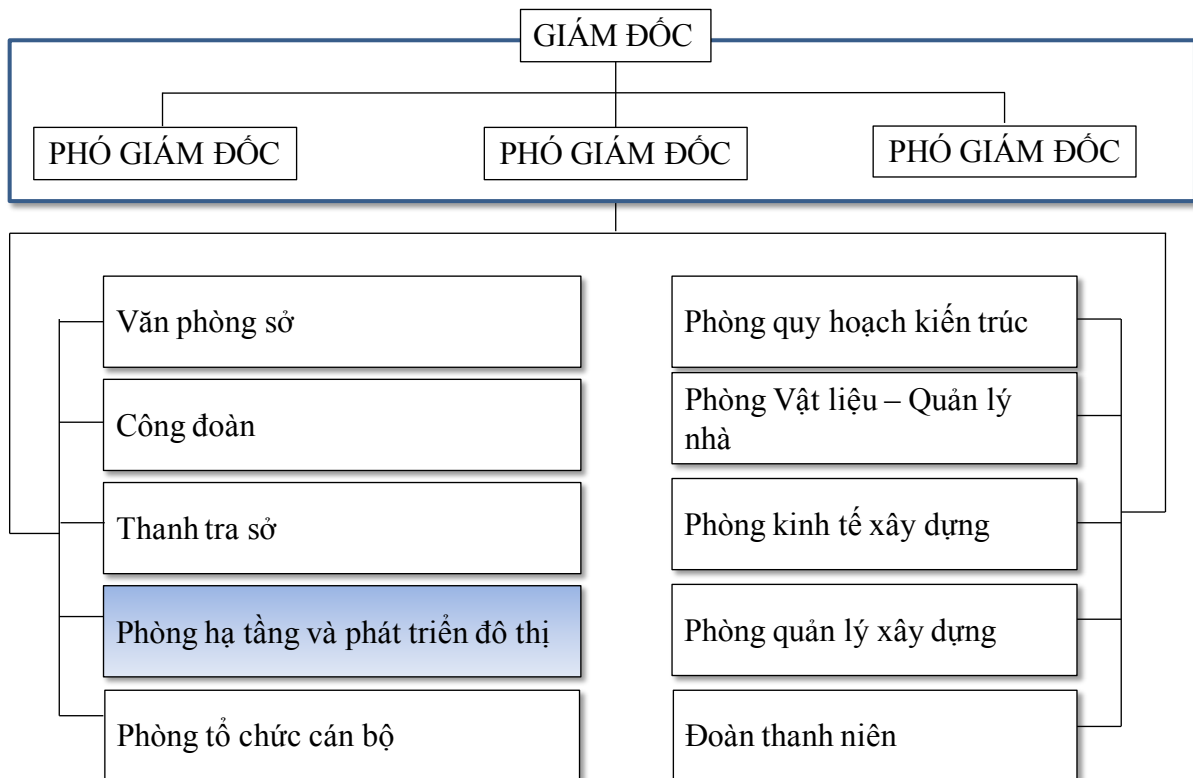
DOIT



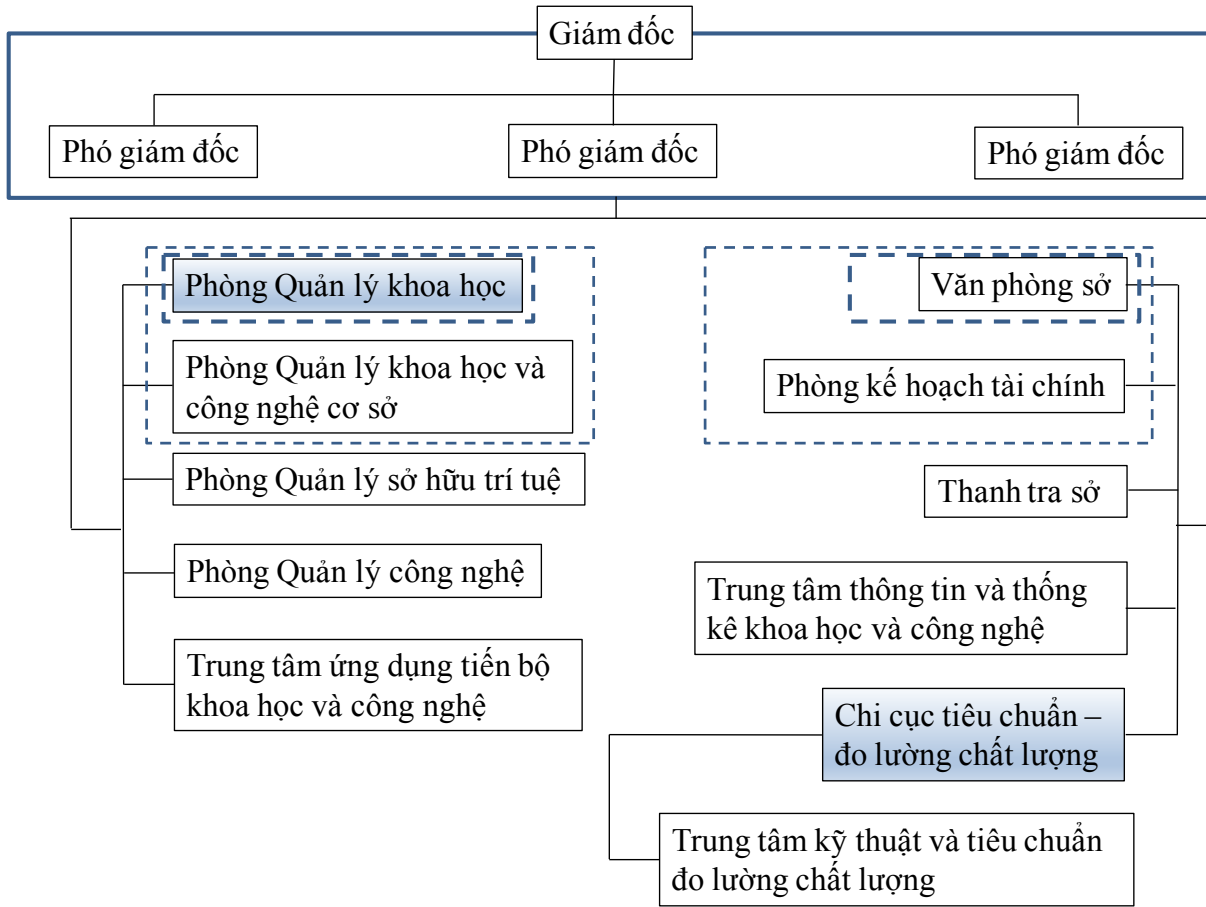
DARD



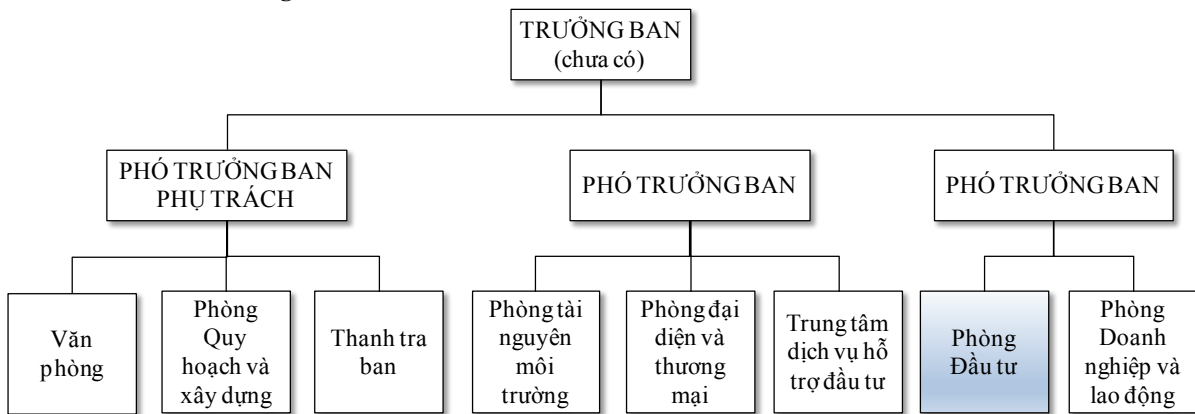
DOC



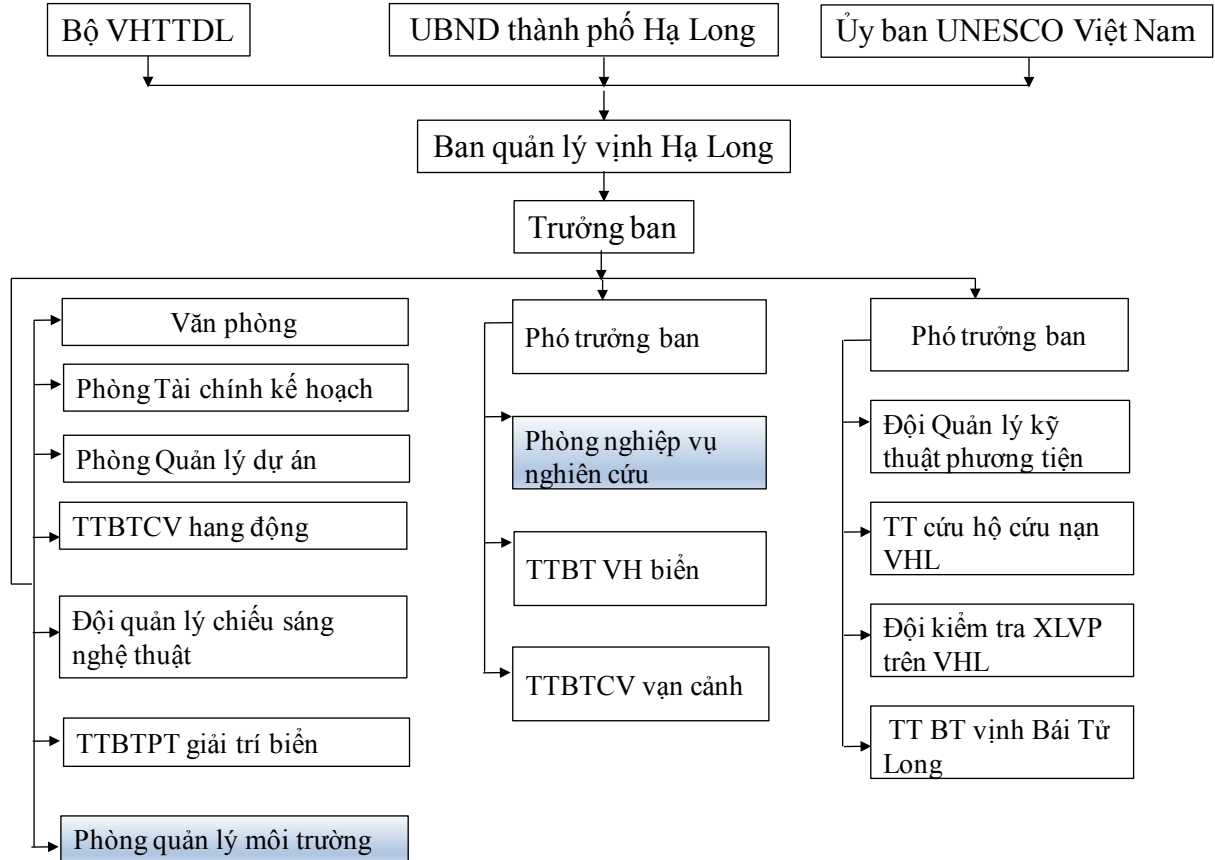
DOST



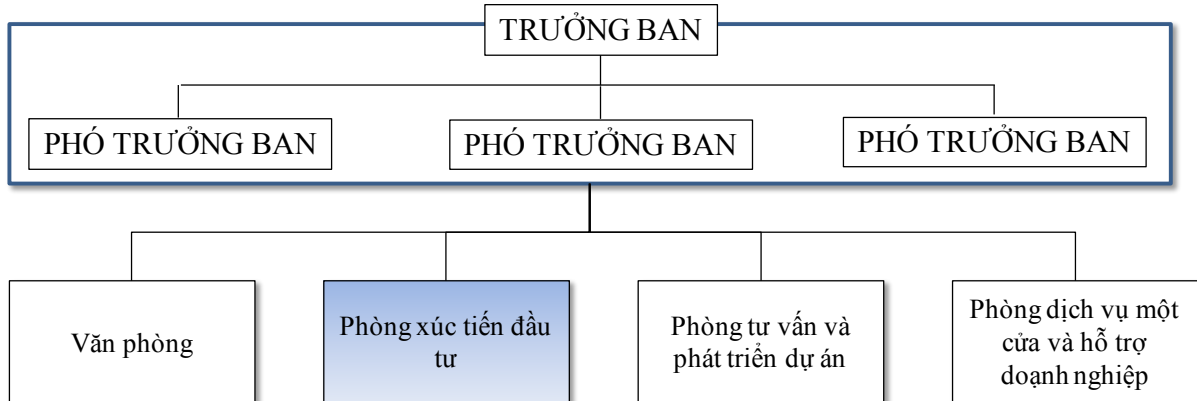
Economic Zone Management Board



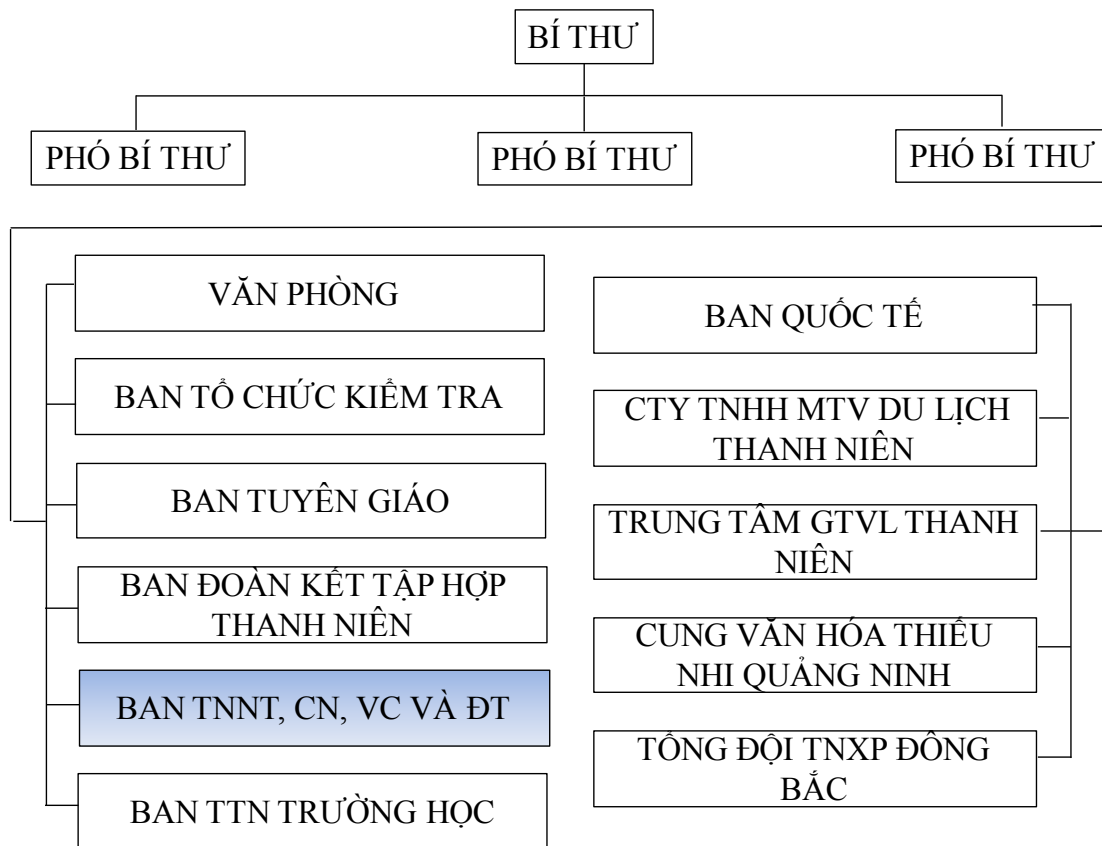
HBMD



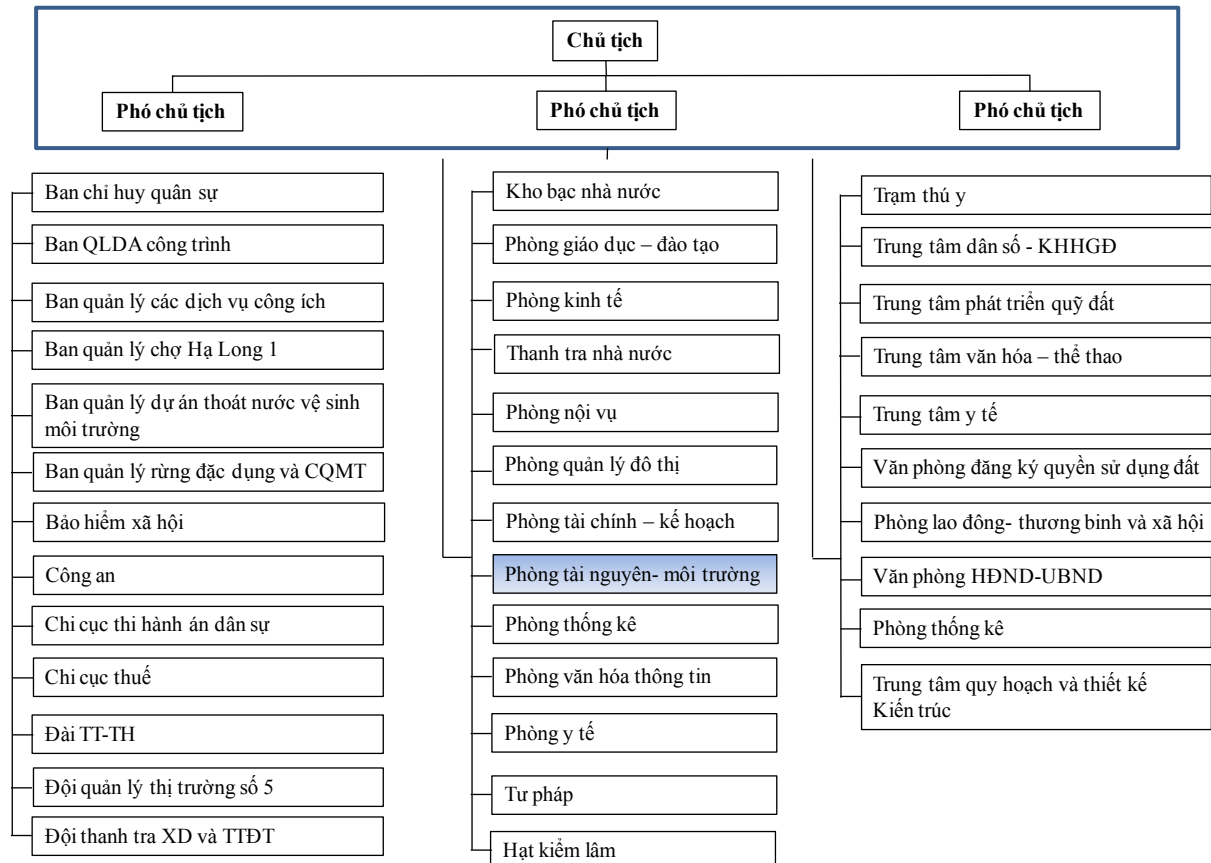
IPA_ organization chart_En-Vn



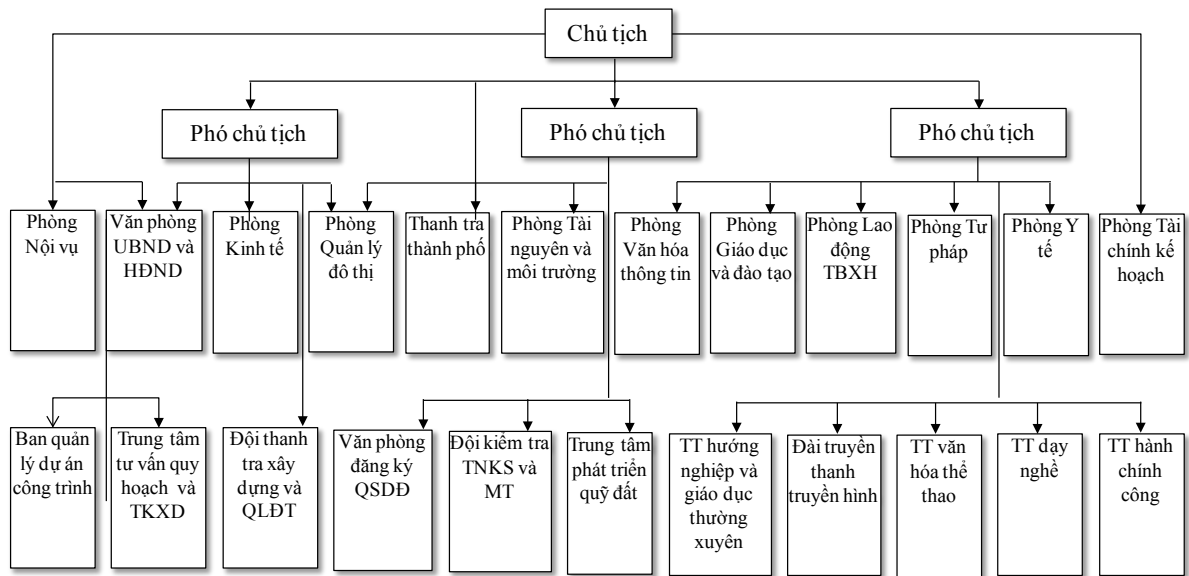
Youth Union



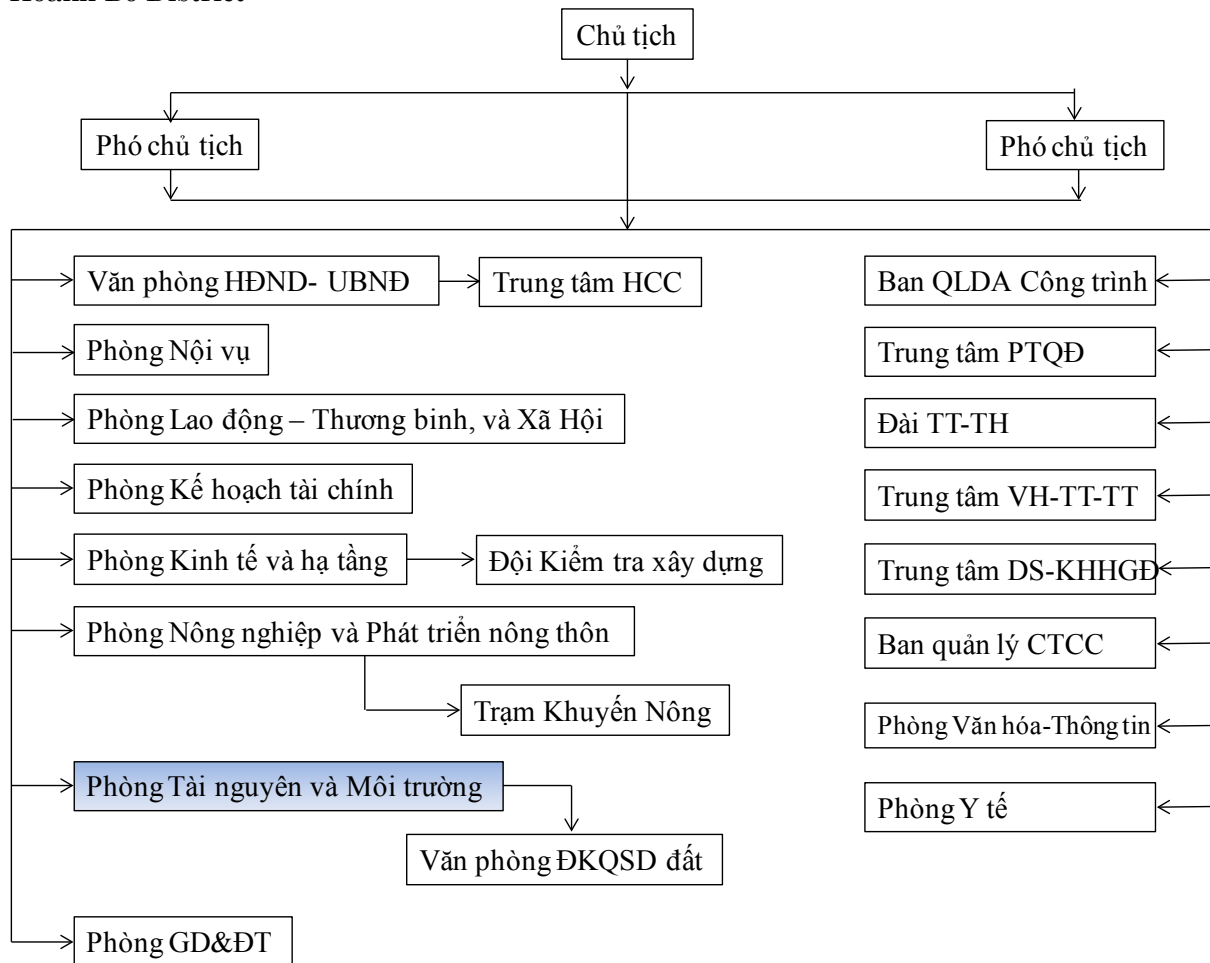
Halong City



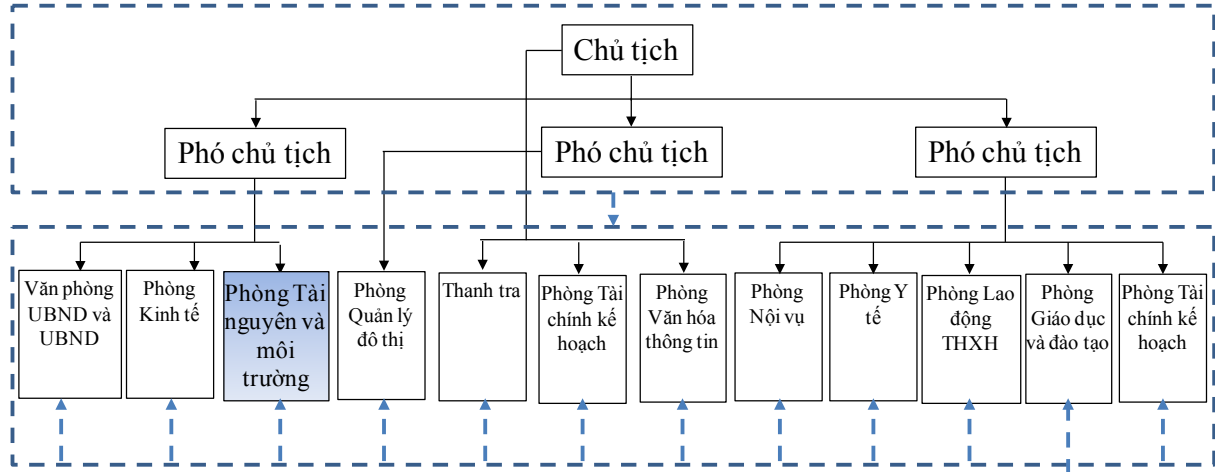
Cam Pha City



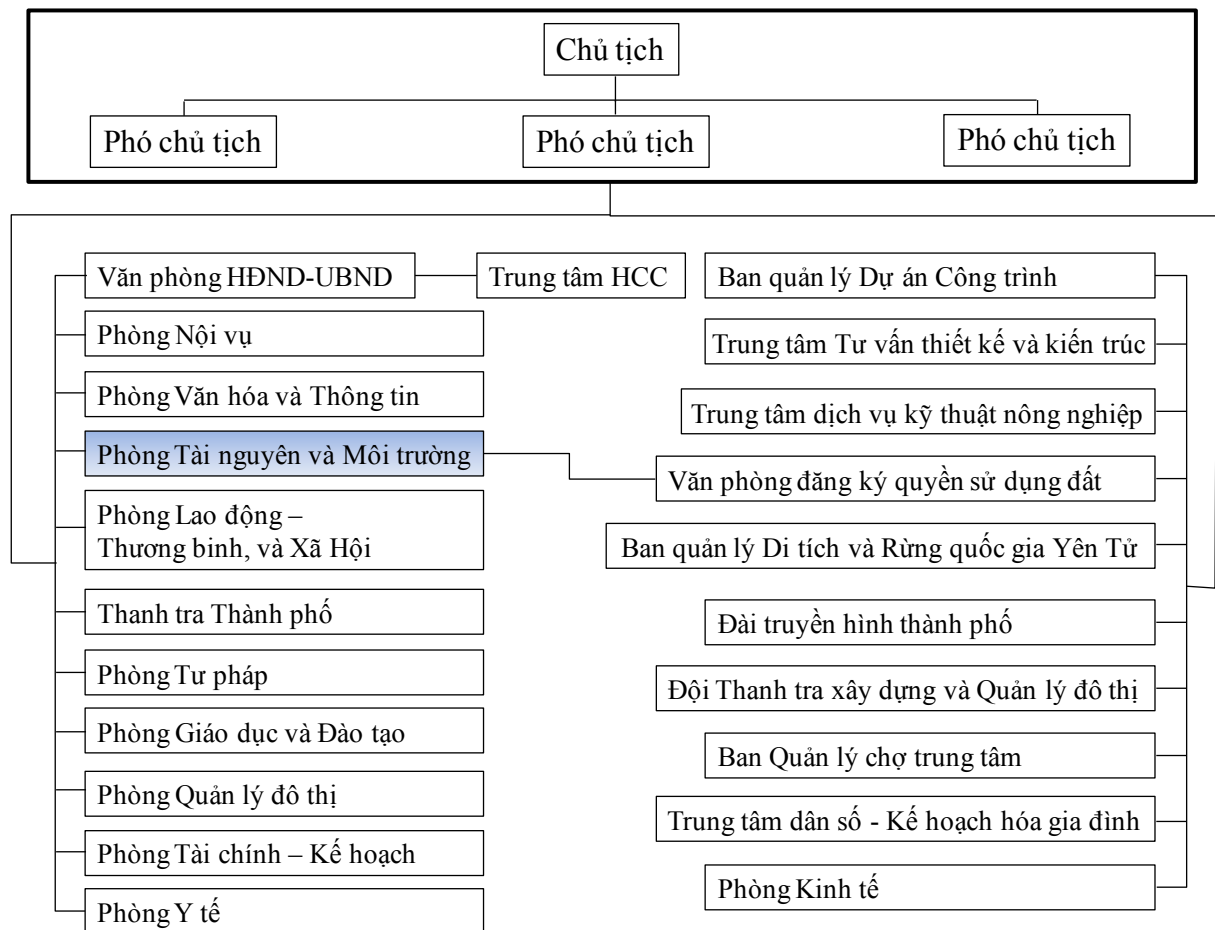
Hoanh Bo District



Quang Yen Town



Uong Bi City



Phụ lục II-4
Bảng câu hỏi của cuộc Khảo sát về Du lịch

Dự án Xây dựng Thể chế thực hiện Tăng trưởng xanh và
Tăng cường Hệ thống Quản lý Môi trường hướng tới bảo tồn
bền vững Vịnh Hạ Long tại Việt Nam

Bảng câu hỏi về Hiệu quả Môi trường của Ngành Du lịch
(Cơ sở lưu trú)

Khảo sát này nhằm mục đích tính toán hiệu quả về mặt môi trường của ngành du lịch. Số liệu thu thập được chỉ để sử dụng cho mục đích phân tích.

Tên cơ sở:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại liên hệ:	
Xếp hạng:	5-sao 4-sao 3-sao 2-sao 1-sao Khác
Số phòng:	
Số giường:	

Tổng số nhân viên: <small>Không bao gồm chủ cơ sở, nhưng bao gồm cán bộ quản lý</small>	
Số nhân viên theo mùa vụ:	

Tổng số khách (2014):	
Tổng số khách nghỉ qua đêm (2014):	

Tổng lượng tiêu thụ năm:	
Điện (KW):	
Dầu nặng (FO) (Lít):	
Dầu Diesel (Lít):	
Than (Tấn):	
Gas (m ³)	

Nước (m ³)	
------------------------	--

Khối lượng chất thải rắn hằng năm:	
Chất thải nhà bếp (Tấn):	
Chất thải có thể tái chế (Tấn):	
Chất thải linh tinh khác (Tấn):	

Ghi chú: Khối lượng của từng loại chất thải sẽ được ước tính bằng cách đo lường trong thời gian 8 ngày liên tiếp, từ thứ Hai đến thứ Hai tuần sau.

Cơ sở có áp dụng quản lý rác theo 3R không?	
Giảm thiểu:	
Tái sử dụng:	
Tái chế:	

Trạm xử lý nước thải:	Có	Không
Bể bể mỡ nước thải nhà bếp	Có	Không
Chất lượng nước thải sau xử lý (có quan trắc nước thải định kỳ không? Kết quả quan trắc gần nhất?)		

Nhận xét hoặc quan sát khác liên quan quan tới bảo vệ môi trường:

Dự án Xây dựng Thể chế thực hiện Tăng trưởng xanh và
Tăng cường Hệ thống Quản lý Môi trường hướng tới bảo tồn
bền vững Vịnh Hạ Long tại Việt Nam

Bảng câu hỏi về Hiệu quả Môi trường của Ngành Du lịch
(Nhà hàng ăn uống)

Khảo sát này nhằm mục đích tính toán hiệu quả về mặt môi trường của ngành du lịch. Số liệu thu thập được chỉ để sử dụng cho mục đích phân tích.

Tên cơ sở:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại liên hệ:	
Loại món ăn:	Việt Nam Châu Á khác Trung Quốc Châu Âu Quán cà phê Khác
Số bàn phục vụ:	

Tổng số nhân viên: <small>Không bao gồm chủ cơ sở, nhưng bao gồm cán bộ quản lý</small>	
Số nhân viên theo mùa vụ:	

Tổng số lượng khách hàng (2014):	
----------------------------------	--

Tổng lượng tiêu thụ năm:	
Điện (KW):	
Dầu nặng (FO) (Lít):	
Dầu Diesel (Lít):	
Than (Tấn):	
Gas (m ³)	
Nước (m ³)	

Khối lượng chất thải rắn hằng năm:	
Chất thải nhà bếp (Tấn):	
Chất thải có thể tái chế (Tấn):	
Chất thải linh tinh khác (Tấn):	

Ghi chú: Khối lượng của từng loại chất thải sẽ được ước tính bằng cách đo lường trong thời gian 8 ngày liên tiếp, từ thứ Hai đến thứ Hai tuần sau.

Cơ sở có áp dụng quản lý rác theo 3R không?	
Giảm thiểu:	
Tái sử dụng:	
Tái chế:	

Trạm xử lý nước thải:	Có	Không
Lọc dầu mỡ nước thải nhà bếp	Có	Không
Chất lượng nước thải sau xử lý		

Nhận xét hoặc quan sát khác liên quan tới bảo vệ môi trường:

Dự án Xây dựng Thể chế thực hiện Tăng trưởng xanh và
Tăng cường Hệ thống Quản lý Môi trường hướng tới bảo tồn
bền vững Vịnh Hạ Long tại Việt Nam

Bảng câu hỏi về Hiệu quả Môi trường của Ngành Du lịch
(Tàu du lịch)

Khảo sát này nhằm mục đích tính toán hiệu quả về mặt môi trường của ngành du lịch. Số liệu thu thập được chỉ để sử dụng cho mục đích phân tích.

Tên công ty tàu:	
Địa chỉ:	
Vị trí cảng:	
Số điện thoại liên hệ:	
Số lượng tàu hiện có:	
Số lượng tàu nghỉ đêm (nếu có)	
Tên tàu được khảo sát:	
Số lượng khách tối đa:	
Số phòng (nếu có):	
Số giường (nếu có):	
Loại động cơ hoặc nhiên liệu	Diesel Xăng Mô tơ điện Khác

Tổng số nhân viên của tàu: <small>Không bao gồm chủ cơ sở, nhưng bao gồm cán bộ quản lý</small>	
Số nhân viên theo mùa vụ:	

Tổng số khách (2014):	
Tổng số khách nghỉ qua đêm (2014):	

Tổng lượng tiêu thu năm:	
--------------------------	--

Dầu nặng (FO) (Lít):	
Dầu Diesel (Lít):	
Than (Tấn):	
Gas (m ³)	
Nước (m ³)	

Khối lượng chất thải rắn hằng năm:	
Chất thải nhà bếp (Tấn):	
Chất thải có thể tái chế (Tấn):	
Chất thải linh tinh khác (Tấn):	

Ghi chú: Khối lượng của từng loại chất thải sẽ được ước tính bằng cách đo lường trong thời gian 8 ngày liên tiếp, từ thứ Hai đến thứ Hai tuần sau.

Cơ sở có áp dụng quản lý rác theo 3R không?	
Giảm thiểu:	
Tái sử dụng:	
Tái chế:	

Trạm xử lý nước thải:	Có	Không
Bể bể mỡ nước thải nhà bếp:	Có	Không
Chất lượng nước thải sau xử lý:		

Nhận xét hoặc quan sát khác liên quan tới bảo vệ môi trường:
--

Phụ lục II-5

**Khảo sát về các biện pháp Hiệu quả Năng lượng cho Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh
tại khu vực vịnh Hạ Long**

**PREPARATORY STUDY FOR THE PROJECT FOR INSTITUTIONAL DEVELOPMENT FOR
GREEN GROWTH IMPLEMENTATION AND STRENGTHENING OF ENVIRONMENTAL
MANAGEMENT SYSTEM TOWARDS SUSTAINABLE CONSERVATION
FOR THE HALONG BAY IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Report

Energy Efficiency Measures Survey for Project for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay

Submitted by:



June, 2016

INDEX

INDEX	2
BACKGROUND	3
1. ASSESSMENT RESULTS OF ENERGY EFFICIENCY MEASURES SURVEY	4
1.1 Vinh Thang Joint Stock Company.....	4
1.2 Hoang Ha Colored Ceramics Joint Stock Company.....	6
1.3 Vinh Tien Joint Stock Company.....	8
1.4 Lam Thach 2 Cement Company	10
1.5 Thang Long Cement Joint Stock Company.....	12
1.6 Viglacera Halong Joint Stock Company.....	14
1.7 Integral Materials Investment Vietnam.....	16
1.8 Quang Ninh Seafood Import-Export Joint stock Company.....	17
1.9 Saigon Halong Hotel.....	18
2. SELECTION OF EE MEASURES	20
2.1 Criteria for selection of EE measures.....	20
2.2 Data Matrix for selection of EE measures	20
2.3 Recommendations	29

BACKGROUND

This report is a part of the project: Preparatory Study for the Project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay in the Socialist Republic of Vietnam. The report presents the assessment results from the energy efficiency (EE) measures survey, carried out by the local consultant, RCEE-NIRAS JSC and associated with the International Consultant, Ms. Yuka Nakagawa. The assessment results will provide inputs for the selection of pilot demonstration project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation.

Based on the review of available energy audit reports and energy consumption of selected industrial enterprises provided by the Department of Planning and Investment in Quang Ninh and from other sources, the following 09 industrial enterprises located in Quang Ninh Province have been shortlisted for further assessment:

No.	Name of the company	Product type
1	Vinh Thang Joint Stock Company	Glazed- floor tile
2	Hoang Ha Colored Ceramics Joint Stock Company	Ceramic tile
3	Vinh Tien Joint Stock Company	Brick
4	Lam Thach 2 Cement Company	Clinker, cement
5	Thang Long Cement Joint Stock Company	Clinker, cement
6	Viglacera Halong Joint Stock Company	Ceramic tile
7	Intgral Materials Investment Vietnam	Metal, rare earth elements
8	Quang Ninh Seafood Import-Export Joint stock Company	Frozen sefood
9	Saigon Halong Hotel	Hotel services

Meetings and interviews with the management team of those companies have been conducted from 25-26 May 2016 to discuss the demand and opportunities for energy efficiency as well as the barriers for the implementation of potential energy efficiency measures among industrial enterprises located in Quang Ninh Province, particularly in Halong City.

1. ASSESSMENT RESULTS OF ENERGY EFFICIENCY MEASURES SURVEY

This section summarized the key findings from the interviews with selected industrial enterprises in Quang Ninh Province. The detailed program of the survey is presented in Annex A of the report. It is noted that 08 among 09 selected industrial enterprises are designated energy consumers¹.

Key findings from the survey with selected enterprises:

- Management of local enterprises show their interest in energy efficiency opportunities and are willing to cooperate for development EE investment projects if feasible
- Most selected enterprises are well aware of EE measures that can be applied for their production facilities. Most responses show no technical barriers for development of EE investment project. And most of them have their investment plans for EE projects.
- All surveyed enterprises show their demand for financial support for their EE investment projects to overcome the challenges of high investment cost but low savings of this type of investment.
- Only 1 surveyed enterprise is aware of ESCO model. However, with more information and explanation, all of surveyed enterprises confirm their interest in ESCO model if feasible.

1.1 Vinh Thang Joint Stock Company

1.1.1 Brief introduction

Company name	:	Vinh Thang Joint Stock Company
Address	:	Kim Son Industrial Cluster, Kim Son ward, Dong Trieu town, Quang Ninh Province
Type of product	:	Glazed- floor tile
Ownership	:	Private
Production capacity	:	9 million m ² of product per year
Type of fuel consumption	:	Electricity, coal and DO
Total energy consumption	:	Total energy consumption in 2013: 14.138 million kWh of electricity, 31.02 thousand tons of coal and 199 tons of DO. Total energy consumption in 2014: 16.04 million kWh of electricity, 26.882 thousand tons of dust coal and 184 tons of DO. Total energy consumption in first 10 months in 2015: 16,522 million kWh of electricity, 22.987 thousand tons of coal and 130 tons of DO.
Major energy load by equipment	:	+ Electricity is used for most equipment, such as: material crushers, enamel mills, exhaust fans, smoke fans, compressors, tile pressing machines, conveying motors, mixing motors, etc. + Compressed air is used in the technological processes + DO is used for lift tracks system and electricity generation system. + Coal is used for coal gasification furnace.

¹ Accordance to Decision No. 1535/QĐ-TTg dated 28/08/2014, enterprises with energy consumption of over 1,000 TOE are categorized as Designated Energy Consumers (DEC)

+ Coal gasification is used for spraying drying furnace, materials drying furnace, kilns system.

1.1.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Vinh Thang JSC in the year 2015 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Check, monitor and timely handle the compressed air leaks	107,828.00		6,400.91	3,409.09
2	Installation of speed control equipment for exhaust fans at the end of furnaces No. 1 and No. 2	80,201.00		4,760.91	6,325.00
3	Re-arrangement of production activities at the raw crusher workshop to avoid peak hours for saving energy cost			20,006.36	-
4	Installation of inverter for compressor in mechanical workshop	139,320.00		8,270.45	16,220.45
5	Installation biomass burners (rice husk, woodchip) used for drying materials in spraying drying tower		2,603.00	119,041.36	79,545.45
6	Installation of speed control equipment for the furnace heat exchange fan	162,509.00		9,647.27	13,311.36

Since the last energy audit, Vinh Thang has implemented some EE measures, including:

- Internal management:
 - Limitation of unload mode of machines by close coordination between departments, workshops in manufacturing management; Strengthening monitor activities for big motors, machines; Recording operating history and do maintenance in necessary.
 - Using heat exhaust from kilns for drying furnace, instead of using fuel for drying process.
 - Company has policies about energy, SEC to assess the production status.
 - Using natural lights.
- Measures for improvement of EE for equipment:

- Take advantage of natural lights in workshops and warehouses.
- Installation of reactive power compensation system to ensure power factor $\cos \phi > 0,9$.
- Installation of inverter for motor of air supply fan of coal gasification furnace.
- Using heat of exhaust gas of kiln to preheat tiles before kiln.

1.1.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Vinh Thang JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Arrangement reasonable production activities of raw crusher workshop to take advantages of Electricity tariff	1	2016	N/I
2	Installation of raw material agitator	1	2016	20,000
3	Installation of Variable Speed Drive (VSD) for raw mill	1	2016	15,000
4	Fluidized bed burner installation to utilize coal scrap	2	2017	200,000
5	Revamping the dust filter	2	2017	N/I

1.1.4 Conclusion and Recommendations

Vinh Thang JSC is interested in energy saving because energy cost accounts for 40% of their production cost per product, with intensive energy used equipment.

The EE measures of Vinh Thang high priority are of feasible and of high potential for replication in other factories. Also, Vinh Thang JSC is very interested to invest in potential EE investment projects which is of their high priority, however they are looking for financial solutions to arrange the investment. Vinh Thang management level is well aware of ESCO model and they are interested in cooperation for this model for relevant EE projects.

The Consultant recommend that further assessment on potential EE measures at Vinh Thang JSC for cooperation to develop pilot project.

1.2 Hoang Ha Colored Ceramics Joint Stock Company

1.2.1 Brief introduction

Company name : Hoang Ha Colored Ceramics Joint Stock Company
 Address : Kim Son Industrial Cluster, Dong Trieu District, Quang Ninh province

Type of product	:	Ceramic tile
Ownership	:	Private
Production capacity	:	7,402,939 m ² ceramic tile in total (in 2013)
Type of fuel consumption	:	Electricity, dust coal, solid coal 4A, coal-gas (from coal gasification), Diesel oil (DO), gas (LPG).
Total energy consumption	:	Total energy consumption in 2012: 10,393,074 kWh of electricity; 12,282.37 tons of dust coal; 18,109.1 tons of solid coal; 23,099 kg of DO; Total energy consumption in 2013: 14,398,631 kWh of electricity; 13,852 tons of dust coal; 20.982 tons of solid coal; 288,600 kg of DO.
Major energy load by equipment	:	Electricity is used for almost activities in company: electric motors, lightings system... Dust coal is used for material drying process with 03 coal chain kilns, and supplies hot air for 03 material drying boxes. Solid coal 4A is used for coal gasification process to supply coal-gas for tile drying process and kiln. DO is used for preventive electricity generation system and lifting-lowering trucks system in factory. Gas is used for cooking, machining and repairing in mechanical workshops in factory.

1.2.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Hoang Ha JSC in the year 2014 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Installation the timers and turn-off automatically controllers for the crushers, limit excess time of the crushers and ensure to optimize technology time	5,145.8		322.73	681.82
2	Installation of inverters to change motor's speed to change the stirring vanes' speed according to necessary standards of technology	7,800.0		492.27	795.45
3	Installation more power control equipment by Power Boss in case of changes in load of motors	17,481.0		1,103.64	4,318.18
4	Installation of the timers (rounds) and automatically stop the engine on demand of technology	2,437.5		153.64	681.82
5	Use the central controller to control the working mode of compressors on-demand of output pressure appropriately	27,222.0		1,718.18	3,181.82

6	Installation of inverters for compressors to maintain a minimum pressure in the tank	64,584.0		4,077.27	8,181.82
---	--	----------	--	----------	----------

Since the last energy audit, Hoang Ha has implemented some EE measures, including:

- Installation of automatic coal intake system, saving 10% of coal consumption.
- Installation of 10 VSD for raw grinding system, a capacity of 200 kW / engine.
- Installation of 10 VSD for glazed grinding system, a capacity of 37kW / engine.

1.2.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Hoang Ha JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Improve capacity management	1	2016	N/I
2	Install equipment after the substation for saving energy	2	N/I	1,000,000

1.2.4 Conclusion and Recommendations

Hoang Ha JSC is interested in EE measures for improving their energy cost.

Hoang Ha JSC has no technical barrier to invest in their EE measure: Install equipment after the substation for saving energy, however they are lacking of financial capital for investment.

Because the potential EE investment project developed by Hoang Ha JSC is of large scale investment, Hoang Ha JSC should be not appropriate for further assessment to develop pilot project.

1.3 Vinh Tien Joint Stock Company

1.3.1 Brief introduction

Company name	:	Vinh Tien Joint Stock Company
Address	:	Mao Khe ward, Dong Trieu town, Quang Ninh province
Type of product	:	Brick
Ownership	:	Private
Production capacity	:	13.499 thousand bricks (2014)
Type of fuel consumption	:	Electricity, coal, Diesel oil (DO)
Total energy consumption	:	Total energy consumption in 2012: 1.46 million kWh of electricity; 1513 tons of dust coal type 5; 58310 liters of DO. Total energy consumption in 2013: 1.57 million kWh of electricity; 1144 tons of dust coal type 5 and 52120 liters of DO.

Total energy consumption in first 6 months in 2012: 1.48 million kWh of electricity, 1280 tons of dust coal type 5 and 46040 liters of DO.

Major energy load by equipment : Electricity is used mainly for almost equipment and machines in factory, such as: crushers, brick pressing machines, compressors, conveying motors, mixing motors, kiln fans system, ...
Coal is used for product shape forming process and process in kiln.
Compressed air is used for technological processes in manufacturing lines.

1.3.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Vinh Tien JSC in the year 2015 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Installation of inverters for the exhaust fan which blows from kiln to drying furnace	12,481.0	-	828.64	2,181.82
2	Installation of power control equipment for mixing motor of product forming machine	28,235.0	-	1,875.00	4,595.45
3	Installation of power control equipment for kneading machines 30kW (02 machines)	15,423.0	-	1,024.09	3,231.82
4	Use MazNitro DX2 additives mixed with diesel fuel for forklift trucks and material trucks systems	-	2,670.3	2,426.36	1,465.00

Since the last energy audit, Vinh Tien JSC has implemented some EE measures, including:

- Installation of reactive power compensation system to ensure power factor $\cos \omega > 0,9$.
- Installation of inverter for exhaust fans system of kiln
- Using heat of exhaust gas of kiln to preheat bricks before kiln
- Change the engine with a capacity matching
- Installation control device of large capacity engine.

1.3.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Vinh Tien JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Upgrade the machine shaping and drying system	1	2018 - 2019	1,000,000
2	Installation control equipment	2	2017 - 2018	5,000- 7,500

1.3.4 Conclusion and Recommendations

The factory has small scale production and no experience in EE investment. Vinh Tien JSC is interested in technology improvement, however they are facing financial difficulties.

The high priority of the factory is to replace their existing production line with an advance technology, which is a large investment and the project is of low potential for replication in other factories in the sector. Therefore, Vinh Tien JSC should be not appropriate for further assessment to develop pilot project.

1.4 Lam Thach 2 Cement Company

1.4.1 Brief introduction

Company name	:	Quang Ninh Cement and Construction Joint Stock Company – Lam Thach 2 Cement Company
Address	:	Phuong Nam ward, Uong Bi City, Quang Ninh Province
Type of product	:	Clinker, cement (C _{pc} 50, PCB30, PCB40)
Ownership	:	Private
Production capacity	:	02 clinker lines, 360,000 tons of clinker/year (450,000 tons of cement/year) in each line. 806,183 tons of clinker (in 2013), 100,392 tons of PCB 30 Cement and 142,601 tons of PCB 40 Cement.
Type of fuel consumption	:	Electricity, coal
Total energy consumption	:	Total energy consumption in 2012: 73,216,692 kWh of electricity and 129,325 tons of coal. Total energy consumption in 2013: 73,799,861 kWh electricity and 126,663 tons of coal. Total energy consumption in first 6 months in 2014: 39,022,170 kWh of electricity and 58,392 tons of coal.
Major energy load by equipment	:	+ Electricity is used for almost equipment in factory, such as: Rotary kiln, crushers, pumps, fans, compressors, conveying machine, lifting bucket ... + Dust coal is used for combustion in kiln and in calciner. + DO is used for additional combustion in necessary.

1.4.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Lam Thach 2 Company in the year 2014 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings (USD)		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Installation of inverters for clinker cooling fans	558,502		33,681.82	70,630.91
2	Installation Powerbosses for materials lift up buckets to heat exchange towers No. 07c.01 and 15c.01	42,778		2,580.00	7,765.91
3	Installation of inverters for water pumping motor of conditioning tower	77,030		4,645.45	9,575.91
4	Installation of inverters for circulatory fans of coal mill machines No. 08:11 and 19:11	173,629		10,471.36	22,264.09
5	Improvement of the cooling towers system and the installation of speed control equipment for fans of hot water cooling tower	28,512		1,719.55	2,292.73
6	Installation of control device for cooling pumps system	43,264		2,609.09	5,082.73
7	Make use of exhaust heat from clinker kilns and discharged air from the clinker cooling process to generate electricity	15,667,200		769,762.27	5,836,363.64
8	Using E-plus biological waste mixed with fuel to increase combustion efficiency		6,080	157,384.55	369,625.45

Since the last energy audit, Lam Thach 2 Company has implemented some EE measures, including:

- Improve capacity management.
- Installation VSD for clinker cooler with power 37 kW and 45 kW.

1.4.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Lam Thach 2 Company:

Stt	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Construction of waste heat recycling power generator	1	2017	9,000,000
2	Installation inverter for fan and compressor	2	N/I	500,000
3	Increase operating time furnaces	1	N/i	N/I

1.4.4 Conclusion and Recommendations

The EE measure of highest priority for Lam Thach 2 Cement Plant is waste heat recovery project, which is of very large scale investment. Despite their willingness to further development of this investment project, they are facing the financial difficulties.

Due to their high investment cost, potential EE measure developed by Lam Thach 2 is not appropriate for further assessment as a pilot project.

1.5 Thang Long Cement Joint Stock Company

1.5.1 Brief introduction

Company name	:	Thang Long Cement Joint Stock Company
Address	:	Le Loi commune, Hoanh Bo district, Quang Ninh province
Type of product	:	Clinker, cement
Ownership	:	Private
Production capacity	:	6,000 tons of clinker/day (2.3 million tons of cement/year). 1,817,121 tons of Clinker and 905,429 tons of Cement (in 2013)
Type of fuel consumption	:	Electricity, coal, Diesel Oil
Total energy consumption	:	Main energy consumption in 2012: 148.96 million kWh of electricity; 236,641 tons of coal and 1,177,317 liters of Diesel Oil (DO). Main energy consumption in 2013: 149.64 million kWh of electricity; 287,856 tons of coal and 890,449 liters of DO. Main energy consumption in first 7 months in 2014: 86.2 million kWh of electricity; 165,786 tons of coal and 764,970 liters of DO.
Major energy load by equipment	:	Electricity is used for almost equipment in factory, such as: hammer crusher, crushers, rotary kiln's motors, fans system, dust filter, disjunction, packing, conditioner, lightings, compressors... Compressed air is used for controlling, dust filtering, packing and in kiln processes ... DO is used for starting kiln process and additional combustion in necessary Water is used for cooling big equipment.

1.5.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Thang Long Cement JSC in the year 2014 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

Stt	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings (USD)		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Improvement of Lighting System	161,568.0		10,459.09	10,504.55
2	Installation of the coordinating controller for compressors station	219,186.0		14,186.36	32,272.73
3	Installation of Powerboss for bucket refluxed motor, code 1E1M121	45,147.0		2,922.73	8,436.36
4	Installation of inverter for conditioning tower water pump motor	168,854.0		10,927.27	13,636.36
5	Installation of inverters for water pump motor, code 1D1M174 & 1D1M175	202,528.0		13,109.09	10,681.82
6	Installation of inverters for air supply fan motor of clinker kiln	508,622.0		32,922.73	90,204.55
7	Make use of exhaust heat from clinker kilns and discharged air from the clinker cooling process to generate electricity	54,627,744.0		3,016,890.91	17,300,409.09
8	Use nano-enzyme G5CC93 additives to increase combustion efficiency of coal fuel		13,817	118,600.00	-

Since the last energy audit, Thang Long Cement JSC has implemented some EE measures, including:

- Strengthening internal management and maintenance equipment.
- Developments ISO 50001 (not completed).

1.5.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Thang Long Cement JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Construction of waste heat recycling power generator	1	2017-2019	17,272,272
2	Improving lighting system (indoor and outdoor)	2	2016	11,360
3	Installing the inverter to motor of air supply fan of kiln	3	2017-2019	100,000

1.5.4 Conclusion and Recommendations

Thang Long Cement Plant shows their interest in EE activities and is willingness to cooperate for the development of EE investment project.

Among the EE measures of high priority by Thang Long Cement Plant, the EE lighting project is most feasible with low investment cost and short term payback period. This type of EE project is also of high potential for replication among industrial enterprises. Therefore, Thang Long Cement Plant can be considered appropriate for further assessment to develop as a candidate for pilot project.

1.6 Viglacera Halong Joint Stock Company

1.6.1 Brief introduction

Company name	:	Viglacera Halong Joint Stock Company (having 04 factories producing tiles: Tieu Dao Factory, Hoanh Bo Factory, Cotto Gieng Day, and Clinker Company)
Address	:	Ha Long city, Quang Ninh province
Type of product	:	Ceramic tile
Ownership	:	Private
Production capacity (For Cotto Gieng Day factory)	:	2,205,335 m ² ceramic tile type 300 and 3,440,376 m ² ceramic type 400 (in 2014)
Type of fuel consumption (For Cotto Gieng Day factory)	:	Electricity, Gas (LPG), Diesel oil (DO), dust coal 3c, solid coal 4b.
Total energy consumption (For Cotto Gieng Day factory)	:	Total energy consumption in 2012: 21.48 million kWh of electricity, 32 tons of gas, 260,465 liters of DO, 12,417 tons of dust coal and 13,853 tons of solid coal. Total energy consumption in 2013: 21.42 million kWh of electricity, 64.8 tons of gas, 416,213 tons of DO, 13,147 tons of dust coal and 17,405 tons of solid coal. Total energy consumption in 2014: 21 million kWh of electricity, 25 tons of gas, 414,246 liters of Do, 14,840 tons of dust coal and 16,775 tons of solid coal.
Major energy load by equipment (For Cotto Gieng Day factory)	:	Electricity is used for almost equipment and machines in factory, such as: crushers, exhaust fans, tile pressing machine, compressors, conveying motors, mixing motors, etc. Coal is used for gasification process which supply fuel for kilns.

Compressed air is used for technological processes in manufacturing lines.

1.6.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Viglacera Halong JSC in the year 2015 and a number of energy efficiency opportunities have been identified at different factories owned by Viglacera Halong as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings (USD)		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Strengthen kilns insulation system		118	15,714.55	14,727.27
2	Make use of exhaust heat to heat the feed water and strengthen condensate recovery of canteen boiler		8	1,334.09	4,090.91
3	Adjust to strengthen the inverter efficiency of exhaust fans at the top of furnaces	68,880		4,646.36	5,681.82
4	Adjust to strengthen the inverter efficiency of exhaust fans at the end furnaces and fire support fans.	295,456		19,930.00	13,863.64
5	Installation of inverters for circulating water pump No. M1, M8 and M13	63,392		4,275.91	5,035.45

Since the last energy audit, Viglacera Halong JSC has implemented some EE measures, including:

- Implementing fuel switch, increased productivity fires.
- Increased internal audit.
- Installation VSD for large motors and insulate the furnace

1.6.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Viglacera Halong JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Installation of high efficient furnace	1	2017	900,000
2	Technology replacement to reduce energy consumption from 850kCal/kg product to 500kCal/kg product	2	N/I	13,000,000

1.6.4 Conclusion and Recommendations

This company installed most or energy saving solutions which have been identified. The management team is planning to further improve their efficiency. The two viable EE solutions of medium investment scale which have been considered at the moment by the company are viable but require high investment. Therefore, with their strong financial capacity, Viglacera HaLong should be considered as a candidate for preferential loans.

1.7 Integral Materials Investment Vietnam

1.7.1 Brief introduction

Company name	:	Integral Materials Investment Vietnam
Address	:	G2 ward, Viet Hung Industrial zone, Ha Long city, Quang Ninh province
Type of product	:	Metal, rare earth elements
Ownership	:	Foreign investment
Production capacity	:	5200 tons of products per year.
Type of fuel consumption	:	Electricity
Total energy consumption	:	Energy consumption in 2013: 10.9 million kWh of electricity. Energy consumption in 2014: 17.1 million kWh of electricity.
Major energy load by equipment	:	Electricity is used for variable purposes such as: exhaust fans, conditioner system, lightings system, crushers, pumps, electrolyte furnace, etc. Water is used for living purpose and electrolyte furnace cooling.

1.7.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Integral Materials Investment Company in the year 2015 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings (USD)		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Installation of inverters for circulating water pump system of electrolyte furnace	15,437		1,049.09	2,759.09
2	Installation of a cooling tower for cooling circulation system of electrolyte furnace	70,200		4,770.45	12,500.00
3	Installation of inverters for fans vacuuming system of electrolyte furnace	38,880		2,642.27	8,187.27

Based on the internal energy audit, it was concluded that the existing equipment is of efficiency and no EE potential opportunities have been identified.

1.7.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Integral Materials Investment Company:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Installation of cooling tower	1	Invested already but not yet installed	N/I

1.7.4 Conclusion and Recommendations

Due to their production situation of low demand, the management team do not consider any investment in technology improvement or EE measures. Therefore, no viable EE measures can be identified for further assessment as a candidate for pilot project

1.8 Quang Ninh Seafood Import-Export Joint stock Company

1.8.1 Brief introduction

Company name	:	Quang Ninh Seaproducts Import-Export Joint stock Company
Address	:	35 Ben Tau, Bach Dang, Ha Long city, Quang Ninh province
Type of product	:	Shrimp, fish, squid sashimi frozen
Ownership	:	Private
Production capacity	:	650 tons of products per year.
Type of fuel consumption	:	Electricity
Total energy consumption	:	Energy consumption in 2014: 2.67 million kWh of electricity Energy consumption in 2015: 2.73 million kWh of electricity.
Major energy load by equipment	:	Electricity is used for variable purposes such as: exhaust fans, conditioner system, lightings system, pumps, air blast freezer, refrigerant compressors, etc. Water is used for living purpose and washing.

1.8.2 Energy Efficiency Situation

Energy audit were carried out in Halong Seafood Company in the year 2016 and a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings (USD)		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	Investing a IQF 500 kg/h using NH ₃	708,052		44,992	300,000
2	Upgrading refrigeration system	396,509		25,182	100,000
3	Removing water from the Ammonia	118,349		7,523	14,500
4	Using the Automatic Air purger equipment	42,969		2,732	10,500
5	Installing VSD for refrigerant compressors – Workshop 2	86,151		5,477	11,800

No potential EE measures have been implemented.

1.8.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Halong Seafood Company:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Investing a IQF 500 kg/h using NH ₃	1	2016 - 2017	300,000
2	Upgrading refrigeration system	3	N/I	100,000

1.8.4 Conclusion and Recommendations

The management team is very interested in EE measures, however they are in financial difficulties and are not able to allocate their own fund for this type of investment. The EE investment project will become feasible only with financial support.

1.9 Saigon Halong Hotel

1.9.1 Brief introduction

Company name	:	Saigon Halong Hotel Tourism JSC
Address	:	No. 168, Ha Long Street, Bai Chay Ward, Ha Long city, Quang Ninh province
Type of product	:	Hotel services
Ownership	:	Private
Accommodation capacity	:	223 rooms.
Type of fuel consumption	:	Electricity, Diesel oil, Coal
Total energy consumption	:	Electricity consumption in 2012: 1.64 million kWh of electricity.

Major energy load by equipment : Diesel oil consumption in 2012: 23,000 liters.
Coal consumption in 2012 : 10 tons/month
Electricity is used for variable purposes such as: Air conditioning system to make cool air and warm air, lightings system, pumps, system to make hot water, etc.
Coal consumption for hot water and steam.
Water is used for living purpose and laundry

1.9.2 Energy Efficiency Situation

Based on the report provided by Saigon Halong Hotel, a number of energy efficiency opportunities have been identified as follow:

No.	Potential Energy Efficiency Measures	Energy savings (USD)		Cost savings (USD)	Investment cost (USD)
		Electricity (kWh/year)	Fuels (ton/year)		
1	High efficient lighting	N/I	N/I	N/I	N/I
2	Installation of solar water heater	N/I	N/I	N/I	N/I
3	Replacing of water bottles in the toilet water tanks for water saving	N/I	N/I	N/I	N/I

All mentioned EE measures have been implemented.

1.9.3 Energy Efficiency Investment Plans

In order to further reduce production cost and increase the products' quality, the following EE investment projects are being considered and developed by Halong Seafood Company:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Improving lighting system (LED), auto switching	2	N/I	N/I
2	Wastewater treatment system to re-use for tree planting and providing water for toilet	2	N/I	N/I
3	Apply boiler system to increase heat for central air conditioning system (Chiller of 160kW capacity)	2	2018	2.2 million USD
4	Use the Heat Pump	2	N/I	N/I

1.9.4 Conclusion and Recommendations

Although no detailed information have been studied for the potential EE measures at Saigon Halong Hotel, the Consultant find some EE measures: Improving lighting system (LED), auto switching and Installation of Heat Pump should be feasible with medium investment cost and feasible technical solution. Therefore, further assessment should be conducted at Saigon Halong Hotel as a candidate for pilot project.

2. SELECTION OF EE MEASURES

2.1 Criteria for selection of EE measures

The assessment of potential EE measures for further study is based on the following criteria:

Criteria	Description
Appropriateness	Type and scale of the EE project model
Effectiveness	Energy saving amount and CO2 reduction
Feasibility	Cost, Recovery years, Willingness of project owner

2.2 Data Matrix for selection of EE measures

No.	Company's name	The energy saving measures	Appropriateness		Effectiveness				Feasibility			
			Type of EE model	Scale	Energy saving amount			Cost savings (USD/year)	Potential CO2 reduction (Tons)	Investment Cost (USD)	Payback period (Year)	Willingness
					Electricity (kWh/year)	Fuel (tons/year)	Fuel (liters/year)					
1	Vinh Thang Joint Stock Company	Check, monitor and timely handle the compressed air leaks	Improvement	10.45%	107,828.00			6,400.91	61.00	3,409.09	0.53	Yes
		Installation of speed control equipments for exhaust fans at the end of furnaces No. 1 and No. 2	New installation	23.50%	80,201.00			4,760.91	45.37	6,325.00	1.33	Yes
		Arrangement reasonable production activities of raw crusher workshop to take advantages of 3 Electricity prices mechanism	Improvement	45.03%				20,006.36	-	-	-	Yes
		Installation of inverter for compressor in mechanical workshop	New installation	13.50%	139,320.00			8,270.45	78.81	16,220.45	1.96	No
		Installation biomass burners used for drying materials in spraying drying tower	New installation	42.10%		2,603.00		119,041.36	-	79,545.45	0.67	No
		Installation of speed control equipment for the furnace heat exchange fan	New installation	33.50%	162,509.00			9,647.27	91.93	13,311.36	1.38	Yes

A-II-91

		Installation of the system breaking material before raw mill	New installation						20,000.0	1.00	Yes		
		Installation of VSD for raw mill	New installation						15,000.0	1.20	Yes		
		Fluidized bed burner installation to utilize coal scrap	New installation						200,000.0	2.50	Yes		
		Revamping the dust filter	Improvement								Yes		
A-II-92	2	Hoang Ha Color Ceramic Joint Stock Company	Installation the timers and turn-off automatically controllers for the crushers, limit excess time of the crushers and ensure to optimize technology time	New installation	1.85%	5,145.8			322.73	2.91	681.82	2.11	No
			Installation of inverters to change motor's speed to change the stirring vanes' speed according to necessary standards of technology	New installation	44.44%	7,800.0			492.27	4.41	795.45	1.62	No
			Installation more power control equipment by PowerBoss in case of changes in load of motors	New installation	5.96%	17,481.0			1,103.64	9.89	4,318.18	3.91	No

A-II-93		Installation of the timers (rounds) and automatically stop the engine on demand of technology	New installation	2.38%	2,437.5			153.64	1.38	681.82	4.44	No
		Use the central controller to control the working mode of compressors on-demand of output pressure appropriately	New installation	2.00%	27,222.0			1,718.18	15.40	3,181.82	1.85	No
		Installation of inverters for compressors to maintain a minimum pressure in the tank	New installation	4.74%	64,584.0			4,077.27	36.54	8,181.82	2.01	No
		Improve capacity management	Improvement									Yes
		Install equipment after the substation for saving energy	New installation							1,000,000	4.00	Yes
3	Vinh Tien Joint Stock Company	Installation of inverters for the exhaust fan which blows from kiln to drying furnace	New installation	32.30%	12,481.0		-	828.64	7.06	2,181.82	2.63	No
		Installation of power control equipment for mixing motor of product forming machine	New installation	15.00%	28,235.0		-	1,875.00	15.97	4,595.45	2.45	Yes
		Installation of power control equipments for kneading machines 30kW (02 machines)	New installation	22.00%	15,423.0		-	1,024.09	8.72	3,231.82	3.16	Yes

		Use MazNitro DX2 additives mixed with diesel fuel for forklift trucks and material trucks systems	New technology	5.80%	-		2,670.3	2,426.36	7,209.86	1,465.00	0.60	No	
		Upgrade the machine shaping and drying system	Improvement							1,000,000	6.00	Yes	
		Installation control equipment	New installation							5,000- 7,500	1.50	Yes	
A-II-94	4	Cement Joint Stock Company and Construction Quang Ninh - Lam Thach 2 Cement Factory	Installation of inverters for clinker cooling fans	New installation	16.00%	558,502			33,681.82	315.94	70,630.91	2.10	Yes
			Installation Powerbosses for materials lift up buckets to heat exchange towers No. 07c.01 and 15c.01	New installation	10.00%	42,778			2,580.00	24.20	7,765.91	3.01	No
			Installation of inverters for water pumping motor of conditioning tower	New installation	17.00%	77,030			4,645.45	43.58	9,575.91	2.06	No
			Installation of inverters for circulatory fans of coal mill machines No. 08:11 and 19:11	New installation	12.00%	173,629			10,471.36	98.22	22,264.09	2.13	No
			Improvement of the cooling towers system and the installation of speed control equipments for fans of hot water cooling tower	Improvement	30.00%	28,512			1,719.55	16.13	2,292.73	1.33	No

		Installation of control device for cooling pumps system	New installation	10.00%	43,264			2,609.09	24.47	5,082.73	1.95	Yes	
		Make use of exhaust heat from clinker kilns and discharged air from the clinker cooling process to generate electricity	Improvement	0.00%	15,667,200			769,762.27	8,862.94	5,836,363.64	7.58	Yes	
		Using E-plus biological waste mixed with fuel to increase combustion efficiency	New technology	4.80%		6,080		157,384.55	12,767.62	369,625.45	2.35	No	
A-II-96	5	Thang Long Cement Joint Stock Company	Improvement of Lighting System	Improvement	22.22%	161,568.0			10,459.09	91.40	10,504.55	1.00	Yes
			Installation of the coordinating controller for compressors station	New installation	4.50%	219,186.0			14,186.36	123.99	32,272.73	2.27	Yes
			Installation of Powerboss for bucket refluxed motor, code 1E1M121	New installation	16.89%	45,147.0			2,922.73	25.54	8,436.36	2.89	No
			Installation of inverter for conditioning tower water pump motor	New installation	20.00%	168,854.0			10,927.27	95.52	13,636.36	1.25	No
			Installation of inverters for water pump motor, code 1D1M174 & 1D1M175	New installation	28.70%	202,528.0			13,109.09	114.57	10,681.82	0.81	No
			Installation of inverters for air supply fan motor of clinker kiln	New installation	24.70%	508,622.0			32,922.73	287.73	90,204.55	2.74	Yes

		Make use of exhaust heat from clinker kilns and discharged air from the clinker cooling process to generate electricity	Improvement	0.00%	54,627,744.0			3,016,890.91	30,902.91	17,300,409.09	5.73	Yes	
		Use nano-enzyme G5CC93 additives to increase combustion efficiency of coal fuel	New technology	4.80%		13,817		118,600.00	29,015.70	-	-	No	
A-II-96	6	Viglacera Ha Long Joint Stock Company Gieng Day Cotto brick factory	Strengthen kilns insulation system	Improvement	0.00%		118		15,714.55	248.41	14,727.27	0.94	Yes
			Make use of exhaust heat to heat the feed water and strengthen condensate recovery of canteen boiler	Improvement	0.00%		8		1,334.09	16.97	4,090.91	3.07	No
			Adjust to strengthen the inverter efficiency of exhaust fans at the top of furnaces	Improvement	26.76%	68,880			4,646.36	38.97	5,681.82	1.22	No
			Adjust to strengthen the inverter efficiency of exhaust fans at the end furnaces and fire support fans.	Improvement	26.18%	295,456			19,930.00	167.14	13,863.64	0.70	Yes
			Installation of inverters for circulating water pump No. M1, M8 and M13	New installation	23.61%	63,392			4,275.91	35.86	5,035.45	1.18	No

		Conversion production at the plant Hoanh Bo, conform Ceric technology	Improvement							900,000		Yes
		Upgrade technology	New technology							13,000,000		Yes
7	Integral Materials Investment Vietnam Co.	Installation of inverters for circulating water pump system of electrolyte furnace	New installation	12.80%	15,437			1,049.09	8.73	2,759.09	2.63	No
		Installation of a cooling tower for cooling circulation system of electrolyte furnace	New installation	0.50%	70,200			4,770.45	39.71	12,500.00	2.62	No
		Installation of inverters for fans vacuuming system of electrolyte furnace	New installation	10.00%	38,880			2,642.27	21.99	8,187.27	3.10	No
8	Quang Ninh Seaproducts Import-Export Joint stock Company	Investing a IQF 500 kg/h using NH3	New technology							300,000	2.5	Yes
		Upgrading refrigeration system	New technology							100,000	3.6	Yes
		Removing water from the Ammonia	New technology							14,500	1.9	Yes
		Using the Automatic Air purger equipment	New technology							10,500	3.8	Yes
		Installing VSD for refrigerant compressors – Workshop 2	New installation								11,800	2.2

9	Saigon Halong Hotel	Improving lighting system (LED), auto switching	Improvement									Yes	
		Wastewater treatment system to re-use for tree planting and providing water for toilet	New technology										Yes
		Apply boiler system to increase heat for central air conditioning system (Chiller)	New technology										Yes
		Use the Heat Pump	New technology										Yes

A-II-98

2.3 Recommendations

2.3.1 Recommendations on potential EE measures for pilot projects development

Based on the selection criteria, the following EE measures are recommended for further assessment to develop pilot projects:

No.	EE Measures	Project Owner	Appropriateness	Effectiveness	Feasibility	Reasons for Selection
1	Installation of raw material agitator	Vinh Thang Joint Stock Company	Yes	Yes	Yes	<ul style="list-style-type: none"> - Technically feasible EE Improvement investment project - Energy savings potential of 20% - Appropriate scale of investment cost (of 20,000 USD) -Short term payback period: <3 years - The project owner is willing to invest - The project owner is interested in cooperation with JICA project for pilot project
2	Improvement of Lighting System	Thang Long Cement	Yes	Yes	Yes	<ul style="list-style-type: none"> - Technically feasible EE Improvement investment project - Energy savings potential of 22% - Appropriate scale of investment cost (of 25,000 USD) -Short term payback period: 1 year - The project owner is willing to invest - The project owner is interested in cooperation with JICA project for pilot project

Energy Efficiency Measures Survey

3	Fluidized bed burner installation to utilize coal scrap	Vinh Thang Joint Stock Company	Yes	Yes	Yes	<ul style="list-style-type: none"> - Technically feasible EE Improvement investment project - Appropriate scale of investment cost (of 200,000 USD) -Medium term payback period: 3 years - The project owner is willing to invest - The project owner is interested in cooperation with JICA project for pilot project
4	Investing a IQF 500 kg/h using NH3	Halong Seafood JSC	Yes	Yes	Yes	<ul style="list-style-type: none"> - Technically feasible EE Improvement investment project - Energy savings potential of 20% - Appropriate scale of investment cost (of 300,000 USD) - The project owner is willing to invest - The project owner is interested in cooperation with JICA project for pilot project
5	Installation of Heat Pump	Saigon Halong Hotel	Yes	Yes	Yes	<ul style="list-style-type: none"> - Technically feasible EE Improvement investment project -Short term payback period: < 3 years - The project owner is willing to invest - The project owner is interested in cooperation with JICA project for pilot project

2.3.2 Financing scheme- wise proposals for pilot projects

No.	Financing Scheme	Project Owner	EE Measures	Reasons for selection	Remarks
Subsidy					
1		Vinh Thang Joint Stock Company	Installation of raw material agitator	Viable EE technology Small company with limited financial capacity Small investment :20,000 USD	The project is out of project target area
ESCO					
1		Halong Seafood JSC	Investing a IQF 500 kg/h using NH3	Viable EE technology Limited financial capacity Medium investment :300,000 USD	
2		Saigon Halong Hotel	Installation of Heat Pump	Viable EE technology Limited financial capacity Medium investment	
3		Vinh Thang Joint Stock Company	Fluidized bed burner installation to utilize coal scrap	Viable EE technology Limited financial capacity Medium investment :200,000 USD	The project is out of project target area
Preferential Loan					
1		Viglacera Halong	Installation of high efficient furnace	Viable EE technology Large enterprise with strong financial capacity Big investment :900,000 USD	
2		Viglacera Halong	Technology replacement	Viable EE technology Large enterprise with strong financial capacity Big investment :13,000,000 USD	
3		Thang Long Cement	Improvement of Lighting System Installation of inverters for conditioning tower water pump motor/ water pump motor/air supply fan motor of clinker kiln	Viable EE technology Large enterprise with strong financial capacity Big investment :81,959.09 USD	

Quang Ninh, July - 2016

REPORT

Energy Efficiency Measures Survey for Project for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay

Prepared by: RCEE - NIRAS JSC.



Content

- **Background**
- **Scope of the survey**
- **Introduction of the surveyed enterprises**
- **Assessment of Energy Efficiency measures**
- **Conclusion and Recommendations**

Background

- Part of the project: Preparatory Study for the Project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation for the Halong Bay in the Socialist Republic of Vietnam
- Objectives of the assignment:
 - Assessment results from the energy efficiency (EE) measures survey
 - Selection of pilot demonstration project for Institutional Development for Green Growth Implementation and Strengthening of Environmental Management System towards Sustainable Conservation.

Scope of the survey

09 industrial enterprises located in Quang Ninh Province have been selected

Meetings and interviews fro 25-26 May 2016

No.	Name of the company	Product type
1	Vinh Thang Joint Stock Company	Glazed- floor tile
2	Hoang Ha Colored Ceramics JSC	Ceramic tile
3	Vinh Tien Joint Stock Company	Brick
4	Lam Thach 2 Cement Company	Clinker, cement
5	Thang Long Cement Joint Stock Company	Clinker, cement
6	Viglacera Halong Joint Stock Company	Ceramic tile
7	Intgral Materials Investment Vietnam	Metal, rare earth elements
8	Quang Ninh Seafood Import-Export Joint stock Company	Frozen sefood
9	Saigon Halong Hotel	Hotel services

Introduction of the surveyed enterprises

Vinh Thang Joint Stock Company

- Address: Kim Son Industrial Cluster, Kim Son ward, Dong Trieu town, Quang Ninh Province
- Type of product: Glazed- floor tile
- Type of fuel consumption: Electricity, coal and DO
- Energy audit were carried out in Vinh Thang JSC in the year 2015
- Since the last energy audit, Vinh Thang has implemented some EE measures, including:
 - Internal management:
 - Limitation of unload mode of machines by close coordination between departments, workshops in manufacturing management; Strengthening monitor activities for big motors, machines; Recording operating history and do maintenance in necessary.
 - Using heat exhaust from kilns for drying furnace, instead of using fuel for drying process.
 - Company has policies about energy, SEC to assess the production status.
 - Using natural lights.
 - Measures for improvement of EE for equipment:
 - Take advantage of natural lights in workshops and warehouses.
 - Installation of reactive power compensation system to ensure power factor $\cos \phi > 0,9$.
 - Installation of inverter for motor of air supply fan of coal gasification furnace.
 - Using heat of exhaust gas of kiln to preheat tiles before kiln.

Introduction of the surveyed enterprises

Hoang Ha Colored Ceramics Joint Stock Company

- Address: Kim Son Industrial Cluster, Kim Son ward, Dong Trieu town, Quang Ninh Province
- Type of product: Ceramic tile
- Type of fuel consumption: Electricity, dust coal, solid coal 4A, coal-gas (from coal gasification), Diesel oil (DO), gas (LPG).
- Energy audit were carried out in Hoang Ha JSC in the year 2014
- Since the last energy audit, Hoang Ha has implemented some EE measures, including:
 - Installation of automatic coal intake system, saving 10% of coal consumption
 - Installation of 10 VSD for raw grinding system, a capacity of 200 kW / engine.
 - Installation of 10 VSD for glazed grinding system, a capacity of 37kW / engine.

Introduction of the surveyed enterprises

Vinh Tien Joint Stock Company

- Address: Mao Khe ward, Dong Trieu town, Quang Ninh province
- Type of product: Brick
- Type of fuel consumption: Electricity, coal, Diesel oil (DO)
- Energy audit were carried out in Vinh Tien JSC in the year 2015
- Since the last energy audit, Vinh Tien has implemented some EE measures, including:
 - Installation of reactive power compensation system to ensure power factor $\cos \varphi > 0,9$
 - Installation of inverter for exhaust fans system of kiln
 - Using heat of exhaust gas of kiln to preheat bricks before kiln
 - Change the engine with a capacity matching
 - Installation control device of large capacity engine.

Introduction of the surveyed enterprises

Lam Thach 2 Cement Company

- Address: Phuong Nam ward, Uong Bi City, Quang Ninh Province
- Type of product: Clinker, cement ($C_{pc}50$, PCB30, PCB40)
- Type of fuel consumption: Electricity, coal
- Energy audit were carried out in Lam Thanh 2 Company in the year 2014
- Since the last energy audit, Lam Thach 2 Company has implemented some EE measures, including:
 - Improve capacity management.
 - Installation VSD for clinker cooler with power 37 kW and 45 kW.

Introduction of the surveyed enterprises

Lam Thach 2 Cement Company

- Address: Phuong Nam ward, Uong Bi City, Quang Ninh Province
- Type of product: Clinker, cement (C_{pc}50, PCB30, PCB40)
- Type of fuel consumption: Electricity, coal
- Energy audit were carried out in Lam Thanh 2 Company in the year 2014
- Since the last energy audit, Lam Thach 2 Company has implemented some EE measures, including:
 - Improve capacity management.
 - Installation VSD for clinker cooler with power 37 kW and 45 kW.

Introduction of the surveyed enterprises

Thang Long Cement Joint Stock Company

- Address: Le Loi commune, Hoanh Bo district, Quang Ninh Province
- Type of product: Clinker, cement
- Type of fuel consumption: Electricity, Coal, Diesel Oil
- Energy audit were carried out in Thang Long Cement JSC in the year 2014
- Since the last energy audit, Thang Long Cement JSC has implemented some EE measures, including:
 - Strengthening internal management and maintenance equipment.
 - Developments ISO 50001 (not completed).

Introduction of the surveyed enterprises

Viglacera Halong Joint Stock Company

- Address: Ha Long city, Quang Ninh Province
- Type of product: Ceramic tile
- Type of fuel consumption: Electricity, Gas (LPG), Diesel oil (DO), dust coal 3c, solid coal 4b.
- Energy audit were carried out in Viglacera Halong JSC in the year 2015.
- Since the last energy audit, Viglacera Halong JSC has implemented some EE measures, including:
 - Implementing fuel switch, increased productivity fires.
 - Increased internal audit.
 - Installation VSD for large motors and insulate the furnace

Introduction of the surveyed enterprises

Intgral Materials Investment Vietnam

- Address: G2 ward, Viet Hung Industrial zone, Ha Long city, Quang Ninh Province
- Type of product: Metal, rare earth elements
- Type of fuel consumption: Electricity
- Energy audit were carried out in Intgral Materials Investment Company in the year 2015
- Based on the internal energy audit, it was concluded that the existing equipment is of efficiency and no EE potential opportunities have been identified.

Introduction of the surveyed enterprises

Quang Ninh Seafood Import-Export Joint stock Company

- Address: 35 Ben Tau, Bach Dang, Ha Long city, Quang Ninh Province
- Type of product: Shrimp, fish, squid sashimi frozen
- Type of fuel consumption: Electricity
- Energy audit were carried out in Halong Seafood Company in the year 2016
- No potential EE measures have been implemented.

Introduction of the surveyed enterprises

Saigon Halong Hotel

- Address: No. 168, Ha Long Street, Bai Chay Ward, Ha Long city, Quang Ninh Province
- Type of product: Hotel services
- Type of fuel consumption: Electricity, Diesel oil, Coal
- ▶ Major energy load by equipment:
 - Electricity is used for variable purposes such as: Air conditioning system to make cool air and warm air, lightings system, pumps, system to make hot water, etc.
 - Coal consumption for hot water and steam.
 - Water is used for living purpose and laundry

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Vinh Thang JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Arrangement reasonable production activities of raw crusher workshop to take advantages of Electricity tariff	1	2016	N/I
2	Installation of raw material agitator	1	2016	20,000
3	Installation of Variable Speed Drive (VSD) for raw mill	1	2016	15,000
4	Fluidized bed burner installation to utilize coal scrap	2	2017	200,000
5	Revamping the dust filter	2	2017	N/I

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Hoang Ha JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Improve capacity management	1	2016	N/I
2	Install equipment after the substation for saving energy	2	N/I	1,000,000

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Vinh Tien JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Upgrade the machine shaping and drying system	1	2018 - 2019	1,000,000
2	Installation control equipment	2	2017 - 2018	5,000-7,500

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Lam Thach 2 Company:

Stt	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Construction of waste heat recycling power generator	1	2017	9,000,000
2	Installation inverter for fan and compressor	2	N/I	500,000
3	Increase operating time furnaces	1	N/i	N/I

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Thang Long Cement JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Construction of waste heat recycling power generator	1	2017-2019	17,272,272
2	Improving lighting system (indoor and outdoor)	2	2016	11,360
3	Installing the inverter to motor of air supply fan of kiln	3	2017-2019	100,000

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Viglacera Halong JSC:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Installation of high efficient furnace	1	2017	900,000
2	Technology replacement to reduce energy consumption from 850kCal/kg product to 500kCal/kg product	2	N/I	13,000,000

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Intgral Materials Investment:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Installation of cooling tower	1	Invested already but not yet installed	N/I

Assessment of Energy Efficiency Measures

EE investment projects considered and developed by Halong Seafood Company:

No.	Energy Efficiency projects	Priority	Project Schedule	Investment cost (USD)
1	Investing a IQF 500 kg/h using NH3	1	2016 - 2017	300,000
2	Upgrading refrigeration system	3	N/I	100,000

Conclusions and Recommendations

Vinh Thang Joint Stock Company

Conclusion:

- Vinh Thang JSC is interested in energy saving because energy cost accounts for 40% of their production cost per product, with intensive energy used equipment.
- The EE measures of Vinh Thang high priority are of feasible and of high potential for replication in other factories.
- Vinh Thang management level is well aware of ESCO model and they are interested in cooperation for this model for relevant EE projects.

Recommendations:

- Further assessment on potential EE measures at Vinh Thang JSC for cooperation to develop pilot project.

Conclusions and Recommendations

Hoang Ha Colored Ceramics Joint Stock Company

Conclusion:

- Hoang Ha JSC is interested in EE measures for improving their energy cost.
- Hoang Ha JSC has no technical barrier to invest in their EE measure: Install equipment after the substation for saving energy, however they are lacking of financial capital for investment.

Recommendations:

- The potential EE investment project developed by Hoang Ha JSC is of large scale investment, Hoang Ha JSC should be not appropriate for further assessment to develop pilot project.

Conclusions and Recommendations

Vinh Tien Joint Stock Company

Conclusion:

- Vinh Tien JSC is interested in technology improvement, however they are facing financial difficulties.
- The high priority of the factory is to replace their existing production line with an advance technology, which is a large investment and the project is of low potential for replication in other factories in the sector.

Recommendations:

- Vinh Tien JSC should be not appropriate for further assessment to develop pilot project.

Conclusions and Recommendations

Lam Thach 2 Cement Company

Conclusion:

- The EE measure of highest priority for Lam Thach 2 Cement Plant is waste heat recovery project, which is of very large scale investment
- Despite their willingness to further development of this investment project, they are facing the financial difficulties.

Recommendations:

- Due to their high investment cost, potential EE measure developed by Lam Thach 2 is not appropriate for further assessment as a pilot project.

Conclusions and Recommendations

Thang Long Cement Joint Stock Company

Conclusion:

- Thang Long Cement Plant shows their interest in EE activities and is willingness to cooperate for the development of EE investment project.
- Among the EE measures of high priority by Thang Long Cement Plant, the EE lighting project and installation of inverters are most feasible with low investment cost and short term payback period.
- This type of EE project is also of high potential for replication among industrial enterprises.

Recommendations:

- Thang Long Cement Plant can be considered appropriate for further assessment to develop as a candidate for pilot project.

Conclusions and Recommendations

Viglacera Halong Joint Stock Company

Conclusion:

- This company installed most or energy saving solutions which have been identified.
- Two viable EE solutions of medium investment scale which have been considered at the moment by the company are viable but require high investment.

Recommendations:

- Therefore, with their strong financial capacity, Viglacera HaLong should be considered as a candidate for preferential loans

Conclusions and Recommendations

Integral Materials Investment Vietnam

Conclusion:

➤ Due to their production situation of low demand, the management team do not consider any investment in technology improvement or EE measures

Recommendations:

➤ No viable EE measures can be identified for further assessment as a candidate for pilot project.

Conclusions and Recommendations

Quang Ninh Seafood Import-Export Joint stock Company

Conclusion:

➤ The management team is very interested in EE measures, however they are in financial difficulties and are not able to allocate their own fund for this type of investment.

Recommendations:

➤ The EE investment project will become feasible only with financial support.

Conclusions and Recommendations

Saigon Halong Hotel

Conclusion:

- No detailed information have been studied for the potential EE measures at Saigon Halong Hotel.
- The Consultant find some EE measures: Improving lighting system (LED), auto switching and Installation of Heat Pump should be feasible with medium investment cost and feasible technical solution.

Recommendations:

- Need further assessment should be conducted at Saigon Halong Hotel as a candidate for pilot project.

Conclusions and Recommendations

Other key findings from the survey

- Management of local enterprises show their interest in energy efficiency opportunities and are willingness to cooperate for development EE investment projects if feasible
- Most selected enterprises are well aware of EE measures that can be applied for their production facilities. Most responses show no technical barriers for development of EE investment project. And most of them have their investment plans for EE projects.
- All surveyed enterprises show their demand for financial support for their EE investment projects to overcome the challenges of high investment cost but low savings of this type of investment.
- Only 1 surveyed enterprise is aware of ESCO model. However, with more information and explanation, all of surveyed enterprises confirm their interest in ESCO model if feasible.

Thank you !



33